

Báo cáo Nghiên cứu

TÍNH HỢP PHÁP CỦA SẢN PHẨM GỖ TRONG MUA SẴM CÔNG Ở VIỆT NAM

Thực trạng pháp luật, thực tiễn và Thách thức trong thực thi VPA/FLEGT





Báo cáo Nghiên cứu

TÍNH HỢP PHÁP CỦA SẢN PHẨM GỖ TRONG MUA SẮM CÔNG Ở VIỆT NAM

Thực trạng pháp luật, thực tiễn và Thách thức trong thực thi VPA/FLEGT

LỜI NÓI ĐẦU



Hiệp định đối tác tự nguyện về thực thi luật lâm nghiệp, quản trị rừng và thương mại lâm sản (viết tắt là VPA/FLEGT) giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu (EU) được ký ngày 19/10/2018, chính thức có hiệu lực từ ngày 01/06/2019.

Bằng việc tham gia Hiệp định này, Chính phủ Việt Nam đã thể hiện một quyết tâm lớn trong thực hiện quản lý bền vững rừng cũng như phát triển bền vững ngành chế biến gỗ. Mặc dù Hiệp định được ký kết chỉ với đối tác EU, Việt Nam đã đưa ra một cam kết mạnh, theo đó tất cả các sản phẩm gỗ, bao gồm cả sản phẩm xuất khẩu và các sản phẩm tiêu thụ trên thị trường nội địa đều phải là sản phẩm hợp pháp¹. Để làm được điều này, Việt Nam cam kết sử dụng gỗ nguyên liệu đầu vào, bao gồm cả gỗ khai thác trong nước và gỗ nhập khẩu, là gỗ hợp pháp.

Một đặc điểm khác biệt trong thực thi Hiệp định VPA/FLEGT so với bất kỳ Hiệp định nào đã ký trước đây là Chính phủ Việt Nam tham gia thực thi đồng thời ở cả hai vai trò. Thứ nhất, với vai trò của nhà quản lý, Chính phủ Việt Nam có nghĩa vụ xây dựng và vận hành hệ thống đảm bảo tính hợp pháp của gỗ (gọi tắt là VNTLAS) nhằm kiểm soát chặt chẽ toàn bộ chuỗi cung liên quan đến gỗ. Thứ hai, với vai trò người sử dụng gỗ và các sản phẩm gỗ, Chính phủ Việt Nam suy đoán có trách nhiệm bảo đảm rằng gỗ và các sản phẩm gỗ được mua sắm bằng vốn Nhà nước là gỗ hợp pháp.

Nghiên cứu này tập trung vào vai trò thứ hai của Chính phủ trong VPA/FLEGT – vai trò “người tiêu dùng gỗ và sản phẩm gỗ có trách nhiệm” – một vai trò rất mới trong thực hiện các cam kết quốc tế.

Trên thực tế, mặc dù đến nay chưa có thống kê nào chính xác về quy mô của mua sắm công gỗ và các sản phẩm gỗ, có thể khẳng định quy mô của thị trường này là rất đáng kể. Theo Báo cáo về mua sắm công bền vững của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Việt Nam chi trung bình 20 - 30% ngân sách hàng năm vào mua sắm công². Con số này có thể tăng lên tới 50% nếu bao gồm chi tiêu cho thi công. Với thị phần như vậy, nếu “khách hàng Nhà nước” thực hiện nghiêm khắc yêu cầu gỗ hợp pháp, đây sẽ là sức ép lớn để các doanh nghiệp nhà thầu thực hiện gỗ hợp pháp trong hoạt động sản xuất kinh doanh của mình, từ đó thúc đẩy việc thực hiện gỗ hợp pháp trong ngành sản xuất chế biến đồ gỗ nói chung.

Vào thời điểm này, khi VPA/FLEGT chỉ vừa mới có hiệu lực, nhận thức về việc sử dụng gỗ hợp pháp trong mua sắm công trong doanh nghiệp cũng như các cơ quan Nhà nước cũng đã bắt đầu được chú ý. Chỉ thị 08/CT-TTg ngày 28/3/2019 về một số nhiệm vụ, giải pháp phát triển nhanh và bền vững ngành công nghiệp chế biến gỗ và lâm sản ngoài gỗ phục vụ xuất khẩu có nêu định hướng chính sách mua sắm công ưu tiên sử dụng gỗ rừng trồng hợp pháp. Đây có thể xem là một bước tiến quan trọng về mặt nhận thức về mua sắm công gỗ hợp pháp. Mặc dù vậy, đây mới chỉ là định hướng, và ngay cả khi định hướng được thể hiện cụ thể bằng chính sách, vấn đề “gỗ hợp pháp” vẫn mới chỉ dừng lại ở chính sách “ưu tiên”, chưa phải cơ chế pháp luật ổn định và bắt buộc về mua sắm công gỗ hợp pháp.

Về mặt pháp lý, mua sắm công nói chung và mua sắm công gỗ và các sản phẩm gỗ nói riêng hiện được vận hành theo các nguyên tắc và quy định trong hệ thống pháp luật về đấu thầu. Pháp luật và tình hình thi hành pháp luật về đấu thầu sẽ có ảnh hưởng quan trọng và trực tiếp đến việc thực hiện gỗ hợp pháp trong mua sắm công đồ gỗ.

1. Điều 13 VPA/FLEGT quy định “... Việt Nam phải xác minh tính hợp pháp của các sản phẩm gỗ được xuất khẩu sang các thị trường ngoài Liên minh và các sản phẩm gỗ được tiêu thụ tại thị trường trong nước”

2. Xem bài “Mua sắm công bền vững: Động lực của phát triển” (Báo Đầu thầu, bài đăng ngày 2/1/2018) <http://baodauthau.vn/da-thau/mua-sam-cong-ben-vung-dong-luc-cua-phat-trien-60199.html>

Hiện chưa có bất kỳ nghiên cứu nào về việc liệu hệ thống pháp luật này có đủ để kiểm soát tính hợp pháp của gỗ và các sản phẩm gỗ được mua sắm công. Cũng như vậy, chưa có nghiên cứu thực tiễn nào về hiện trạng việc đấu thầu của các chủ đầu tư, đơn vị mua sắm và việc thực hiện cung cấp sản phẩm của các nhà thầu liên quan tới nguồn gốc hợp pháp của gỗ và các sản phẩm gỗ là đối tượng mua sắm.

Nghiên cứu này được thực hiện bởi Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam với sự phối hợp của các Hiệp hội Gỗ và lâm sản Việt Nam (VIFORES), Hội Mỹ nghệ và Chế biến gỗ TP. Hồ Chí Minh (HAWA), Hiệp hội Gỗ và Lâm sản Bình Định (FPA Bình Định) và Tổ chức FOREST TRENDS. Nghiên cứu nhằm đưa ra bức tranh và những thông tin sơ bộ đầu tiên về các khía cạnh pháp luật và thực trạng mua sắm công đối với gỗ và các sản phẩm gỗ ở Việt Nam. Cụ thể, Nghiên cứu tìm câu trả lời cho các câu hỏi sau:

- Thực trạng của hệ thống pháp luật về đấu thầu hiện nay có những quy định gì về tính hợp pháp của gỗ và các sản phẩm gỗ? Các quy định này (nếu có) đáp ứng như thế nào đối với các yêu cầu được cam kết trong VPA đối với gỗ và các sản phẩm gỗ?
- Yêu cầu về tính hợp pháp của gỗ và các sản phẩm gỗ trong các dự án và gói thầu mua sắm công (nếu có) trong thực tế được thể hiện như thế nào?
- Thực tiễn các hoạt động cung cấp gỗ và các sản phẩm gỗ cho một số dự án và gói thầu mua sắm công đang như thế nào?

Để đạt được mục tiêu nói trên, Nghiên cứu được thiết kế với 03 Hợp phần chính:

- Rà soát hệ thống pháp luật đấu thầu hiện hành, qua đó nhận diện và đánh giá mức độ hiệu quả của các quy định/yêu cầu pháp luật về tính hợp pháp mặt hàng gỗ trong mua sắm công, nếu có;
- Rà soát các bộ hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, bản yêu cầu báo giá thực tế có đối tượng mua sắm là gỗ và các sản phẩm gỗ, qua đó tìm hiểu thực tiễn mức độ quan tâm và các yêu cầu cụ thể từ phía chủ đầu tư/đơn vị mua sắm đối với tính hợp pháp của gỗ và các sản phẩm gỗ trong các gói thầu liên quan;
- Khảo sát các doanh nghiệp đã từng cung cấp gỗ và các sản phẩm gỗ cho các cơ quan sử dụng ngân sách Nhà nước thông qua hệ thống đấu thầu, qua đó đánh giá sự quan tâm (nếu có) của các doanh nghiệp về tính hợp pháp của gỗ và các sản phẩm gỗ và khả năng của doanh nghiệp trong việc bảo đảm gỗ và các sản phẩm gỗ cung cấp là hợp pháp.

Do quy mô hạn chế, Nghiên cứu này không kỳ vọng nêu đầy đủ thực trạng về pháp luật cũng như thực tiễn về gỗ hợp pháp trong các hợp đồng mua sắm công liên quan tới mặt hàng gỗ ở Việt Nam. Nghiên cứu đặt mục tiêu cung cấp những thông tin cơ bản đầu tiên về các vấn đề này, từ đó nhận diện một số bất cập và tồn tại nổi cộm nhất trong thực tiễn liên quan và các gợi ý chính sách từ đây.

Hy vọng đây sẽ là cơ sở có ý nghĩa cho các nghiên cứu đầy đủ và quy mô hơn tiếp theo về gỗ hợp pháp trong mua sắm công ở Việt Nam, qua đó làm nền tảng khuyến nghị Chính phủ Việt Nam trong xây dựng và thực hiện hệ thống đấu thầu công nhằm bảo đảm tính hợp pháp đối với gỗ và sản phẩm gỗ là đối tượng mua sắm trong hệ thống này.

Nhóm Nghiên cứu trân trọng cảm ơn Cơ quan Hợp tác Phát triển của Vương Quốc Anh (DFID) và Cơ quan Hợp tác Phát triển của Chính phủ Na Uy, đã tham gia hỗ trợ nguồn lực cho Nghiên cứu này.

**Trung tâm WTO và Hội nhập
Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam**

MỤC LỤC



Tóm tắt Báo cáo	10
Dẫn đề	14
Hiệp định VPA/FLEGT và các yêu cầu liên quan tới tính hợp pháp của gỗ và các sản phẩm gỗ trong mua sắm công	
Phần thứ nhất	18
Báo cáo rà soát pháp luật đấu thầu Việt Nam về tính hợp pháp của gỗ và sản phẩm gỗ trong mua sắm công	
I. Hệ thống pháp luật đấu thầu Việt Nam và phạm vi của Nghiên cứu Rà soát	20
1. Giới thiệu về hệ thống pháp luật đấu thầu Việt Nam	20
2. Phạm vi Rà soát	22
3. Một số đặc điểm của pháp luật đấu thầu có ảnh hưởng tới việc Rà soát	23
II. Kết quả Rà soát về cơ chế kiểm soát tính hợp pháp của hàng hóa trong mua sắm công trong hệ thống pháp luật đấu thầu	24
1. Về cơ chế bảo đảm tuân thủ pháp luật chung	24
2. Về cơ chế bảo đảm hàng hóa, dịch vụ mua sắm công tuân thủ pháp luật liên quan	26
III. Tiểu kết	38
1. Các kết quả rà soát hệ thống pháp luật đấu thầu	38
2. Các đề xuất điều chỉnh đối với hệ thống pháp luật đấu thầu	39
Phần thứ hai	42
Báo cáo Rà soát các hồ sơ mời thầu mua sắm gỗ và sản phẩm gỗ	
I. Phạm vi rà soát và các tác động tới kết quả rà soát	44
1. Phạm vi rà soát	44
2. Ảnh hưởng từ phạm vi rà soát tới kết quả nghiên cứu	46
II. Về các hồ sơ mời thầu được rà soát	47
1. Về chủ thể mua sắm	47
2. Về chủ thể thụ hưởng	48
3. Về hình thức mua sắm	49
4. Về các sản phẩm gỗ được mua sắm	50
III. Kết quả rà soát	51
1. Về các yêu cầu đối với loại gỗ nguyên liệu	51
2. Về các yêu cầu đối với nguồn gốc xuất xứ của gỗ nguyên liệu	54
3. Các yêu cầu đặc thù về tính hợp pháp của gỗ và các sản phẩm gỗ trong các hồ sơ mời thầu	56
IV. Tiểu kết	64
1. Các thực tế cơ bản rút ra từ kết quả rà soát 100 hồ sơ mời thầu	64
2. Các gợi ý chính sách từ kết quả rà soát 100 hồ sơ mời thầu mua sắm gỗ và các sản phẩm gỗ qua mạng	65

Phần thứ ba	68
Báo cáo Khảo sát một số doanh nghiệp - nhà thầu cung cấp gỗ và các sản phẩm gỗ qua thủ tục đấu thầu	
I. Phạm vi khảo sát và các tác động tới kết quả khảo sát	70
1. Mẫu khảo sát	70
2. Giai đoạn khảo sát	70
3. Phạm vi các nội dung khảo sát	71
II. Về các doanh nghiệp tham gia Khảo sát	72
1. Về nguồn gốc vốn sở hữu	72
2. Về các chứng chỉ sẵn có của doanh nghiệp	72
3. Về quy mô của doanh nghiệp	74
4. Về kinh nghiệm cung cấp gỗ cho đơn vị sử dụng vốn Nhà nước của doanh nghiệp	76
III. Về kết quả khảo sát doanh nghiệp về thực tiễn cung cấp sản phẩm gỗ cho các đơn vị sử dụng vốn Nhà nước	78
1. Về các hợp đồng cung cấp sản phẩm gỗ cho các đơn vị sử dụng vốn Nhà nước	78
2. Về thực tế gỗ nguyên liệu sử dụng trong các hợp đồng mua sắm công đồ gỗ	85
IV. Về kết quả Khảo sát doanh nghiệp về nhận thức về VPA/FLEGT và yêu cầu gỗ hợp pháp trong Hiệp định này	99
1. Về nhận thức chung của doanh nghiệp với VPA/FLEGT	99
2. Hiểu biết của doanh nghiệp về yêu cầu gỗ hợp pháp trong VPA/FLEGT	101
V. Tiểu kết	103
1. Kết quả Khảo sát	103
2. Các gợi ý chính sách cho thực thi VPA/FLEGT từ kết quả Khảo sát các doanh nghiệp	106
Kết luận	108
Phụ lục 1 – Danh mục văn bản pháp luật đấu thầu được rà soát	110
Phụ lục 2 – Các Quy trình đấu thầu cơ bản	112

Danh mục Hình

Hình 1 – Các chủ thể mua sắm trong các hồ sơ mời thầu được rà soát	47
Hình 2 – Các chủ thể thụ hưởng trong các hồ sơ mời thầu được rà soát	48
Hình 3 – Hình thức đấu thầu của các gói thầu được rà soát	49
Hình 4 – Yêu cầu về loại gỗ (tự nhiên) trong các hồ sơ mời thầu	53
Hình 5 – Mức độ quan tâm tới loại gỗ và xuất xứ gỗ nguyên liệu trong các hồ sơ mời thầu	54
Hình 6 – Yêu cầu về xuất xứ gỗ nguyên liệu trong các hồ sơ mời thầu	55
Hình 7 – Quy mô của doanh nghiệp tham gia Khảo sát	75
Hình 8 – Kinh nghiệm cung cấp gỗ trong mua sắm công của các doanh nghiệp tham gia Khảo sát	77
Hình 9 – Các hình thức tiếp cận các gói thầu công mua sắm đồ gỗ của doanh nghiệp	79
Hình 10 – Các vấn đề doanh nghiệp phải giải trình để tiếp cận các hợp đồng	80
Hình 11 – Các nhóm khách hàng mua sắm công sản phẩm gỗ	82
Hình 12 – Các nhóm sản phẩm gỗ được mua sắm công	83
Hình 13 – Giá trị các hợp đồng mua sắm công đồ gỗ	84
Hình 14 – Nguồn gỗ nguyên liệu sử dụng trong các hợp đồng mua sắm công đồ gỗ	85
Hình 15 – Hiểu biết của doanh nghiệp về loại và xuất xứ của gỗ rừng tự nhiên nhập khẩu	87
Hình 16 – Ý tưởng về nguồn gỗ nguyên liệu sử dụng trong các hợp đồng mua sắm công đồ gỗ	90
Hình 17 – Cách thức yêu cầu về gỗ hợp pháp trong các gói thầu mua sắm đồ gỗ công	92
Hình 18 – Các bằng chứng về gỗ hợp pháp mà doanh nghiệp cung cấp cho bên mời thầu	94
Hình 19 – Đánh giá chung về mức độ quan tâm tới gỗ hợp pháp của bên mời thầu	95
Hình 20 – Các loại giấy tờ chứng minh nguồn gốc, chủng loại gỗ nguyên liệu mà doanh nghiệp lưu giữ	97
Hình 21 – Các loại giấy tờ về hoạt động sản xuất chế biến gỗ mà doanh nghiệp lưu giữ	98
Hình 22 – Nhận thức của doanh nghiệp về VPA/FLEGT	99
Hình 23 – Hiểu biết của doanh nghiệp về phạm vi các sản phẩm gỗ phải đáp ứng yêu cầu gỗ hợp pháp theo VPA/FLEGT	101
Hình 24 – Hiểu biết của doanh nghiệp về hệ thống pháp luật tuân thủ để bảo đảm gỗ hợp pháp theo VPA/FLEGT	102

TÓM TẮT BÁO CÁO



VPA/FLEGT - Hiệp định đối tác tự nguyện về thực thi luật lâm nghiệp, quản trị rừng và thương mại lâm sản có hiệu lực giữa Việt Nam và EU từ 1/6/2019 là dấu mốc quan trọng trong tiến trình thực hiện quản lý bền vững rừng cũng như phát triển bền vững ngành chế biến gỗ ở Việt Nam.

Từ góc độ thực hiện cam kết VPA-FLEGT, việc bảo đảm gỗ hợp pháp đối với gỗ nhập khẩu và xuất khẩu là tương đối khả thi. Lý do là tất cả gỗ và sản phẩm nhập khẩu hay xuất khẩu đều phải qua bước kiểm soát tại cửa khẩu. Và tại đây cơ quan có thẩm quyền có thể kiểm tra tính hợp pháp của gỗ và các sản phẩm gỗ thông qua các cơ chế kiểm soát bắt buộc.

Trong khi đó, với gỗ tiêu thụ trong nước, việc bảo đảm thực thi cam kết sẽ khó khăn hơn rất nhiều, bởi hiện không có bất kỳ cơ chế thường xuyên và bắt buộc nào của Nhà nước cho phép kiểm soát tính hợp pháp của các gỗ và các sản phẩm gỗ trước khi tới tay người mua nội địa. Do đó, một trong những giải pháp được tính tới là kiểm soát gỗ hợp pháp bởi chính người mua. Nếu người mua có yêu cầu về gỗ hợp pháp, chủ thể kinh doanh gỗ sẽ phải bảo đảm tính hợp pháp của gỗ.

Trong thị trường gỗ nội địa, Nhà nước là “người mua” đặc biệt ở nhiều khía cạnh. Thứ nhất, đây là nhóm khách hàng lớn, chiếm thị phần đáng kể, với hàng trăm ngàn đơn vị sử dụng vốn Nhà nước mua sắm sản phẩm gỗ. Thứ hai, nhóm khách hàng này có phương thức mua sắm thống nhất, trong một khung khổ chung bị ràng buộc chặt chẽ bởi pháp luật đấu thầu (mua sắm công) và pháp luật liên quan. Do đó, nếu có cơ chế thống nhất để nhóm “khách hàng Nhà nước” này đặt ra yêu cầu về gỗ hợp pháp cho các đơn vị cung cấp gỗ, ít nhất vấn đề kiểm soát gỗ hợp pháp của một phần thị trường gỗ và sản phẩm gỗ nội địa có thể được bảo đảm. Hơn nữa, từ góc độ của Nhà nước, trong một chừng mực nhất định, việc bảo đảm gỗ và các sản phẩm gỗ mà các đơn vị sử dụng vốn Nhà nước mua sắm là gỗ hợp pháp cũng là một nghĩa vụ của Việt Nam trong VPA/FLEGT.

Câu hỏi đặt ra là: (i) Pháp luật đấu thầu hiện hành có cơ chế nào cho phép kiểm soát tính hợp pháp của gỗ và các sản phẩm gỗ cung cấp cho các đơn vị sử dụng vốn Nhà nước hay không; (ii) Trong thực tế mua sắm công gỗ, “khách hàng Nhà nước” có quan tâm và yêu cầu gỗ hợp pháp không và (iii) Bản thân các doanh nghiệp cung cấp gỗ cho các đơn vị sử dụng vốn Nhà nước có nhận thức thế nào về việc bảo đảm gỗ hợp pháp.

Các kết quả rà soát pháp luật và khảo sát thực tiễn được thực hiện ở quy mô nhỏ trong khuôn khổ Nghiên cứu này đã cho câu trả lời sơ bộ bước đầu cho những câu hỏi này. Từ đây, **bức tranh hiện trạng** về cơ chế pháp lý và thực tiễn mua sắm công gỗ và các sản phẩm gỗ ở Việt Nam nhìn từ góc độ bảo đảm gỗ hợp pháp được hé mở. Bức tranh này có những điểm sáng lác quan nhưng cũng có nhiều mảng xám gây quan ngại.

Rà soát pháp luật đấu thầu cho thấy mặc dù đã có yêu cầu chung về việc hoạt động đấu thầu phải tuân thủ tất cả các hệ thống pháp luật liên quan, pháp luật đấu thầu hiện chưa có yêu cầu cụ thể và có tính hệ thống về tính hợp pháp của hàng hóa, dịch vụ mua sắm công, trong đó có các sản phẩm gỗ. Pháp luật đấu thầu cũng không có cơ chế thường xuyên và ràng buộc nào trong việc bảo đảm gỗ mua sắm công là gỗ hợp pháp.

Trong các mẫu hồ sơ mời thầu bắt buộc tuân thủ, pháp luật đấu thầu hiện đã có các yêu cầu về “tư cách hợp lệ của nhà thầu” và “tính hợp lệ của hàng hóa, dịch vụ”. Các yêu cầu này cho phép kiểm soát ở mức độ nhất định tính hợp pháp của hàng hóa, dịch vụ trong hoạt động đấu thầu từ cả hai góc độ - từ chủ thể sản xuất kinh doanh và hàng hóa, dịch vụ được cung cấp. Mặc dù vậy, các điều khoản này không đủ bao quát tất cả các hệ thống pháp luật liên quan tới hàng hóa. Riêng với gỗ và các sản phẩm gỗ, những quy định này hoàn toàn không đủ để bảo đảm tính hợp pháp của đồ gỗ cung cấp trong các hợp đồng mua sắm công.

Với hiện trạng như vậy, pháp luật đấu thầu chưa thể xem là cơ chế hữu hiệu nhằm kiểm soát tính hợp pháp của gỗ cung cấp trong các hợp đồng mua sắm công ở Việt Nam nói riêng cũng như bảo đảm hàng hóa, dịch vụ mua sắm bằng vốn Nhà nước là hợp pháp.

Tất nhiên pháp luật đấu thầu cho phép các đơn vị mời thầu được chủ động bổ sung các yêu cầu về tất cả các khía cạnh đối với hàng hóa mà họ cảm thấy cần thiết, trong đó có thể có các yêu cầu về tính hợp pháp của hàng hóa, dịch vụ cung cấp. Mặc dù vậy, việc các đơn vị mời thầu có sử dụng quyền này để yêu cầu nhà thầu bảo đảm gỗ hợp pháp hay không và hành động trên thực tế của họ lại là chuyện rất khác.

Khảo sát 100 hồ sơ mời thầu mua sắm gỗ và các sản phẩm gỗ của các đơn vị sử dụng vốn Nhà nước giai đoạn 2016-2018 cho thấy trên thực tế, các đơn vị mời thầu rất quan tâm tới loại gỗ sử dụng, mà trong đó chủ yếu là yêu cầu gỗ tự nhiên (đa phần là đặt hàng gỗ thông thường nhóm III, nhưng cũng vẫn có một số ít yêu cầu gỗ quý nhóm I hoặc II). Mặc dù vậy, các đơn vị mời thầu hiếm khi đặt yêu cầu riêng nào về tính hợp pháp của gỗ ngoài các điều khoản mẫu bắt buộc theo pháp luật đấu thầu trong hồ sơ mời thầu.

Ngay cả đối với các trường hợp có yêu cầu về tính hợp pháp của sản phẩm gỗ, đơn vị mời thầu cũng chỉ chủ yếu quan tâm tới pháp luật về tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa, pháp luật về sở hữu trí tuệ; pháp luật về điều kiện kinh doanh.... Đây là những khía cạnh có liên quan, nhưng không phải cốt yếu, trong yêu cầu về “gỗ hợp pháp”.

Có thể thấy bức tranh chung về mức độ quan tâm tới gỗ hợp pháp trong các hồ sơ mời thầu mua sắm đồ gỗ là khá u ám, các đơn vị mời thầu gần như chưa có nhận thức hay quan tâm nào đáng kể tới gỗ hợp pháp.

Tuy nhiên, cũng có một vài điểm sáng trong bức tranh này. Có 04 trong số 100 hồ sơ mời thầu được rà soát có yêu cầu cụ thể về việc gỗ nguyên liệu phải bảo đảm tính hợp pháp. Và 04 hồ sơ mời thầu khác có yêu cầu hàng hóa phải bảo đảm tuân thủ các quy định pháp luật, chính sách nói chung có liên quan tới hàng hóa.

Khảo sát 33 doanh nghiệp có nhiều kinh nghiệm trong cung cấp gỗ và các sản phẩm gỗ cho các đơn vị sử dụng vốn Nhà nước, đặc biệt là trong giai đoạn 2016-2018 cũng cho thấy một thực tế đan xen, tuy nhiên có phần sáng hơn.

Các doanh nghiệp này tiếp tục khẳng định một thực tế là trong so sánh với các tiêu chí khác (như năng lực tài chính, kinh nghiệm, khả năng đáp ứng các tiêu chí kỹ thuật hay năng lực công nghệ của nhà thầu), tính hợp pháp của gỗ là “tiêu chí” ít được quan tâm nhất bởi đơn vị mời thầu khi lựa chọn nhà thầu.

Mặc dù vậy, vẫn có một tỷ lệ đa số (64%) các doanh nghiệp cho biết trong phần lớn hoặc tất cả các gói thầu mà mình tham gia, bên mời thầu đặt yêu cầu cụ thể về nguồn gốc hợp pháp của gỗ nguyên liệu (có thể trực tiếp trong hồ sơ mời thầu hoặc gián tiếp trong các quá trình thương thảo hợp đồng, kiểm tra và nghiệm thu...). Bên mời thầu cũng yêu cầu doanh nghiệp phải cung cấp nhiều loại bằng chứng chứng minh gỗ hợp pháp, trong đó có các giấy tờ như giấy phép khai thác, bảng kê lâm sản, hợp đồng mua bán, hóa đơn, chứng từ mua bán/nhập khẩu...

Một thực tế khác cũng khá lạc quan được chỉ ra từ Khảo sát: Bản thân các doanh nghiệp hiện đã có ý thức về việc bảo đảm gỗ hợp pháp. Hầu hết (94%) doanh nghiệp đã chủ động lưu giữ các chứng từ chứng minh nguồn gốc và chủng loại gỗ nguyên liệu đã sử dụng cho các gói thầu mua sắm gỗ công, 81% doanh nghiệp lưu giữ các giấy tờ khác liên quan tới việc kinh doanh sản phẩm gỗ. Và việc lưu giữ này hoàn toàn vì tự bản thân họ thấy cần phải lưu giữ, việc lưu giữ do pháp luật hay bên mời thầu yêu cầu chỉ là thứ yếu.

Từ các kết quả nghiên cứu này, trước yêu cầu thực thi nghiêm túc và đầy đủ cam kết về gỗ hợp pháp trong VPA/FLEGT trong khu vực mua sắm công đồ gỗ, Nghiên cứu đã đưa ra **các đề xuất ban đầu về giải pháp tăng cường hiệu quả kiểm soát gỗ hợp pháp trong mua sắm công** cả từ góc độ pháp luật và thực tiễn đấu thầu của bên mời thầu cũng như nhà thầu.

Về mặt pháp luật, để có căn cứ thực hiện gỗ hợp pháp trong mua sắm công, pháp luật đấu thầu cần có các quy định điều kiện bắt buộc về tính hợp pháp của hàng hóa, dịch vụ (trong đó có gỗ và các sản phẩm gỗ). Các quy định này có thể là nguyên tắc chung, cũng có thể được thể hiện cụ thể thành các điều khoản trong các mẫu hồ sơ mời thầu, mẫu hợp đồng mua sắm công... Khi đã trở thành yêu cầu bắt buộc của pháp luật đấu thầu, tính hợp pháp của hàng hóa, dịch vụ (trong đó có gỗ và các sản phẩm gỗ) suy đoán sẽ được thực hiện bởi tất cả các đơn vị mời thầu sử dụng vốn Nhà nước cũng như các doanh nghiệp tham gia cung cấp hàng hóa, trong đó có đồ gỗ, cho các đơn vị này.

Về mặt thực tế, một số biện pháp hiệu quả có thể được thực hiện ngay nhằm tăng cường sự quan tâm và thực hiện gỗ hợp pháp trong quá trình đấu thầu bởi cả các đơn vị mời thầu và nhà thầu liên quan.

Cụ thể, đối với *nhóm các đơn vị mời thầu*, cần có các biện pháp để tăng cường nhận thức, nâng cao kỹ năng cho các đơn vị mời thầu về vấn đề bảo đảm gỗ hợp pháp. Đó có thể là việc xem xét bổ sung các hướng dẫn riêng liên quan tới mua sắm đồ gỗ trong các giáo trình đào tạo, các Sổ tay hướng dẫn về đấu thầu. Đó có thể là chuỗi các hoạt động tuyên truyền phổ biến về chủ đề mua sắm công đồ gỗ, đặc biệt cho các nhóm có "nguy cơ cao" (ví dụ các cơ quan Nhà nước cấp tỉnh). Đó có thể là việc xây dựng Hướng dẫn về quy tắc ứng xử tự nguyện (Code of conduct) trong mua sắm công đối với Gỗ và các sản phẩm gỗ, trong đó chú trọng các nội dung hướng dẫn về các loại gỗ nguyên liệu có nguy cơ cao; các nguồn cung cấp gỗ nguyên liệu có nguy cơ cao; các lưu ý trong soạn thảo hồ sơ mời thầu, hợp đồng mua sắm gỗ và các sản phẩm gỗ; cách kiểm soát việc tuân thủ của nhà thầu với các yêu cầu về gỗ hợp pháp, đặc biệt trong nghiệm thu sản phẩm và thanh lý hợp đồng...

Đối với các doanh nghiệp – nhà thầu, cần tập trung cho các hoạt động phổ biến, tuyên truyền về gỗ hợp pháp cho doanh nghiệp (đặc biệt là nhóm sản xuất chế biến gỗ, và nhóm thương mại chuyên nhập khẩu gỗ nguyên liệu), nhất là xoay quanh các chủ đề: Phạm vi sản phẩm gỗ phải tuân thủ cam kết VPA/FLEGT; Hệ thống pháp luật phải tuân thủ theo yêu cầu VPA/FLEGT; Nội dung yêu cầu và cách thức bảo đảm tuân thủ gỗ hợp pháp; Các loại chứng từ chứng minh gỗ hợp pháp doanh nghiệp cần có; và cả các nguy cơ pháp lý và thiệt hại thị trường mà doanh nghiệp sẽ phải đối mặt nếu không bảo đảm gỗ hợp pháp.

Hy vọng rằng sau Nghiên cứu có tính chất khai phá ban đầu này, Nhà nước, các doanh nghiệp và toàn xã hội sẽ có sự quan tâm hơn, nhận thức đầy đủ hơn về vấn đề gỗ hợp pháp trong pháp luật và thực tiễn đấu thầu mua sắm công ở Việt Nam. Cũng trên cơ sở các phát hiện ban đầu từ Nghiên cứu này, hy vọng sẽ có nhiều công trình nghiên cứu khác về vấn đề này với quy mô lớn hơn, sâu sắc hơn được thực hiện. Đặc biệt, rất hy vọng các đề xuất, gợi ý chính sách từ Nghiên cứu được các cơ quan Nhà nước liên quan lắng nghe, tiếp nhận và hiện thực hóa. Qua đó, chúng ta cùng kỳ vọng vào những chuyển biến tích cực và hiệu quả nhằm giảm thiểu và loại bỏ gỗ bất hợp pháp trong khu vực mua sắm công đồ gỗ ở Việt Nam, từ đó bảo đảm gỗ hợp pháp ở Việt Nam, góp phần thực thi VPA/FLEGT cũng như vì lợi ích và sự phát triển bền vững của chính môi trường, rừng và ngành chế biến gỗ Việt Nam.

DẪN ĐỀ



Hiệp định VPA/FLEGT và các yêu cầu liên quan tới tính hợp pháp của gỗ và các sản phẩm gỗ trong mua sắm công

Ngày 19/10/2018, Việt Nam và EU đã chính thức ký kết Hiệp định đối tác tự nguyện về thực thi Luật Lâm nghiệp, quản trị rừng và thương mại lâm sản (VPA/FLEGT) sau 06 năm đàm phán. Ngày 15/4/2019, phía EU thông báo đã hoàn tất việc phê chuẩn VPA/FLEGT. Liên sau đó, ngày 23/4/2019, Chính phủ Việt Nam phê duyệt Hiệp định này. Hiệp định VPA/FLEGT chính thức có hiệu lực từ ngày 1/6/2019.

Về bản chất, Hiệp định đối tác tự nguyện (VPA) là Hiệp định mà EU đề xuất và ký với các đối tác lớn về thương mại gỗ và lâm sản của EU, nằm trong khuôn khổ Sáng kiến thực thi Luật Lâm nghiệp, quản trị rừng và thương mại lâm sản (FLEGT) của EU.

Bằng việc ký VPA, các đối tác cam kết với EU về việc bảo đảm rằng gỗ và các sản phẩm gỗ nhập khẩu vào EU từ nước mình là sản phẩm hợp pháp. Đổi lại, EU sẽ hỗ trợ nước đối tác trong hành động chống lại tình trạng gỗ bất hợp pháp trên lãnh thổ đối tác, và trao quyền cho nước đối tác được chủ động cấp Giấy phép FLEGT cho gỗ và các sản phẩm gỗ xuất khẩu vào EU khi chúng đáp ứng được toàn bộ các yêu cầu về tính hợp pháp nêu trong VPA. Việc đàm phán và ký kết VPA là tự nguyện từ phía các đối tác thương mại gỗ của EU, tuy nhiên một khi VPA được ký kết và có hiệu lực, việc thực hiện các nghĩa vụ cam kết VPA là bắt buộc với cả EU và các đối tác.

Tính tới 1/1/2019, đã có 07 quốc gia chính thức ký VPA/FLEGT với EU, trong đó Indonesia đã triển khai được tới bước cấp Giấy phép FLEGT và các sản phẩm gỗ được cấp phép FLEGT đã được nhập khẩu và tiêu thụ ở EU. Hiện 09 quốc gia khác đang đàm phán VPA/FLEGT với EU. Nhìn chung, nội dung cốt lõi của các VPA mà EU ký với các quốc gia đối tác cơ bản là giống nhau. Tuy nhiên tùy thuộc vào kết quả đàm phán, các cam kết chi tiết trong mỗi VPA có thể là khác nhau.

Trong VPA/FLEGT, Việt Nam cam kết rằng toàn bộ gỗ và các sản phẩm gỗ ở Việt Nam (cả xuất khẩu và tiêu thụ nội địa) là hợp pháp. Tính hợp pháp của gỗ và các sản phẩm gỗ này được đảm bảo thông qua việc thiết lập và vận hành hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp của Việt Nam (VNTLAS). Đối với các mặt hàng xuất khẩu đi EU, cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam sẽ cấp phép FLEGT cho các sản phẩm này. Đối với gỗ và các sản phẩm gỗ được tiêu thụ ở tất cả các thị trường khác, bao gồm thị trường xuất khẩu ngoài EU và thị trường nội địa, VPA đòi hỏi chúng cũng phải đáp ứng các yêu cầu về tính hợp pháp tương tự như yêu cầu đối với hàng xuất khẩu đi EU.

Như vậy, nội dung cũng như mục tiêu cốt lõi của VPA/FLEGT là bảo đảm toàn bộ các chuỗi cung gỗ ở Việt Nam là hợp pháp. Theo mục (j) Điều 2 của VPA/FLEGT thì “gỗ hợp pháp” (hay còn gọi là “gỗ sản xuất hợp pháp”) được định nghĩa là “các sản phẩm gỗ được khai thác, nhập khẩu và sản xuất phù hợp với quy định luật pháp của Việt Nam... và được khai thác, sản xuất và xuất khẩu phù hợp với pháp luật của quốc gia khai thác đối với gỗ nhập khẩu”.

Ở Việt Nam, gỗ và các sản phẩm gỗ được sản xuất bởi các hộ gia đình và các tổ chức (như doanh nghiệp, hợp tác xã...) Theo Phụ lục II VPA/FLEGT thì gỗ hợp pháp được nhận diện cụ thể thông qua các nguyên tắc, tiêu chí, chỉ số và bằng chứng được liệt kê cho riêng hộ và tổ chức.

Cụ thể, VPA quy định gỗ hợp pháp là gỗ đáp ứng 07 nguyên tắc sau:

- Nguyên tắc I: Khai thác gỗ trong nước tuân thủ các quy định về quyền sử dụng đất, sử dụng rừng, quản lý, môi trường và xã hội
- Nguyên tắc II: Tuân thủ các quy định về xử lý gỗ tịch thu
- Nguyên tắc III: Tuân thủ các quy định về nhập khẩu gỗ
- Nguyên tắc IV: Tuân thủ các quy định về vận chuyển, mua bán gỗ
- Nguyên tắc V: Tuân thủ các quy định về chế biến gỗ
- Nguyên tắc VI: Tuân thủ các quy định về xuất khẩu
- Nguyên tắc VII (Tổ chức): Tuân thủ các quy định về thuế và người lao động
- Nguyên tắc VII (Hộ gia đình): Tuân thủ các quy định về thuế

Xét một cách chặt chẽ, các quy định “gỗ hợp pháp” trong VPA/FLEGT như định nghĩa ở trên rõ ràng không đặt ra yêu cầu gì mới với Việt Nam. Các quy định này đơn thuần chỉ là cam kết bảo đảm thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật Việt Nam và/hoặc pháp luật của quốc gia nơi gỗ được khai thác. Các quy định này không chỉ liên quan đến nguồn gỗ đầu vào mà còn liên quan tới toàn bộ các hoạt động trong chuỗi cung gỗ, từ khai thác, nhập khẩu nguyên liệu gỗ đến sản xuất và xuất khẩu.

Tuy nhiên, do trên thực tế việc tuân thủ quy định liên quan đến chuỗi cung gỗ còn rất nhiều hạn chế, việc thực hiện các cam kết VPA về gỗ hợp pháp này trở thành một thách thức lớn đối với nhiều hộ gia đình và tổ chức của Việt Nam, đặc biệt đối với các chủ thể sản xuất gỗ và các sản phẩm gỗ tiêu thụ nội địa (tức là các mặt hàng không phải xin cấp phép FLEGT, cũng không chịu sự giám sát của khách hàng nước ngoài).

Gỗ và các sản phẩm gỗ trong mua sắm công chiếm một phần quan trọng trong thị trường gỗ nội địa. Do các quy định về tính hợp pháp của gỗ và các sản phẩm gỗ tiêu thụ nội địa tương đồng với các quy định đối với các mặt hàng xuất khẩu, các mặt hàng mua sắm công cần phải tuân thủ đầy đủ và chặt chẽ các quy định pháp luật liên quan đến toàn bộ các khâu trong chuỗi cung gỗ, cụ thể:

- Bảo đảm tuân thủ các quy định pháp luật áp dụng đối với chủ thể sản xuất, kinh doanh gỗ và các sản phẩm gỗ (ví dụ pháp luật về doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh)
- Bảo đảm tuân thủ các quy định pháp luật áp dụng đối với quá trình khai thác, sản xuất, kinh doanh gỗ và các sản phẩm gỗ (ví dụ pháp luật về đất đai, khai thác, chế biến gỗ, môi trường, lao động, thuế, tiêu chuẩn quy chuẩn, thương mại, bảo hành, xuất nhập khẩu, sở hữu trí tuệ...).

Gỗ và các sản phẩm gỗ trong mua sắm công không đáp ứng được các tiêu chí này đồng nghĩa với việc chưa đáp ứng được yêu cầu về tính hợp pháp của gỗ được Việt Nam cam kết trong VPA. Đồng thời, theo pháp luật Việt Nam, đây cũng là gỗ và các sản phẩm gỗ không hợp pháp, do không tuân thủ đầy đủ pháp luật Việt Nam.

Để gỗ và các sản phẩm gỗ trong mua sắm công là hợp pháp theo VPA (và cũng là theo pháp luật Việt Nam), cần thiết phải có cơ chế kiểm soát gỗ hợp pháp cả trong các quy định pháp luật về mua sắm công cũng như trong thực tiễn mua sắm công (ở cả góc độ các đơn vị mua sắm và các đơn vị cung cấp).

Các nội dung của Báo cáo Nghiên cứu như dưới đây sẽ lần lượt đưa ra bức tranh sơ bộ về hiện trạng cơ chế và việc kiểm soát gỗ hợp pháp trong pháp luật và cũng như thực tiễn mua sắm công gỗ và các sản phẩm gỗ này. Cụ thể như sau:

- Phần thứ nhất của Báo cáo rà soát hệ thống các văn bản pháp luật đấu thầu hiện hành, qua đó nhận diện các yêu cầu, cơ chế kiểm soát pháp luật hiện có về tính hợp pháp của gỗ và sản phẩm gỗ trong mua sắm công.
- Phần thứ hai của Báo cáo rà soát 100 bộ hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, bản yêu cầu báo giá thực tế có đối tượng mua sắm là gỗ và các sản phẩm gỗ, qua đó làm rõ thực tiễn mức độ quan tâm và các yêu cầu từ phía chủ đầu tư/đơn vị mua sắm đối với tính hợp pháp của gỗ và các sản phẩm gỗ trong các gói thầu liên quan.
- Phần thứ ba của Báo cáo đưa ra kết quả và các phân tích từ kết quả khảo sát sơ bộ một số doanh nghiệp có nhiều kinh nghiệm trong cung cấp gỗ và các sản phẩm gỗ cho các cơ quan sử dụng ngân sách Nhà nước thông qua hệ thống đấu thầu. Phần này của Báo cáo cho phép nhận diện và đánh giá mức độ quan tâm cũng như khả năng đáp ứng các yêu cầu về gỗ hợp pháp của doanh nghiệp trong các hợp đồng này. Đồng thời, thông tin từ doanh nghiệp cũng phản ánh chéo mức độ quan tâm/yêu cầu của các đơn vị mua sắm công với vấn đề tính hợp pháp của gỗ và các sản phẩm gỗ được cung cấp.

Những hiện trạng pháp luật và thực tế về kiểm soát tính hợp pháp của gỗ và sản phẩm gỗ trong mua sắm công được nhận diện qua 03 phần của Báo cáo là cơ sở có ý nghĩa để đưa ra những gợi ý đề xuất nhằm (i) điều chỉnh pháp luật đấu thầu để tăng cường hiệu quả kiểm soát tính hợp pháp của gỗ và các sản phẩm gỗ nói riêng cũng như của hàng hóa, dịch vụ mua sắm công và (ii) tăng cường nhận thức, mức độ quan tâm và hành động cụ thể của các đơn vị mua sắm công cũng như của doanh nghiệp cung cấp gỗ và các sản phẩm gỗ trong các hợp đồng mua sắm công.

Những gợi ý này cũng đồng thời là đề xuất quan trọng để thực hiện nghĩa vụ của Việt Nam trong VPA về bảo đảm chuỗi cung gỗ hợp pháp, đặc biệt là ở mảng thị trường quan trọng của gỗ và các sản phẩm gỗ Việt Nam – thị trường mua sắm công nội địa.

1

PHẦN THỨ NHẤT

Báo cáo rà soát pháp luật đấu thầu Việt Nam về tính hợp pháp của gỗ và sản phẩm gỗ trong mua sắm công

Ở Việt Nam, các hoạt động mua sắm các loại hàng hóa, dịch vụ (trong đó có gỗ và các sản phẩm gỗ) sử dụng vốn Nhà nước được điều chỉnh chủ yếu bởi hệ thống pháp luật về đấu thầu. Bên cạnh đó, một số hệ thống pháp luật khác, ví dụ pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, pháp luật về chi tiêu ngân sách Nhà nước... cũng điều chỉnh ở các góc độ khác nhau hoạt động mua sắm này. Tuy nhiên, liên quan tới việc lựa chọn nhà thầu, khâu quyết định trong hoạt động mua sắm công, hệ thống pháp luật đấu thầu vẫn là hệ thống cơ bản.

Trong phạm vi giới hạn của mình, Nghiên cứu rà soát này chỉ tập trung xem xét hệ thống pháp luật đấu thầu – khung khổ cốt lõi cho hoạt động mua sắm công đối với hàng hóa, dịch vụ, trong đó có gỗ và các sản phẩm gỗ. Mục tiêu của Nghiên cứu là nhận diện các cơ chế kiểm soát tính hợp pháp của gỗ và sản phẩm gỗ trong các hợp đồng mua sắm công theo pháp luật đấu thầu; đánh giá khả năng đáp ứng yêu cầu về kiểm soát tính hợp pháp của gỗ theo VPA của các cơ chế này và đưa ra các khuyến nghị tương ứng. Việc này trước hết hướng tới việc bảo đảm tuân thủ các nghĩa vụ trong Hiệp định VPA/FLEGT về tính hợp pháp của gỗ và sản phẩm gỗ mua sắm công. Đồng thời, các kết quả Nghiên cứu cũng là gợi mở cho việc tăng cường tính hợp pháp nói chung của bất kỳ hàng hóa, dịch vụ nào được mua sắm bằng nguồn vốn Nhà nước.

Dưới đây là báo cáo kết quả Nghiên cứu rà soát về cơ chế kiểm soát tính hợp pháp của hàng hóa, dịch vụ (trong đó có gỗ và các sản phẩm gỗ) trong hệ thống pháp luật đấu thầu theo mục tiêu của Hiệp định VPA/FLEGT.

I.

Hệ thống pháp luật đấu thầu Việt Nam và phạm vi của Nghiên cứu rà soát

1. Giới thiệu về hệ thống pháp luật đấu thầu Việt Nam

Hệ thống pháp luật đấu thầu Việt Nam là tập hợp tất cả các văn bản ở các cấp độ pháp lý khác nhau (Luật, Nghị định, Thông tư...) điều chỉnh về quản lý Nhà nước, quyền và nghĩa vụ của các chủ thể liên quan trong toàn bộ quy trình đấu thầu. Tính tới thời điểm 1/1/2019, hệ thống pháp luật đấu thầu Việt Nam bao gồm 01 Luật (Luật Đấu thầu 2013, có hiệu lực từ 1/7/2014), 03 Nghị định của Chính phủ và 22 Thông tư của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Xem Danh mục văn bản trong Phụ lục).

Theo Luật Đấu thầu, “*đấu thầu là toàn bộ quá trình lựa chọn nhà thầu để ký kết và thực hiện hợp đồng cung cấp dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa, xây lắp; hoặc lựa chọn nhà đầu tư để ký kết và thực hiện hợp đồng dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư, dự án đầu tư có sử dụng đất*” (khoản 12 Điều 4 Luật Đấu thầu). Như vậy, hệ thống pháp luật đấu thầu chỉ điều chỉnh tất cả các quy trình liên quan tới lựa chọn nhà thầu hoặc nhà đầu tư cho đến khi hợp đồng mua sắm/đầu tư được ký kết. Hệ thống pháp luật này không điều chỉnh hoạt động thanh toán cho hợp đồng mua sắm công, cũng không quy định về việc quản lý, sử dụng các tài sản được hình thành và chuyển giao chủ đầu tư/bên mua sắm sau quá trình thực hiện hợp đồng cung cấp hay hợp đồng đầu tư (những vấn đề này thuộc về các hệ thống pháp luật khác, ví dụ pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, pháp luật về chi tiêu ngân sách nhà nước...).

Về **phạm vi áp dụng**, hệ thống pháp luật đấu thầu được áp dụng thống nhất đối với tất cả các hoạt động đấu thầu thuộc phạm vi điều chỉnh trên cả nước, không phân biệt chủ thể mua sắm, đối tượng mua sắm hay phạm vi hành chính lãnh thổ.

Điều 4 Luật Đấu thầu định nghĩa ‘hàng hóa’ bao gồm “*máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phụ tùng; hàng hóa tiêu dùng; thuốc, vật tư y tế dùng cho các cơ sở y tế.*” Từ định nghĩa này, gỗ và các sản phẩm gỗ về cơ bản là các loại hàng hóa thông thường. Vì vậy việc rà soát các quy định pháp luật liên quan tới việc mua sắm công đối với gỗ và các sản phẩm gỗ sẽ được thực hiện trên cơ sở rà soát các quy định chung của pháp luật đấu thầu về mua sắm hàng hóa và xây lắp (trong đó có sử dụng hàng hóa).

Về **mục tiêu**, theo Tờ trình Dự án Luật Đấu thầu sửa đổi, các mục tiêu cơ bản của pháp luật về đấu thầu là thiết lập quy trình, cơ chế và các điều kiện ràng buộc để bảo đảm cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế trong hoạt động mua sắm công nói riêng và hoạt động chi tiêu vốn Nhà nước nói chung. Bên cạnh đó, pháp luật đấu thầu còn hướng tới mục tiêu cải cách thủ tục hành chính, phòng chống tham nhũng, tạo cơ hội cho nhà thầu trong nước trúng thầu và tạo công ăn việc làm cho lao động trong nước.

Đứng từ góc độ đối tượng mua sắm, các quy định của pháp luật đấu thầu được thiết kế với mục tiêu chủ yếu là bảo đảm hàng hóa, dịch vụ mua sắm có chất lượng đáp ứng yêu cầu, có hiệu quả kinh tế cao và bảo đảm giá trị sử dụng. Rà soát các tài liệu liên quan tới Dự án soạn thảo Luật Đấu thầu 2013 cũng như các văn bản hướng dẫn thi hành thời gian sau này cho thấy việc bảo đảm tính hợp pháp của hàng hóa, dịch vụ mua sắm công không phải là mục tiêu được đặt ra của các quy định trong hệ thống pháp luật đấu thầu.

Về nội dung, pháp luật đấu thầu quy định tập trung về (i) các hình thức đấu thầu (cùng với các điều kiện cụ thể đối với mỗi hình thức đấu thầu); và (ii) các quy trình đấu thầu (cách thức, yêu cầu, cơ chế, thời hạn, quyền và nghĩa vụ của các bên trong từng bước/giai đoạn của quy trình lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư).

- **Về hình thức lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư**, Luật đấu thầu hiện ghi nhận 08 hình thức lựa chọn, bao gồm: đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế, chỉ định thầu, chào hàng cạnh tranh, mua sắm trực tiếp, tự thực hiện, tham gia của cộng đồng, và lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt. Luật Đấu thầu quy định cụ thể về điều kiện áp dụng mỗi hình thức đấu thầu, trong đó hình thức phổ biến nhất là đấu thầu rộng rãi, được áp dụng cho hầu hết các trường hợp; các hình thức đấu thầu khác chỉ được áp dụng hạn chế, trong các trường hợp đáp ứng đầy đủ các điều kiện tương đối chặt chẽ.
- **Về phương thức lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư**, Luật đấu thầu quy định 04 phương thức, bao gồm: phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ, phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ, phương thức hai giai đoạn một túi hồ sơ, và phương thức hai giai đoạn hai túi hồ sơ. Việc lựa chọn phương thức nào tùy thuộc vào hình thức đấu thầu và quy mô đối tượng mua sắm được quy định trong Luật đấu thầu.
- **Về quy trình các bước lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư**, Luật Đấu thầu quy định 07 quy trình riêng, áp dụng tương ứng cho 08 hình thức lựa chọn nhà thầu. Trong đó, quy trình áp dụng cho đấu thầu rộng rãi và đấu thầu hạn chế là quy trình phổ biến nhất, các quy trình áp dụng cho các hình thức khác cơ bản chỉ có điều chỉnh nhỏ, theo hướng đơn giản/ngắn gọn hơn.

Theo quy trình này thì việc lựa chọn nhà thầu sẽ phải trải qua 05 giai đoạn/bước cơ bản, bao gồm: a) Chuẩn bị lựa chọn nhà thầu; b) Tổ chức lựa chọn nhà thầu; c) Đánh giá hồ sơ dự thầu và thương thảo hợp đồng; d) Trình, thẩm định, phê duyệt và công khai kết quả lựa chọn nhà thầu; đ) Hoàn thiện, ký kết hợp đồng.

Nghiên cứu này sẽ rà soát các quy định pháp luật đấu thầu để nhận diện xem trong quy trình 05 bước nói trên có những quy định/cơ chế nào cho phép Nhà nước với tư cách là bên mua hàng (chủ đầu tư, bên mời thầu) kiểm soát tính hợp pháp của hàng hóa, dịch vụ (trong đó có gỗ và các sản phẩm gỗ) hay không.

Chú ý: Về mặt logic, quá trình mua sắm công trên thực tế chỉ hoàn tất khi hàng hóa, dịch vụ, dự án theo hợp đồng mua sắm công được bàn giao bởi nhà thầu/nhà đầu tư và được nghiệm thu, thanh toán bởi chủ đầu tư/bên mời thầu. Tuy nhiên, do pháp luật đấu thầu chỉ điều chỉnh quy trình đấu thầu tới giai đoạn “hoàn thiện, ký kết hợp đồng”, việc rà soát quy định pháp luật về kiểm soát tính hợp pháp mặt hàng gỗ trong quá trình thực hiện hợp đồng của nhà thầu của Nghiên cứu này sẽ được thực hiện gián tiếp thông qua rà soát các quy định của pháp luật đấu thầu về hợp đồng mua sắm công (trong đó có các điều khoản hợp đồng về bàn giao, nghiệm thu kết quả).

2. Phạm vi Rà soát

Pháp luật đấu thầu không có quy định riêng về quy trình đấu thầu cho gỗ và các sản phẩm gỗ, mà chỉ điều chỉnh chung về quy trình đấu thầu mua sắm hàng hóa, dịch vụ, trong đó có gỗ và các sản phẩm gỗ. Vì vậy, việc rà soát các quy định pháp luật đấu thầu về tính hợp pháp của gỗ và các sản phẩm gỗ trong mua sắm công theo mục tiêu của Nghiên cứu này sẽ được thực hiện trên cơ sở *rà soát tất cả các quy định pháp luật đấu thầu có liên quan*.

Mặc dù vậy, việc rà soát này có những giới hạn nhất định như sau:

- *Về phạm vi các văn bản, Nghiên cứu chỉ tiến hành rà soát các văn bản pháp luật có liên quan tới hoạt động đấu thầu mua sắm hàng hóa và xây lắp áp dụng đối với gỗ và sản phẩm gỗ*

Nghiên cứu không rà soát các quy định pháp luật đấu thầu (i) áp dụng riêng cho một số loại hàng hóa đặc thù không liên quan tới gỗ và sản phẩm gỗ (ví dụ mua sắm thuốc); (ii) không liên quan trực tiếp tới hàng hóa mua sắm (ví dụ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đấu thầu, về đào tạo, bồi dưỡng hoạt động đấu thầu,...).

Do đó, trong phạm vi Rà soát này, chỉ các văn bản sau đây của hệ thống pháp luật đấu thầu được rà soát:

- Luật Đấu thầu 2013 (có hiệu lực từ 1/7/2014);
- Nghị định 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;
- 17 Thông tư hướng dẫn thi hành các khía cạnh khác nhau của pháp luật về đấu thầu, trong đó đáng chú ý nhất là Thông tư 05/2015/TT-BKHĐT quy định chi tiết lập hồ sơ mời thầu mua sắm hàng hóa và Thông tư 03/2015/TT-BKHĐT quy định chi tiết lập hồ sơ mời thầu xây lắp (Xem Danh mục cụ thể trong Phụ lục Bảng rà soát chi tiết).
- *Về nội dung các văn bản, Nghiên cứu chỉ rà soát phần nội dung văn bản pháp luật có liên quan tới các gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp*

Với tính chất là một loại hàng hóa, gỗ và các sản phẩm gỗ chỉ có thể nằm trong các gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp. Do đó, Nghiên cứu chỉ rà soát các quy định pháp luật liên quan tới các gói thầu này. Nghiên cứu không rà soát các quy định pháp luật đấu thầu áp dụng đối với các gói thầu dịch vụ (tư vấn, phi tư vấn) hoặc đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư.

3. Một số đặc điểm của pháp luật đấu thầu có ảnh hưởng tới việc Rà soát

Quá trình rà soát nội dung các văn bản pháp luật trong hệ thống pháp luật đấu thầu cho thấy hệ thống pháp luật đấu thầu có một số đặc điểm đáng chú ý, có ảnh hưởng tương đối tới kết quả rà soát cũng như các kiến nghị tương ứng.

- *Thứ nhất, một số vấn đề mặc dù không được quy định hay điều chỉnh trong văn bản cấp trên nhưng lại được hướng dẫn chi tiết trong văn bản cấp dưới.* Điều này có thể chưa phù hợp với quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật³, đồng thời cũng khiến cho việc theo dõi cũng như áp dụng các quy định trở nên khó khăn, thiếu căn cứ pháp lý vững chắc.

Ví dụ: Quy định về “tính hợp lệ” của hàng hóa, dịch vụ chỉ được nêu trong các Thông tư 03/2015/TT-BKHĐT, 05/2015/TT-BKHĐT, 11/2015/TT-BKHĐT và 04/2017/TT-BKHĐT, không có trong Luật Đấu thầu cũng như Nghị định 63/2014/NĐ-CP

Do đó, kiến nghị sửa đổi, điều chỉnh pháp luật được đưa ra sau Nghiên cứu này có thể phải thực hiện không chỉ đối với nội dung từng quy định cụ thể mà còn đối với vị trí của quy định đó trong hệ thống văn bản pháp luật đấu thầu.

- *Thứ hai, bên cạnh các quy định cứng bắt buộc phải tuân thủ trong hoạt động đấu thầu, pháp luật đấu thầu mà đặc biệt là các văn bản cấp Thông tư (các Mẫu hồ sơ mời thầu) có nhiều quy định có tính “tùy nghi”.* Đây là các quy định mang tính lựa chọn, cho phép chủ đầu tư hoặc bên mua sắm đưa vào hồ sơ mời thầu và các tài liệu liên quan tới gói thầu các nội dung khác ngoài các nội dung bắt buộc nêu trong văn bản pháp luật đấu thầu. Cách quy định như vậy phù hợp với bản chất của hoạt động đấu thầu, theo đó ngoại trừ một số nội dung cốt lõi bất biến ở tất cả các gói thầu, tùy thuộc vào bối cảnh cụ thể, đối tượng mua sắm cụ thể, các yêu cầu và mối quan tâm cụ thể của chủ đầu tư/bên mời thầu mà chủ đầu tư/bên mời thầu có thể đặt thêm các yêu cầu trong quá trình lựa chọn nhà thầu.

Từ góc độ của Nghiên cứu này, điều này có nghĩa là kể cả khi pháp luật đấu thầu không có quy định bắt buộc về việc hàng hóa (trong đó có gỗ và các sản phẩm gỗ) phải đảm bảo tính hợp pháp, chủ đầu tư hoặc bên mua sắm hoàn toàn có thể bổ sung yêu cầu về tính hợp pháp của gỗ, sản phẩm gỗ vào hồ sơ mời thầu, qua đó buộc các nhà thầu phải thực hiện điều này. Mặc dù vậy, do các quy định này là tùy nghi, việc thực hiện tùy thuộc vào nhận thức, nhu cầu của các chủ đầu tư, bên mời thầu. Vì vậy, hiệu lực và hiệu quả kiểm soát tính hợp pháp của hàng hóa, dịch vụ cung cấp (trong đó có gỗ và các sản phẩm gỗ) thông qua các điều khoản tùy nghi này bị hạn chế đáng kể.

3. Điều 11 Luật Ban hành VBQPPL quy định:

1. VBQPPL phải được quy định cụ thể để khi có hiệu lực thì hành được ngay. Trong trường hợp văn bản có điều, khoản, điểm mà nội dung liên quan đến quy trình, quy chuẩn kỹ thuật và những nội dung khác cần quy định chi tiết thì ngay tại điều, khoản, điểm đó có thể giao cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định chi tiết. Văn bản quy định chi tiết chỉ được quy định nội dung được giao và không được quy định lập lại nội dung của văn bản được quy định chi tiết.

2. “Cơ quan được giao ban hành văn bản quy định chi tiết không được ủy quyền tiếp.”

II.

Kết quả Rà soát về cơ chế kiểm soát tính hợp pháp của hàng hóa trong mua sắm công trong hệ thống pháp luật đấu thầu

Rà soát hệ thống pháp luật đấu thầu hiện hành cho thấy hệ thống này đã có một số quy định/cơ chế nhất định cho phép kiểm soát tính hợp pháp của hàng hóa, dịch vụ, bao gồm gỗ và các sản phẩm gỗ trong mua sắm công. Tuy nhiên, các yêu cầu về tính hợp pháp này còn chưa rõ ràng, một số trường hợp chỉ là quy định tùy nghi (không bắt buộc), do đó hiệu quả kiểm soát tính hợp pháp trong tổng thể là rất hạn chế.

➤ 1. Về cơ chế bảo đảm tuân thủ pháp luật chung

Kết quả Rà soát cho thấy pháp luật đấu thầu hiện đã có một cơ chế ràng buộc các chủ thể trong việc bảo đảm tuân thủ tất cả các quy định pháp luật liên quan. Tuy nhiên, cơ chế này hiện còn quá chung chung, hầu như không có ý nghĩa thực tiễn trong kiểm soát việc tuân thủ pháp luật nói chung và việc bảo đảm tính hợp pháp của gỗ và các sản phẩm gỗ trong mua sắm công nói riêng. Cụ thể:

➔ Hiện trạng quy định

Khoản 1 Điều 3 Luật Đấu thầu quy định *“Hoạt động đấu thầu thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật này phải tuân thủ quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.”*

Đây là quy định duy nhất trong pháp luật đấu thầu về việc áp dụng pháp luật khác ngoài Luật đấu thầu. Trong tất cả các văn bản hướng dẫn Luật đấu thầu đều không tồn tại quy định nào có nội dung tương tự hoặc có nội dung hướng dẫn cụ thể cho quy định nói trên.

➔ Đánh giá

Về mặt nội dung, quy định tại khoản 1 Điều 3 Luật Đấu thầu nêu trên được hiểu là hoạt động đấu thầu và tất cả các vấn đề phát sinh trong quá trình đấu thầu (bao gồm cả hàng hóa là đối tượng đấu thầu) ngoài pháp luật đấu thầu còn phải đáp ứng đầy đủ các quy định pháp luật khác có liên quan (tức là toàn bộ các quy định pháp luật đang tồn tại và có hiệu lực trên lãnh thổ Việt Nam).

Từ góc độ quản lý, đây là quy định cần thiết nhằm bao quát hết tất cả các hệ thống pháp luật có liên quan tới các khía cạnh khác nhau của hoạt động đấu thầu cũng như các chủ thể liên quan tới hoạt động này. Mục tiêu của quy định này là để đảm bảo rằng trong quá trình đấu thầu, bên cạnh việc tuân thủ các quy định trực tiếp của pháp luật đấu thầu về hoạt động đấu thầu, các chủ thể vẫn tuân thủ các quy định pháp luật khác mà họ có liên quan (ví dụ pháp luật về đăng ký kinh doanh, pháp luật về thuế, pháp luật về tiêu chuẩn quy chuẩn đối với hàng hóa, pháp luật về hải quan và xuất nhập khẩu, pháp luật về đầu tư kinh doanh...).

Từ góc độ của Nghiên cứu này, phạm vi điều chỉnh của Khoản 1 Điều 3 Luật Đấu thầu rộng hơn nhiều so với các quy định đưa ra trong định nghĩa gỗ hợp pháp của VPA. Nói cách khác, Luật Đấu thầu hiện hành đã bao trùm yêu cầu về tính hợp pháp của tất cả các hàng hóa, dịch vụ, bao gồm cả gỗ và sản phẩm gỗ, là đối tượng của mua sắm công.

Tuy nhiên, xét về hiệu quả kiểm soát tính hợp pháp của hàng hóa mua sắm công, trong đó có gỗ và các sản phẩm gỗ, quy định tại Khoản 1 Điều 3 Luật Đấu thầu rất chung chung, và không có tính quy phạm (bởi không bao gồm nghĩa vụ cụ thể nào). Khoản 1 Điều 3 cũng không có các yêu cầu rõ ràng

nào đối các chủ thể liên quan trong hoạt động đấu thầu để bảo đảm rằng các hàng hóa mua sắm công phải “hợp pháp”, và không có ý nghĩa thực tiễn trong việc bảo đảm gỗ và các sản phẩm gỗ mua sắm công là hợp pháp.

➔ Đề xuất

Nếu xét trong mục tiêu Nghiên cứu, để duy trì một nguyên tắc bảo đảm tính hợp pháp của hàng hóa, dịch vụ trong mua sắm công thì quy định như tại khoản 1 Điều 3 Luật đấu thầu cần được điều chỉnh, theo hướng làm rõ yêu cầu về việc bảo đảm hàng hóa, dịch vụ trong mua sắm công tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật liên quan.

Tuy nhiên, xét trong tổng thể Luật đấu thầu, Điều 3 Luật đấu thầu thực chất là điều khoản quy định về việc áp dụng pháp luật (“Áp dụng Luật đấu thầu, điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế”) trong đó phân định cách thức và phạm vi áp dụng pháp luật đấu thầu, pháp luật khác, cam kết quốc tế cũng như hệ thống quy định khác. Đây là điều khoản “truyền thống” trong bất kỳ một văn bản Luật nào, nhằm nhận diện “luật áp dụng” có các nhóm trường hợp khác nhau. Trong mục tiêu như vậy thì quy định như khoản 1 Điều 3 Luật đấu thầu là hợp lý và nên được duy trì như hiện trạng.

Vì vậy khuyến nghị thích hợp trong trường hợp này là bổ sung 01 nguyên tắc liên quan tới việc bảo đảm tính hợp pháp của hàng hóa, dịch vụ đấu thầu vào vị trí thích hợp khác trong Luật đấu thầu (xem các nội dung đề xuất ở các nội dung tiếp theo).

➤ 2. Về cơ chế bảo đảm hàng hóa, dịch vụ mua sắm công tuân thủ pháp luật liên quan

Kết quả Rà soát cho thấy pháp luật đấu thầu hiện đã có một số quy định buộc các chủ thể và hàng hóa trong mua sắm công phải tuân thủ một số các quy định pháp luật liên quan đến loại chủ thể/hàng hóa đó.

Tuy nhiên, các quy định này không nằm trong một chỉnh thể chung (một chương, mục, điều khoản về vấn đề tính hợp pháp của hàng hóa, dịch vụ cung cấp) mà tương đối phân tán, được nêu rải rác trong một số các chế định. Phạm vi, nội dung cũng như mức độ ràng buộc của các quy định này cũng tương đối hạn chế. Hơn nữa, không có quy định nào trong số này trực tiếp yêu cầu về việc bảo đảm tính hợp pháp của hàng hóa (trong đó có gỗ và các sản phẩm gỗ). Yêu cầu tuân thủ một số hệ thống pháp luật áp dụng cho hàng hóa (ví dụ pháp luật về xuất xứ, bảo hành...) chủ yếu xuất phát từ yêu cầu bảo đảm tính cạnh tranh trong lựa chọn nhà thầu hay tính hiệu quả của việc mua sắm (giá/chất lượng).

Sau đây là kết quả rà soát lần lượt các chế định và quy định pháp luật đấu thầu liên quan tới mua sắm hàng hóa (trong đó có gỗ và sản phẩm gỗ) có liên quan một phần tới “tính hợp pháp của hàng hóa”.

2.1. Quy định về tư cách hợp lệ của nhà thầu

Liên quan tới khái niệm gỗ hợp pháp, một trong các yêu cầu được VPA đề cập đầu tiên là việc chủ thể sản xuất kinh doanh gỗ và các sản phẩm gỗ phải tuân thủ quy định pháp luật về thành lập, đăng ký hoạt động.

Rà soát cho thấy pháp luật đấu thầu đã có quy định yêu cầu nhà thầu phải đáp ứng điều kiện về thành lập, đăng ký hợp pháp bên cạnh các yêu cầu đặc thù khác liên quan tới việc đấu thầu (như hạch toán tài chính độc lập, không đang trong tình trạng phá sản, giải thể hoặc không thể chi trả, không trong thời gian bị cấm tham dự thầu...). Các quy định này cơ bản tương thích với yêu cầu nói trên của VPA.

➤ Hiện trạng quy định

Các quy định sau đây trong hệ thống pháp luật đấu thầu có yêu cầu về tính hợp pháp của nhà thầu cung cấp gỗ và các sản phẩm gỗ trong mua sắm công:

- Điều 5 Luật Đấu thầu quy định về tư cách hợp lệ của nhà thầu, nhà đầu tư, trong đó có yêu cầu: nhà thầu là tổ chức phải “có đăng ký thành lập, hoạt động do cơ quan có thẩm quyền của nước mà nhà thầu đang hoạt động cấp”; nhà thầu là cá nhân phải “Đăng ký hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật”
- Yêu cầu về tư cách hợp lệ của nhà thầu được nhắc lại trong Nghị định 63/2014/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu (sau đây gọi là Nghị định 63/2014/NĐ-CP hoặc Nghị định 63): Điều 16 về làm rõ hồ sơ mời thầu, Điều 18 về đánh giá hồ sơ dự thầu, Điều 28 về đánh giá hồ sơ đề xuất về kỹ thuật, Điều 55 về quy trình chỉ định thầu)
- Yêu cầu về tư cách hợp lệ của nhà thầu cũng được nêu tương tự trong các chỉ dẫn về nhà thầu tại các Mẫu hồ sơ mời thầu ban hành kèm theo các Thông tư hướng dẫn việc đấu thầu (*Mục 4 - Tư cách hợp lệ của nhà thầu* thuộc Chương I - Chỉ dẫn nhà thầu, Phần 1 – Thủ tục đấu thầu của các Mẫu Hồ sơ mời thầu nêu trong các Thông tư 05/2015/TT-BKHĐT quy định chi tiết lập hồ sơ mời thầu mua sắm hàng hóa; Thông tư 03/2015/TT-BKHĐT quy định chi tiết lập hồ sơ mời thầu xây lắp; Thông tư 04/2017/TT-BKHĐT quy định chi tiết về lựa chọn nhà thầu qua Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia)

→ **Đánh giá**

Các quy định về tư cách hợp lệ của nhà thầu liên quan tới đăng ký thành lập, hoạt động thực chất là các quy định ở mức “tối thiểu” của pháp luật về doanh nghiệp và đầu tư. Tuy nhiên, trong bối cảnh của hoạt động sản xuất, kinh doanh gỗ, nơi tình trạng không đăng ký kinh doanh hoặc đăng ký kinh doanh không đúng quy định pháp luật còn khá phổ biến, đặc biệt trong các làng nghề (ví dụ chỉ đăng ký hoạt động dưới hình thức hộ kinh doanh trong khi thuộc trường hợp phải đăng ký thành lập doanh nghiệp), quy định này vẫn được xem là có ý nghĩa trong việc kiểm soát “tính hợp pháp về chủ thể”.

Theo định nghĩa về gỗ hợp pháp của VPA/FLEGT, liên quan tới yêu cầu về mặt chủ thể, đối với tổ chức (bao gồm cả doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã hoặc các tổ chức khác), “Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư” được xem là bằng chứng chủ yếu chứng minh tính hợp pháp về mặt chủ thể. Do đó, yêu cầu về tư cách hợp lệ của nhà thầu trong pháp luật đầu thầu về cơ bản đã tương ứng với yêu cầu về tính hợp pháp từ góc độ chủ thể trong VPA.

Về các yêu cầu pháp luật đối với chủ thể kinh doanh

Trên thực tế, để hoạt động kinh doanh, bên cạnh yêu cầu tối thiểu về việc đăng ký kinh doanh, chủ thể kinh doanh có thể còn phải đáp ứng các yêu cầu khác tùy ngành nghề/loại hàng hóa, dịch vụ/hành vi kinh doanh mà họ thực hiện (ví dụ đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, chủ thể kinh doanh phải có Giấy phép kinh doanh hoặc đáp ứng các điều kiện kinh doanh không cần giấy phép; đối với một số các hành vi kinh doanh cụ thể, ví dụ xuất nhập khẩu, gia công một số loại hàng hóa đặc thù..., chủ thể kinh doanh phải được cấp phép cho mỗi lần thực hiện...). Đây là các yêu cầu pháp luật mà các chủ thể kinh doanh đều phải tuân thủ căn cứ vào loại hàng hóa, dịch vụ cụ thể mà họ kinh doanh, không phụ thuộc vào việc họ cung cấp hàng hóa/dịch vụ đó cho khách hàng nào, theo thủ tục mua sắm nào.

Tuy nhiên, việc kiểm soát các yêu cầu này đối với nhà thầu, trong quá trình đấu thầu, không phải lúc nào cũng thực hiện được. Ví dụ, đối với các Giấy phép kinh doanh mà chủ thể kinh doanh trong các ngành nghề kinh doanh có điều kiện đòi hỏi Giấy phép, nhà thầu có thể cung cấp Giấy phép kinh doanh tại thời điểm đăng ký trên Hệ thống đầu thầu quốc gia, hoặc tại thời điểm nộp hồ sơ dự thầu. Đối với các điều kiện kinh doanh không cần giấy phép (không có giấy tờ nào chứng minh) và các loại giấy tờ khác mà các chủ thể chỉ có thể có khi thực hiện hành vi kinh doanh liên quan (xuất nhập khẩu, gia công,...), nhà thầu sẽ khó có thể cung cấp tài liệu chứng minh vào thời điểm đấu thầu.

Trong khi đó, các yêu cầu pháp luật này phần lớn có thể kiểm soát hiệu quả hơn và khả thi hơn thông qua việc kiểm soát hàng hóa dịch vụ được cung cấp. Ví dụ, nhà thầu có thể không phải chứng minh gì về việc đáp ứng các quy định pháp luật này mà vẫn bảo đảm tư cách hợp lệ nhà thầu; nhưng khi cung cấp hàng hóa, dịch vụ liên quan thì sẽ phải cam kết việc tuân thủ các quy định pháp luật liên quan hàng hóa, dịch vụ mà mình cung cấp (trong đó bao gồm cả các điều kiện kinh doanh hàng hóa, dịch vụ đó).

Vì vậy từ góc độ tính hợp pháp của chủ thể kinh doanh, quy định trong pháp luật đầu thầu hiện tại là hợp lý và khả thi.

→ **Đề xuất**

Từ góc độ mục tiêu của Nghiên cứu này, các quy định của pháp luật đầu thầu hiện tại về tư cách hợp lệ đối với nhà thầu, nhà đầu tư là tương đối phù hợp để đáp ứng yêu cầu về tính hợp pháp về mặt chủ thể (trong trường hợp này chỉ bao gồm chủ thể trực tiếp cung cấp gỗ và các sản phẩm gỗ cho các hợp đồng mua sắm công đồ gỗ). Vì vậy, pháp luật đầu thầu về vấn đề này đã phù hợp, không cần điều chỉnh gì thêm.

2.2. Quy định về “tính hợp lệ” của hàng hóa

Pháp luật đấu thầu có một số quy định về tính hợp lệ của hàng hóa, trong đó có các yêu cầu về việc hàng hóa phải đáp ứng quy định pháp luật trong một số lĩnh vực nhất định (như xuất xứ, bảo hành, dịch vụ sau bán hàng...). Trong một chừng mực nhất định, các quy định này cho phép kiểm soát “tính hợp pháp” của hàng hóa ở một số khía cạnh. Tuy nhiên, các quy định này là chưa đủ để bao quát toàn bộ cũng như kiểm soát hiệu quả tính hợp pháp của hàng hóa mua sắm công.

➔ Hiện trạng quy định

Luật Đấu thầu và Nghị định 63/2014/NĐ-CP không có bất kỳ quy định nào để cập tới thuật ngữ “tính hợp lệ” của hàng hóa, dịch vụ. Thuật ngữ “tính hợp lệ của hàng hóa, dịch vụ liên quan” chỉ xuất hiện trong các Thông tư hướng dẫn về lập hồ sơ mời thầu (Thông tư 03/2015/TT-BKHĐT, 05/2015/TT-BKHĐT, 04/2017/TT-BKHĐT) và Thông tư hướng dẫn lập hồ sơ yêu cầu (Thông tư số 11/2015/TT-BKHĐT).

Xét về nội hàm thì “tính hợp lệ” tại các Thông tư nói trên được hiểu là bao gồm 02 yếu tố:

- i) hàng hóa có xuất xứ rõ ràng, hợp pháp; và
- ii) dịch vụ liên quan (bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng khác như đào tạo, chuyển giao công nghệ...) phải hợp lệ.

Với nội hàm như vậy thì quy định về “tính hợp lệ” của hàng hóa, dịch vụ liên quan được nêu một phần trong Nghị định 63/2014/NĐ-CP và trong các Thông tư như sau:

Bảng – Các quy định về tính hợp lệ của hàng hóa trong pháp luật đấu thầu

Điều khoản	Nội dung
Nghị định 63	
Khoản 7 Điều 12 về lập hồ sơ mời thầu	Yêu cầu các giấy tờ chứng minh quan hệ ủy quyền bán hàng và trách nhiệm sau bán hàng (pháp luật thương mại)
Khoản 2 các Điều 95, 96 và 97 về hồ sơ thanh toán đối với từng loại hợp đồng (trọn gói, theo đơn giá cố định, theo đơn giá điều chỉnh)	Yêu cầu các loại giấy tờ chứng minh tính hợp lệ của hàng hóa trong các khía cạnh như vận chuyển, đóng gói...(pháp luật thương mại)
Thông tư 05/2015/TT-BKHĐT hướng dẫn về lập hồ sơ mời thầu mua sắm hàng hóa	
Điều 6- Giấy phép bán hàng của nhà sản xuất	Hướng dẫn cụ thể về Giấy phép bán hàng của nhà sản xuất (hướng dẫn quy định tại Khoản 7 Điều 12 Nghị định 63)

Mục 5 - Tính hợp lệ của hàng hóa, dịch vụ liên quan thuộc Chương I - Chỉ dẫn nhà thầu, Phần 1 - Thủ tục đấu thầu của (i) Mẫu Hồ sơ mời thầu mua sắm hàng hóa áp dụng phương thức một giai đoạn, một túi hồ sơ (Mẫu số 01) và (ii) Mẫu Hồ sơ mời thầu mua sắm hàng hóa áp dụng phương thức một giai đoạn, hai túi hồ sơ (Mẫu số 02)

5. Tính hợp lệ của hàng hóa, dịch vụ liên quan

“5.1. Tất cả các hàng hóa và dịch vụ liên quan được coi là hợp lệ nếu có xuất xứ rõ ràng, hợp pháp.

5.2. Thuật ngữ “hàng hóa” được hiểu bao gồm máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phụ tùng; hàng tiêu dùng; vật tư y tế dùng cho các cơ sở y tế.

Thuật ngữ “xuất xứ” được hiểu là nước hoặc vùng lãnh thổ nơi sản xuất ra toàn bộ hàng hóa hoặc nơi thực hiện công đoạn chế biến cơ bản cuối cùng đối với hàng hóa trong trường hợp có nhiều nước hoặc vùng lãnh thổ tham gia vào quá trình sản xuất ra hàng hóa đó.

Thuật ngữ “các dịch vụ liên quan” bao gồm các dịch vụ như bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng khác như đào tạo, chuyển giao công nghệ...

5.3. Để chứng minh tính hợp lệ của hàng hóa và dịch vụ liên quan theo quy định tại Mục 5.1 Chỉ dẫn nhà thầu, nhà thầu cần

Bảng – Các quy định về tính hợp lệ của hàng hóa trong pháp luật đầu thầu

Điều khoản	Nội dung
	<p><i>nêu rõ xuất xứ của hàng hóa, ký mã hiệu, nhãn mác của hàng hóa và các tài liệu kèm theo để chứng minh tính hợp lệ của hàng hóa theo quy định tại Bảng dữ liệu đầu thầu”</i></p>
<p>Mục CDNT 5.3 - Tài liệu chứng minh về tính hợp lệ của hàng hóa, dịch vụ liên quan thuộc Chương II - Bảng dữ liệu đầu thầu, Phần 1 – Thủ tục đầu thầu của (i) Mẫu Hồ sơ mời thầu mua sắm hàng hóa áp dụng phương thức một giai đoạn, một túi hồ sơ (Mẫu số 01) và (ii) Mẫu Hồ sơ mời thầu mua sắm hàng hóa áp dụng phương thức một giai đoạn, hai túi hồ sơ (Mẫu số 02)</p>	<p><i>CDNT 5.3 Tài liệu chứng minh về tính hợp lệ của hàng hóa: _____ [nêu yêu cầu về tài liệu chứng minh tính hợp lệ của hàng hóa, ví dụ Giấy chứng nhận xuất xứ (CO), Giấy chứng nhận chất lượng (CQ)...].</i></p>
<p>Mục CDNT 17.2 - Các tài liệu chứng minh năng lực thực hiện hợp đồng nếu được công nhận trúng thầu thuộc Chương II - Bảng dữ liệu đầu thầu, Phần 1 – Thủ tục đầu thầu của (i) Mẫu Hồ sơ mời thầu mua sắm hàng hóa áp dụng phương thức một giai đoạn, một túi hồ sơ (Mẫu số 01) và (ii) Mẫu Hồ sơ mời thầu mua sắm hàng hóa áp dụng phương thức một giai đoạn, hai túi hồ sơ (Mẫu số 02)</p>	<p>Phần này quy định về một số tài liệu chứng minh về quyền bán hàng (giấy phép bán hàng, quan hệ đối tác) và về việc thực hiện các trách nhiệm sau bán hàng</p>
<p>Chương VI - Điều kiện chung của hợp đồng thuộc Phần 3 - Điều kiện hợp đồng và Biểu mẫu hợp đồng của (i) Mẫu Hồ sơ mời thầu mua sắm hàng hóa áp dụng phương thức một giai đoạn, một túi hồ sơ (Mẫu số 01) và (ii) Mẫu Hồ sơ mời thầu mua sắm hàng hóa áp dụng phương thức một giai đoạn, hai túi hồ sơ (Mẫu số 02).</p>	<p>Phần này quy định một số điều khoản bắt buộc trong hợp đồng mua sắm hàng hóa liên quan đến trách nhiệm của nhà thầu về bản quyền đối với hàng hóa, về đóng gói hàng hóa, bảo hiểm, bảo hành.</p>
<p>Chương VII - Điều kiện cụ thể của hợp đồng thuộc Phần 3 - Điều kiện hợp đồng và Biểu mẫu hợp đồng của (i) Mẫu Hồ sơ mời thầu mua sắm hàng hóa áp dụng phương thức một giai đoạn, một túi hồ sơ (Mẫu số 01) và (ii) Mẫu Hồ sơ mời thầu mua sắm hàng hóa áp dụng phương thức một giai đoạn, hai túi hồ sơ (Mẫu số 02).</p>	<p>Phần này quy định một số nội dung tùy nghi khuyến nghị đưa vào Hợp đồng liên quan đến các điều kiện cụ thể về đóng gói hàng hóa, bảo hiểm, vận chuyển hàng hóa, bảo hành.</p>
<p>Thông tư số 03/2015/TT-BKHĐT quy định chi tiết lập hồ sơ mời thầu xây lắp</p>	
<p>Mục 5 - Tính hợp lệ của vật tư, thiết bị và các dịch vụ liên quan thuộc Chương I - Chi dẫn nhà thầu, Phần 1 – Thủ tục đầu thầu của (i) Mẫu Hồ sơ mời thầu xây lắp áp dụng phương thức một giai đoạn, một túi hồ sơ (Mẫu số 01) và (ii) Mẫu Hồ sơ mời thầu xây lắp áp dụng phương thức một giai đoạn, hai túi hồ sơ (Mẫu số 02)</p>	<p><i>5. Tính hợp lệ của vật tư, thiết bị và các dịch vụ liên quan 5.1. Tất cả vật tư, thiết bị và dịch vụ liên quan được cung cấp theo hợp đồng phải có xuất xứ rõ ràng, hợp pháp. Nhà thầu phải nêu rõ ký hiệu, mã hiệu, nhãn mác (nếu có) và xuất xứ của vật tư, thiết bị. Bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu cung cấp bằng chứng về xuất xứ của vật tư, thiết bị và tính hợp lệ của dịch vụ. 5.2. “Xuất xứ của vật tư, thiết bị” được hiểu là nước hoặc vùng lãnh thổ nơi sản xuất ra toàn bộ vật tư, thiết bị hoặc nơi thực hiện công đoạn chế biến cơ bản cuối cùng đối với vật tư, thiết bị trong trường hợp có nhiều nước hoặc vùng lãnh thổ tham gia vào quá trình sản xuất ra vật tư, thiết bị đó. 5.3. Các tài liệu chứng minh về xuất xứ của vật tư, thiết bị và tính hợp lệ của dịch vụ có thể bao gồm: chứng nhận xuất xứ, chứng nhận chất lượng, vận đơn, tài liệu kỹ thuật liên quan của vật tư thiết bị; tài liệu chứng minh tính hợp lệ của dịch vụ cung cấp cho gói thầu.</i></p>

Bảng – Các quy định về tính hợp lệ của hàng hóa trong pháp luật đấu thầu

Điều khoản	Nội dung
Thông tư số 11/2015/TT-BKHĐT quy định chi tiết lập hồ sơ yêu cầu đối với chỉ định thầu, chào hàng cạnh tranh	
Điều 11 - Tính hợp lệ của hàng hóa, thuộc Chương V - Dự thảo hợp đồng của Mẫu số 04 - Hồ sơ yêu cầu chào hàng cạnh tranh mua sắm hàng hóa, và Điều 11 - Tính hợp lệ của hàng hóa, thuộc Chương IV - Dự thảo hợp đồng của Mẫu số 05 - Bản yêu cầu báo giá	<i>Điều 11. Tính hợp lệ của hàng hóa</i> <i>Bên B phải nêu rõ xuất xứ của hàng hóa; ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm và các tài liệu kèm theo để chứng minh tính hợp lệ của hàng hóa và phải tuân thủ các quy định về tiêu chuẩn hiện hành tại quốc gia hoặc vùng lãnh thổ mà hàng hóa có xuất xứ.</i>
Mục 4 - Tính hợp lệ của hàng hóa, dịch vụ liên quan, thuộc Chương I - Chỉ dẫn nhà thầu, Phần 1 - Thủ tục chỉ định thầu của Mẫu số 02 - Hồ sơ yêu cầu chỉ định thầu mua sắm hàng hóa	<i>Mục 4. Tính hợp lệ của hàng hóa, dịch vụ liên quan</i> <i>Tất cả vật tư, thiết bị và dịch vụ liên quan được cung cấp theo hợp đồng phải có xuất xứ rõ ràng, hợp pháp. Nhà thầu phải nêu rõ ký, mã hiệu, nhãn mác (nếu có) và xuất xứ của vật tư, thiết bị. Để chứng minh tính hợp lệ của hàng hóa, dịch vụ liên quan, bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu cung cấp bằng chứng về xuất xứ của các vật tư, thiết bị bao gồm các tài liệu sau _____ [nêu yêu cầu về tài liệu chứng minh tính hợp lệ của hàng hoá ví dụ Giấy chứng nhận xuất xứ (CO), Giấy chứng nhận chất lượng (CQ) hoặc các tài liệu có liên quan khác].</i>
Thông tư số 04/2017/TT-BKHĐT quy định chi tiết về lựa chọn nhà thầu qua Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia	
Mục 10 - Thành phần của E-HSDT và tính hợp lệ của hàng hoá, dịch vụ liên quan, thuộc Chương I - Chỉ dẫn nhà thầu, Phần 1 - Thủ tục đấu thầu của Mẫu E-HSMT	Phần này có quy định giống với quy định tại Mục 5 - Tính hợp lệ của hàng hóa, dịch vụ liên quan thuộc Chương I - Chỉ dẫn nhà thầu, Phần 1 - Thủ tục đấu thầu của các Mẫu Hồ sơ mời thầu mua sắm hàng hóa theo Thông tư 05/2015/TT-BKHĐT ở trên
Điều 11 - Tính hợp lệ của hàng hóa, dịch vụ liên quan, thuộc Mục B - Dự thảo hợp đồng (Gói thầu mua sắm hàng hóa), Chương III - Dự thảo hợp đồng	Phần này quy định về tính hợp lệ của hàng hóa với nội dung tương tự quy định tại Điều 11 - Tính hợp lệ của hàng hóa, thuộc Chương V - Dự thảo hợp đồng của Mẫu số 04 - Hồ sơ yêu cầu chào hàng cạnh tranh mua sắm hàng hóa tại Thông tư số 11/2015/TT-BKHĐT ở trên

➔ **Đánh giá**

Từ góc độ mục tiêu của Nghiên cứu này, các quy định liên quan tới tính hợp lệ của hàng hóa trong các văn bản pháp luật đầu thầu bao gồm một số yêu cầu về tính hợp pháp của hàng hóa ở một số khía cạnh pháp luật như:

- Yêu cầu tuân thủ một số khía cạnh pháp luật về thương mại (xuất xứ hàng hóa, quan hệ bán hàng, dịch vụ sau bán hàng, bảo hiểm, vận chuyển...);
- Yêu cầu tuân thủ một số khía cạnh pháp luật thuế (hóa đơn tài chính);
- Yêu cầu tuân thủ một số khía cạnh của pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn;
- Yêu cầu tuân thủ một số khía cạnh pháp luật về xuất nhập khẩu (vận đơn, tờ khai hải quan...);
- Yêu cầu tuân thủ một số khía cạnh pháp luật về sở hữu trí tuệ (bản quyền).

Tuy nhiên, việc các quy định này chỉ đề cập tới một số các khía cạnh pháp luật rời rạc của các hệ thống pháp luật liên quan tới hàng hóa theo hình thức liệt kê một vài chứng từ/giấy tờ chứng minh sự phù hợp với một số hệ thống pháp luật liên quan tới hàng hóa, dịch vụ trong mua sắm công có lẽ là không hợp lý bởi:

- Liệt kê các quy định/lĩnh vực không cho phép bao quát tất cả các khía cạnh pháp luật liên quan, ví dụ:
 - Liên quan tới pháp luật về sở hữu trí tuệ, quy định tại các Mẫu hồ sơ liên quan chỉ cho phép kiểm soát sự phù hợp của hàng hóa, dịch vụ với quy định về bản quyền, mà không phải tất cả các quy định trong hệ thống pháp luật sở hữu trí tuệ (chú ý: bản thân thuật ngữ “bản quyền” không phải là thuật ngữ chính thức trong pháp luật sở hữu trí tuệ, chỉ là từ sử dụng trong ngôn ngữ dân gian hàng ngày, và không rõ là chỉ những vấn đề, chế định cụ thể nào trong pháp luật sở hữu trí tuệ - ví dụ bản quyền thường được hiểu là quyền tác giả, nhưng không rõ có được hiểu là bao trùm cả các vấn đề khác như sáng chế, giải pháp hữu ích, nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý, bí mật kinh doanh...không).
 - Liên quan tới pháp luật về chất lượng, quy định tại các Mẫu hồ sơ liên quan chỉ cho phép kiểm soát sự phù hợp của hàng hóa với các tiêu chuẩn/quy chuẩn chất lượng theo pháp luật nơi xuất xứ. Trong khi đó, pháp luật về chất lượng bao gồm nhiều vấn đề liên quan khác, ví dụ như các quyền và trách nhiệm tối thiểu của nhà sản xuất, nhà nhập khẩu, người bán hàng liên quan tới vấn đề chất lượng hàng hóa; các quy trình bắt buộc tuân thủ để kiểm soát chất lượng hàng hóa trong sản xuất, hàng hóa nhập khẩu...
- Liệt kê (đặc biệt là các loại giấy tờ cụ thể) có thể không còn chính xác khi hệ thống pháp luật liên quan thay đổi

Ví dụ 1: Hiện tại đối với gần như tất cả các loại hàng hóa, pháp luật không có quy định bắt buộc về giấy phép bán hàng, giấy ủy quyền bán hàng hay giấy chứng nhận quan hệ đối tác.

Ví dụ 2: Theo quy định của pháp luật về chất lượng hàng hóa, nhà sản xuất phải chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hóa do mình sản xuất ra không phụ thuộc vào việc người bán sản phẩm đó là ai, có được ủy quyền hay có quan hệ đối tác như thế nào với nhà sản xuất);

- Liệt kê mang tính lựa chọn tùy nghi không bảo đảm rằng các đơn vị thực thi (chủ đầu tư/bên mời thầu) sẽ chọn đưa vào hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, bản yêu cầu báo giá các yêu cầu này.

- Riêng đối với gỗ và các sản phẩm gỗ: Các quy định hiện tại trong pháp luật đấu thầu không cho phép kiểm soát việc tuân thủ pháp luật về đất đai (đất trồng gỗ nguyên liệu có giấy tờ hợp pháp), về lâm nghiệp (khai thác gỗ nguyên liệu, đấu kiếm lâm), về nhập khẩu (gỗ nguyên liệu phù hợp với pháp luật nơi khai thác),... - trong khi đây mới là các quy định cốt lõi nhất để bảo đảm gỗ hợp pháp.

➔ Đề xuất

Từ thực tế và các bất cập của quy định liên quan tới “tính hợp lệ” của pháp luật đấu thầu, Nghiên cứu đề xuất:

- Bổ sung quy định về “*Tính hợp pháp của hàng hóa, dịch vụ*” (tương đương và song song với quy định về “*Tư cách hợp lệ của nhà thầu, nhà đầu tư*” hiện tại) vào Luật Đấu thầu và/hoặc Nghị định 63/2014/NĐ-CP.

Điều khoản này có thể được thiết kế với nội dung ví dụ như sau “*Hàng hóa, dịch vụ mua sắm phải là hợp pháp. Hàng hóa, dịch vụ là hợp pháp khi bảo đảm tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật liên quan tới việc sản xuất, mua bán, phân phối và sử dụng hàng hóa, dịch vụ đó*”.

- Quy định hướng dẫn thi hành điều khoản trên cần chú ý:
 - Quy định rõ hàng hóa, dịch vụ đáp ứng tính hợp pháp là hàng hóa, dịch vụ có (i) nhãn hiệu, xuất xứ, chất lượng phù hợp quy định pháp luật (03 khía cạnh pháp luật chính liên quan tới bản thân hàng hóa, dịch vụ), (ii) được sản xuất, mua bán, phân phối, giao dịch tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật liên quan tới các quá trình này (các khía cạnh pháp luật liên quan tới quy trình tạo thành và đưa hàng hóa, dịch vụ ra thị trường tới người tiêu dùng);
 - Quy định về nghĩa vụ của bên mua sắm trong việc đưa các nội dung về tính hợp pháp của hàng hóa, dịch vụ vào hồ sơ mời thầu; về nghĩa vụ của nhà thầu trong việc cam kết bảo đảm hàng hóa, dịch vụ là hợp pháp trong hồ sơ dự thầu và trong hợp đồng; về quy trình nghiệm thu bao gồm việc kiểm tra tính hợp pháp của hàng hóa, dịch vụ và bản cam kết của nhà thầu về việc bảo đảm tính hợp pháp của hàng hóa, dịch vụ trong quá trình sử dụng hàng hóa, dịch vụ.
- Bổ sung các quy định hướng dẫn chi tiết về tính hợp pháp của hàng hóa, dịch vụ vào Thông tư 03/2015/TT-BKHĐT, 05/2015/TT-BKHĐT, 11/2015/TT-BKHĐT, 04/2017/TT-BKHĐT, theo hướng:
 - Bỏ khái niệm tính hợp lệ của hàng hóa, dịch vụ liên quan và rà soát bỏ tất cả các quy định liên quan tới “tính hợp lệ” của hàng hóa, dịch vụ hiện hành - thay thế bằng các quy định hướng dẫn chi tiết quy định về “tính hợp pháp” của hàng hóa dịch vụ với nội dung tương ứng;
 - Riêng đối với mục các điều kiện chung của hợp đồng (trong các Mẫu hồ sơ mời thầu/hồ sơ yêu cầu) để nghị bổ sung 01 điều kiện chung, theo hướng:

“Nhà thầu cam kết bảo đảm rằng hàng hóa, dịch vụ liên quan trong phạm vi cung cấp tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật liên quan tới nhãn hiệu, xuất xứ, chất lượng, quá trình sản xuất, mua bán, phân phối, giao dịch hàng hóa, dịch vụ đó. Nhà thầu chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với mọi tranh chấp phát sinh liên quan tới tính hợp pháp của hàng hóa, dịch vụ liên quan”.

2.3. Một số quy định khác có thể có liên quan một phần tới tính hợp pháp của hàng hóa mua sắm công

2.3.1. Quy định về nhãn hiệu, xuất xứ của hàng hóa

Pháp luật đầu thầu đặt ra một số yêu cầu đối với vấn đề nhãn hiệu, xuất xứ của hàng hóa mua sắm công. Tuy nhiên, những yêu cầu này đều chỉ liên quan tới việc nêu/miêu tả nhãn hiệu, xuất xứ hàng hóa trong các hồ sơ mời thầu/hồ sơ yêu cầu, nhằm mục đích bảo đảm tính cạnh tranh, khách quan trong lựa chọn nhà thầu, không liên quan tới tính hợp pháp của hàng hóa.

➔ Hiện trạng quy định

Liên quan tới yêu cầu đối với hàng hóa mua sắm công, pháp luật đầu thầu có quy định khá “đậm” về nhãn hiệu, xuất xứ của hàng hóa, dịch vụ ở tất cả các cấp văn bản. Cụ thể:

Bảng - Các quy định về nhãn hiệu, xuất xứ hàng hóa trong pháp luật đầu thầu

Điều khoản	Nội dung
Luật Đầu thầu	
Điểm i khoản 6 Điều 89 Luật Đầu thầu về các hành vi bị cấm trong đầu thầu do không bảo đảm công bằng, minh bạch	(Cấm hành vi) “i) <i>Nêu yêu cầu cụ thể về nhãn hiệu, xuất xứ hàng hóa trong hồ sơ mời thầu đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp hoặc gói thầu hỗn hợp khi áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế</i> ”
Nghị định 63	
Khoản 7 Điều 12 Nghị định 63/2014/NĐ-CP về lập hồ sơ mời thầu	“7. <i>Hồ sơ mời thầu không được nêu yêu cầu về nhãn hiệu, xuất xứ cụ thể của hàng hóa. Trường hợp không thể mô tả chi tiết hàng hóa theo đặc tính kỹ thuật, thiết kế công nghệ, tiêu chuẩn công nghệ thì được nêu nhãn hiệu, catalô của một sản phẩm cụ thể để tham khảo, minh họa cho yêu cầu về kỹ thuật của hàng hóa nhưng phải ghi kèm theo cụm từ “hoặc tương đương” sau nhãn hiệu, catalô đồng thời phải quy định rõ nội hàm tương đương với hàng hóa đó về đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng, tiêu chuẩn công nghệ và các nội dung khác (nếu có) để tạo thuận lợi cho nhà thầu trong quá trình chuẩn bị hồ sơ dự thầu</i> ”
Thông tư số 05/2015/TT-BKHĐT quy định chi tiết lập hồ sơ mời thầu mua sắm hàng hóa	
Điểm c Khoản 5 Điều 3 – Áp dụng các Mẫu hồ sơ mời thầu mua sắm hàng hóa	Nhắc lại quy định của Khoản 7 Điều 12 Nghị định 63/2014/NĐ-CP, chỉ thêm một nội dung duy nhất “ <i>mà không được quy định tương đương về xuất xứ</i> ”
<i>Mục 3 - Hành vi bị cấm</i> thuộc Chương I - Chỉ dẫn nhà thầu, Phần 1 – Thủ tục đầu thầu của (i) Mẫu Hồ sơ mời thầu áp dụng phương thức một giai đoạn, một túi hồ sơ (Mẫu số 01) và (ii) Mẫu Hồ sơ mời thầu áp dụng phương thức một giai đoạn, hai túi hồ sơ (Mẫu số 02)	Nhắc lại quy định cấm tại Điều 89 Luật Đầu thầu
<i>Mục 2 – Yêu cầu về kỹ thuật</i> thuộc Chương V - Phạm vi cung cấp, Phần 2 – Yêu cầu về phạm vi cung cấp của (i) Mẫu Hồ sơ mời thầu áp dụng phương thức một giai đoạn, một túi hồ sơ (Mẫu số 01) và (ii) Mẫu Hồ sơ mời thầu áp dụng phương thức một giai đoạn, hai túi hồ sơ (Mẫu số 02)	Nhắc lại quy định tại đoạn thứ nhất của Khoản 7 Điều 12 Nghị định 63/2014/NĐ-CP về việc không nêu cụ thể nhãn hiệu, xuất xứ hàng hóa; thêm 02 chỉ dẫn bổ sung, bao gồm quy định “ <i>(không) nêu tên nước, nhóm nước, vùng lãnh thổ gây ra sự phân biệt đối xử</i> ” và “ <i>không được quy định tương đương về xuất xứ</i> ”

Bảng - Các quy định về nhãn hiệu, xuất xứ hàng hóa trong pháp luật đấu thầu

Điều khoản	Nội dung
Thông tư 03/2015/TT-BKHĐT quy định chi tiết lập hồ sơ mời thầu xây lắp	
<i>Mục 3 - Hành vi bị cấm</i> thuộc Chương I - Chi dẫn nhà thầu, Phần 1 – Thủ tục đấu thầu của (i) Mẫu Hồ sơ mời thầu áp dụng phương thức một giai đoạn, một túi hồ sơ (Mẫu số 01) và (ii) Mẫu Hồ sơ mời thầu áp dụng phương thức một giai đoạn, hai túi hồ sơ (Mẫu số 02)	Nhắc lại quy định cấm tại Điều 89 Luật Đấu thầu
<i>Mục III - Yêu cầu về kỹ thuật/chi dẫn kỹ thuật</i> thuộc Chương V - Yêu cầu về xây lắp, Phần 2 - Yêu cầu về xây lắp của (i) Mẫu Hồ sơ mời thầu áp dụng phương thức một giai đoạn, một túi hồ sơ (Mẫu số 01) và (ii) Mẫu Hồ sơ mời thầu áp dụng phương thức một giai đoạn, hai túi hồ sơ (Mẫu số 02)	Nội dung hướng dẫn quy định tại Khoản 7 Điều 12 Nghị định 63/2014/NĐ-CP cho phù hợp với trường hợp hồ sơ mời thầu xây lắp <i>“Không được nêu yêu cầu về nhãn hiệu, xuất xứ cụ thể của vật tư, máy móc, thiết bị. Trường hợp đặc biệt cần thiết phải nêu nhãn hiệu, catalô của một nhà sản xuất nào đó, hoặc vật tư, máy móc, thiết bị từ một nước hoặc một vùng lãnh thổ nào đó để tham khảo, minh họa cho yêu cầu về mặt kỹ thuật của vật tư, máy móc, thiết bị thì phải ghi kèm cụm từ “hoặc tương đương” sau nhãn hiệu, catalô hoặc xuất xứ nêu ra và quy định rõ khái niệm tương đương nghĩa là có đặc tính kỹ thuật tương tự, có tính năng sử dụng là tương đương các vật tư, máy móc, thiết bị đã nêu để không tạo định hướng cho một sản phẩm hoặc cho một nhà thầu nào đó.</i>

➔ Đánh giá

Về mặt hình thức, các quy định liên quan tới xuất xứ hàng hóa trong trường hợp hàng hóa là gỗ hoặc các sản phẩm gỗ có thể cho thông tin ít nhiều về tính hợp pháp của gỗ/sản phẩm gỗ.

Mặc dù vậy, khi rà soát sâu vào nội dung các quy định về xuất xứ, nhãn hiệu hàng hóa trong pháp luật đấu thầu, có thể thấy các quy định này chủ yếu liên quan tới vấn đề bảo đảm cạnh tranh công bằng, minh bạch. Cụ thể quy định về “nhãn hiệu, xuất xứ hàng hóa” trong pháp luật đấu thầu không được đề cập như là một yêu cầu (theo hướng: nhãn hiệu, xuất xứ hàng hóa phải đáp ứng/tuân thủ yêu cầu cụ thể nào đó) mà như là một hành vi bị cấm (theo hướng: không được nêu cụ thể nhãn hiệu, xuất xứ trong hồ sơ mời thầu, tránh việc chỉ dẫn trực tiếp tới một nhà thầu, nhà cung cấp cụ thể, từ đó vi phạm nguyên tắc công bằng, minh bạch, cạnh tranh giữa các nhà thầu/nhà cung cấp).

Các quy định này không nhằm yêu cầu hàng hóa (trong đó có gỗ và các sản phẩm gỗ) phải tuân thủ pháp luật về nhãn hiệu, xuất xứ, do đó không liên quan tới tính hợp pháp của hàng hóa ở khía cạnh này.

➔ Đề xuất

Sự tồn tại của quy định về nhãn hiệu, xuất xứ hàng hóa trong pháp luật đấu thầu được thiết kế với mục tiêu bảo đảm tính cạnh tranh, khách quan trong lựa chọn nhà thầu, một mục tiêu độc lập với vấn đề về kiểm soát tính hợp pháp của hàng hóa. Vì vậy, Nghiên cứu không đề xuất điều chỉnh gì về vấn đề này.

2.3.2. Quy định về yêu cầu kỹ thuật đối với hàng hóa, dịch vụ

Các yêu cầu về kỹ thuật (mô tả kỹ thuật) đối với hàng hóa, dịch vụ là một trong những chế định cơ bản của pháp luật đầu thầu. Trong một số trường hợp nhất định, một số yêu cầu kỹ thuật có thể cho thông tin về tính hợp pháp của hàng hóa. Tuy nhiên, các trường hợp này là rất hạn hữu. Phần lớn các quy định về yêu cầu kỹ thuật với mục tiêu bảo đảm tính hiệu quả trong mua sắm công (theo nghĩa hàng hóa, dịch vụ cung cấp đáp ứng tốt nhất yêu cầu chất lượng và hiệu quả sử dụng với giá hợp lý nhất).

➔ Hiện trạng quy định

Các quy định về yêu cầu kỹ thuật đối với hàng hóa được nêu trong các văn bản ở tất cả các cấp độ trong hệ thống pháp luật đầu thầu, với mức độ chi tiết khác nhau. Cụ thể:

Bảng - Các quy định về yêu cầu kỹ thuật đối với hàng hóa trong pháp luật đầu thầu

Điều khoản	Nội dung
Luật Đầu thầu	
Điều 39 Luật Đầu thầu về phương pháp đánh giá hồ sơ dự thầu đối với gói thầu cung cấp dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp	Đề cập tới “tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật” như là một trong ba tiêu chuẩn sử dụng để đánh giá hồ sơ dự thầu trong các phương pháp đánh giá hồ sơ được liệt kê
Nghị định 63	
Điều 12 Nghị định 63 về lập hồ sơ mời thầu	Bao gồm 02 nhóm quy định (i) hướng dẫn chi tiết phương pháp chấm điểm về tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật; (ii) hướng dẫn các tiêu chí cụ thể làm cơ sở đánh giá về kỹ thuật
Điểm c khoản 1 Điều 12 Nghị định 63 về lập hồ sơ mời thầu	Quy định một trong các căn cứ để lập hồ sơ mời thầu là “yêu cầu về đặc tính, thông số kỹ thuật đối với hàng hóa (nếu có)”
Khoản 7 Điều 12	Quy định gián tiếp về việc hồ sơ mời thầu phải có “mô tả chi tiết hàng hóa theo đặc tính kỹ thuật, thiết kế công nghệ, tiêu chuẩn công nghệ”
Điểm b khoản 1 Điều 18 Nghị định 63 về đánh giá hồ sơ dự thầu	Quy định gián tiếp về việc hồ sơ dự thầu phải có 01 thành phần là “đề xuất về kỹ thuật”
Thông tư số 05/2015/TT-BKHĐT quy định chi tiết lập hồ sơ mời thầu mua sắm hàng hóa	
Mục 3 - Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật thuộc Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu, Phần 1 - Thủ tục đầu thầu của các Mẫu Hồ sơ mời thầu	Nhắc lại quy định về tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật tại khoản 3 Điều 12 Nghị định 63/2014/NĐ-CP
Mục 2 - Yêu cầu về kỹ thuật thuộc Chương 5 - Phạm vi cung cấp, Phần 2 - Yêu cầu về phạm vi cung cấp của các Mẫu Hồ sơ mời thầu mua sắm hàng hóa.	Nội dung mục này bao quát tất cả các yêu cầu về kỹ thuật mà hàng hóa, dịch vụ liên quan phải đáp ứng. Đây chính là các nội dung bắt buộc của Hồ sơ mời thầu mua sắm hàng hóa liên quan tới yêu cầu kỹ thuật (mà Luật đầu thầu và Nghị định 63/2014/NĐ-CP chưa quy định)
Tiểu mục 19 - Thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn, thuộc Chương VI - Điều kiện chung của hợp đồng, Phần 3 - Điều kiện hợp đồng và Biểu mẫu Hợp đồng.	Phần này bổ sung quy định về trường hợp áp dụng thông số và tiêu chuẩn tương đương hoặc cao hơn tiêu chuẩn hiện hành tại quốc gia nơi hàng hóa có xuất xứ nếu thông số, hoặc tiêu chuẩn đó không được đề cập trong Mục 2 về Yêu cầu kỹ thuật

Bảng - Các quy định về yêu cầu kỹ thuật đối với hàng hóa trong pháp luật đấu thầu

Điều khoản	Nội dung
Thông tư 03/2015/TT-BKHĐT quy định chi tiết lập hồ sơ mời thầu xây lắp	
Mục 3 - Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật thuộc Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu	Nhắc lại các quy định tại khoản 4 Điều 12 Nghị định 63/2014/NĐ-CP
Mục III. Yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật thuộc Chương V - Yêu cầu về xây lắp, Phần 2 - Yêu cầu về xây lắp	Liệt kê các yêu cầu, chỉ dẫn kỹ thuật thuần túy liên quan tới quá trình xây lắp Có 01 quy định có liên quan trực tiếp tới tính hợp pháp của dịch vụ (nhưng chỉ liên quan tới pháp luật chuyên ngành xây dựng về quản lý chất lượng công trình xây dựng, không bao trùm các quy định pháp luật khác, đặc biệt là pháp luật áp dụng đối với vật tư sử dụng, trong đó có gỗ và các sản phẩm gỗ)
Mục C - Quản lý chất lượng, thuộc Chương VI - Điều kiện chung của hợp đồng	Có quy định về việc nhà thầu bảo đảm vật tư, máy móc, thiết bị đáp ứng đúng yêu cầu kỹ thuật và vấn đề kiểm tra chất lượng thực tế của các vật tư, máy móc, thiết bị này

➔ Đánh giá

Về mặt nội dung, các quy định về “tính kỹ thuật” của hàng hóa như quy định trong pháp luật đấu thầu không có mối liên hệ cụ thể nào với “tính hợp pháp” của hàng hóa. Lý do là các yếu tố, tiêu chí kỹ thuật được liệt kê chỉ tập trung vào các khía cạnh về đặc điểm, thông số kỹ thuật, tác động, hiệu quả sử dụng, và các yếu tố liên quan tới các khía cạnh này của hàng hóa.

Từ góc độ mục tiêu của Nghiên cứu này, có một số ít các yếu tố kỹ thuật của hàng hóa có thể cho thông tin về việc tuân thủ pháp luật của hàng hóa liên quan. Ví dụ:

- *Với gỗ và các sản phẩm gỗ*: thông tin kỹ thuật về loài/loại gỗ (gỗ tự nhiên hay gỗ công nghiệp, gỗ nhóm I hay nhóm III-IV) hay nguồn gốc xuất xứ gỗ (gỗ Việt Nam, gỗ Lào....) có thể cho thông tin về sự phù hợp của hàng hóa với pháp luật lâm nghiệp Việt Nam (ví dụ gỗ rừng tự nhiên hiện đã bị cấm hoàn toàn theo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về đóng cửa rừng tự nhiên; gỗ nhóm nguy cấp, quý hiếm có thể vi phạm Luật Lâm nghiệp về quản lý, bảo vệ các loài thực vật, động vật nguy cấp, quý hiếm....)
- *Với một số loại hàng hóa đặc thù về kỹ thuật*: thông tin về một số định mức kỹ thuật có thể cho thông tin về sự phù hợp của hàng hóa đó với pháp luật về tiêu chuẩn, chất lượng sản phẩm (các quy chuẩn kỹ thuật), pháp luật về môi trường (các quy định liên quan tới chuẩn tối thiểu về phát thải, mức độ gây ô nhiễm)...

Tuy nhiên, xét trong tổng thể chung thì khả năng các yếu tố/yêu cầu về kỹ thuật đối với hàng hóa có thể cho thông tin về một khía cạnh nào đó của “tính hợp pháp” của hàng hóa là (i) tương đối thấp (rất ít thông tin kỹ thuật có thể trực tiếp gắn với một yêu cầu pháp luật cụ thể), (ii) mức độ thông tin có dao động lớn giữa các loại hàng hóa (một yếu tố kỹ thuật của hàng hóa này có thể cho thông tin về tính hợp pháp của hàng hóa với một khía cạnh pháp luật nào đó trong khi với hàng hóa khác lại không thể cho thông tin nào cụ thể) và (iii) không đầy đủ (nếu yếu tố kỹ thuật nào có chứa thông tin về “tính hợp pháp” thì cũng chỉ là về một khía cạnh nhỏ nào đó, không phải toàn bộ tính hợp pháp của hàng hóa).

Trong khi đó, từ góc độ của pháp luật đấu thầu, hệ thống các quy định về các yếu tố kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ là đối tượng mua sắm công là một chế định pháp luật rất cần thiết, với mục tiêu rõ ràng, gắn trực tiếp và chặt chẽ với ý nghĩa của toàn bộ cơ chế quản lý Nhà nước đối với hoạt động đấu thầu.

Do đó không nên và cũng không cần thiết để bổ sung thêm một “chức năng mới” – chức năng kiểm soát tính hợp pháp của hàng hóa, dịch vụ cung cấp - cho chế định về các yếu tố kỹ thuật đối với hàng hóa, dịch vụ trong đấu thầu này.

➔ **Đề xuất**

Từ góc độ mục tiêu của Nghiên cứu này, không có đề xuất điều chỉnh hay sửa đổi nào với chế định về các yếu tố kỹ thuật của hàng hóa trong đấu thầu.

III.

Tiểu kết

➤ 1. Các kết quả rà soát hệ thống pháp luật đấu thầu

Rà soát hệ thống pháp luật đấu thầu từ góc độ các cơ chế kiểm soát tính hợp pháp của hàng hóa, dịch vụ trong đấu thầu, trong đó có gỗ và các sản phẩm gỗ, cho thấy một số thực tế sau:

- *Liên quan tới nguyên tắc áp dụng pháp luật* cho hoạt động đấu thầu, Luật đấu thầu quy định các hoạt động đấu thầu (trong đó có hàng hóa, dịch vụ được đấu thầu) phải tuân thủ pháp luật đấu thầu đồng thời với việc tuân thủ tất cả các hệ thống pháp luật liên quan. Tuy nhiên, nguyên tắc chung này chỉ phù hợp để xác định phạm vi luật áp dụng, không cho phép kiểm soát việc tuân thủ quy định pháp luật liên quan tới hàng hóa, dịch vụ của các nhà thầu;
- *Liên quan tới quy định về tính hợp lệ*, pháp luật đấu thầu có quy định về “tư cách hợp lệ của nhà thầu” và “tính hợp lệ của hàng hóa, dịch vụ”.

Về hình thức, trong khi yêu cầu về “tư cách hợp lệ của nhà thầu” được quy định ngay trong Luật đấu thầu thì yêu cầu về “tính hợp lệ của hàng hóa, dịch vụ” chỉ được nêu trong các Mẫu hồ sơ mời thầu tại các Thông tư hướng dẫn.

Về nội dung, các quy định về “tư cách hợp lệ của nhà thầu” và “tính hợp lệ của hàng hóa, dịch vụ” trong pháp luật đấu thầu cho phép kiểm soát ở mức độ nhất định tính hợp pháp của hàng hóa, dịch vụ trong hoạt động đấu thầu từ cả hai góc độ - từ chủ thể sản xuất kinh doanh và từ chính hàng hóa, dịch vụ được cung cấp.

Từ góc độ chủ thể kinh doanh hàng hóa, dịch vụ, quy định về “tư cách hợp lệ” chỉ yêu cầu nhà thầu phải có đăng ký hoặc được thành lập hợp pháp (bên cạnh các yêu cầu khác liên quan tới tư cách hợp lệ như về tài chính, các hạn chế về quyền tham dự thầu). Quy định này không cho phép bảo đảm nhà thầu tuân thủ các quy định khác liên quan tới việc kinh doanh hàng hóa, dịch vụ liên quan (ví dụ các giấy phép kinh doanh, các điều kiện kinh doanh trong trường hợp hàng hóa, dịch vụ thuộc lĩnh vực ngành nghề kinh doanh có điều kiện).

Từ góc độ hàng hóa, dịch vụ, quy định về “tính hợp lệ” chỉ yêu cầu hàng hóa, dịch vụ có (i) “xuất xứ rõ ràng, hợp pháp”, (ii) “có chất lượng tuân thủ quy định về chất lượng của lãnh thổ nơi xuất xứ”, và (iii) có các dịch vụ liên quan (bảo hành, bảo hiểm...) hợp lệ. “Tính hợp lệ” trong quy định hiện tại không đòi hỏi hàng hóa, dịch vụ phải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu khác của các hệ thống pháp luật liên quan tới việc sản xuất, kinh doanh, mua bán, giao dịch hàng hóa, dịch vụ đó. Trong các Mẫu hợp đồng quy định tại các thông tư, cũng có một số điều khoản cố định yêu cầu nhà thầu phải tuân thủ một số quy định pháp luật liên quan tới hàng hóa cung cấp (ví dụ về bản quyền, vận chuyển, bảo hiểm bảo hành...). Tuy nhiên, các điều khoản này không đủ bao quát tất cả các hệ thống pháp luật liên quan tới hàng hóa. Riêng với gỗ và các sản phẩm gỗ, những quy định này hoàn toàn không đủ để bảo đảm tính hợp pháp của gỗ nguyên liệu sử dụng trong các hợp đồng này.

- *Liên quan tới các hành vi bị cấm trong hoạt động đấu thầu*, pháp luật đấu thầu liệt kê nhiều hành vi bị cấm, trong đó có hành vi “nêu cụ thể nhãn hiệu, xuất xứ hàng hóa, dịch vụ”. Về mục tiêu, đây là quy định nhằm bảo đảm tính cạnh tranh, công bằng, minh bạch trong đấu thầu, tránh trường hợp “chỉ định” sẵn một (một số) loại hàng hóa, dịch vụ với nhãn hiệu, xuất xứ cụ thể, của một nhà thầu cụ thể. Về nội dung, quy định này mặc dù liên quan tới vấn đề nhãn hiệu, xuất xứ của hàng hóa, dịch vụ nhưng được thiết kế theo hướng “hành vi bị cấm” phục vụ cho mục đích của hoạt động đấu thầu, không liên quan tới việc kiểm soát tính hợp pháp của hàng hóa, dịch vụ (kể cả là hợp pháp trong vấn đề nhãn hiệu, xuất xứ).

III. Tiểu kết

- *Liên quan tới các yêu cầu kỹ thuật đối với hàng hóa, dịch vụ trong hoạt động đấu thầu, pháp luật đấu thầu có nhiều quy định liên quan, tuy nhiên chỉ được quy định tập trung tại các Thông tư hướng dẫn lập hồ sơ mời thầu. Về mục tiêu, đây là chế định quan trọng trong pháp luật đấu thầu nhằm nhận diện tất cả các yêu cầu chi tiết của bên mời thầu liên quan tới hàng hóa, dịch vụ cần mua sắm và là căn cứ quan trọng để các nhà thầu lập đề xuất thích hợp. Về nội dung, các quy định này chỉ xoay quanh các khía cạnh kỹ thuật của hàng hóa (mô tả kỹ thuật, chức năng sử dụng, tác động khi sử dụng...), hầu như không liên quan tới tính hợp pháp của hàng hóa, dịch vụ.*
- *Liên quan tới các chế định khác, pháp luật đấu thầu không có quy định nào khác nhằm kiểm soát tính hợp pháp của hàng hóa, dịch vụ mua sắm. Pháp luật đấu thầu cũng không có quy định ưu tiên lựa chọn nhà thầu hay xử phạt nhà thầu dựa trên tiêu chí về tính hợp pháp của hàng hóa, dịch vụ mà nhà thầu cung cấp.*

➤ **2. Các đề xuất điều chỉnh đối với hệ thống pháp luật đấu thầu**

Từ các kết quả rà soát, Nghiên cứu đưa ra các đề xuất điều chỉnh hệ thống pháp luật đấu thầu như sau:

Pháp luật đấu thầu điều chỉnh hoạt động đấu thầu đối với tất cả các hàng hóa, dịch vụ, mà gỗ và các sản phẩm gỗ chỉ là một nhóm nhỏ trong số đó. Tuy nhiên, với tính chất là các hàng hóa, dịch vụ được mua sắm bằng vốn Nhà nước, yêu cầu về việc bảo đảm rằng các hàng hóa, dịch vụ này là các hàng hóa, dịch vụ “hợp pháp” – tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật liên quan là cần thiết và hợp lý. Vì vậy, mặc dù xuất phát từ mục tiêu của nhóm nhỏ (gỗ và các sản phẩm gỗ), Nghiên cứu đề xuất điều chỉnh chung đối với các quy định của pháp luật đấu thầu (mà không giới hạn riêng ở gỗ, sản phẩm gỗ hay hàng hóa).

Các đề xuất điều chỉnh nhằm bảo đảm tính hợp pháp của hàng hóa, dịch vụ cung cấp và trách nhiệm của nhà thầu trong bảo đảm điều này được tóm tắt như dưới đây:

● **Đối với Luật Đấu thầu và/hoặc Nghị định 63/2014/NĐ-CP**

- Bổ sung 01 Điều có tính nguyên tắc về “*Tính hợp pháp của hàng hóa, dịch vụ*” (tương đương và song song với Điều 5 về “*Tư cách hợp lệ của nhà thầu, nhà đầu tư*” hiện tại của Luật Đấu thầu).
Nội dung của Điều này có thể được thiết kế theo hướng: “*Hàng hóa, dịch vụ mua sắm phải là hợp pháp. Hàng hóa, dịch vụ là hợp pháp khi bảo đảm tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật liên quan tới việc khai thác, chế biến, sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ đó*”; và
- Bổ sung ít nhất 01 điều khoản hướng dẫn chi tiết quy định về “*tính hợp pháp của hàng hóa, dịch vụ*” nói trên. Nội dung của điều khoản này nên được thiết kế bao quát – không liệt kê từng loại pháp luật mà hàng hóa, dịch vụ liên quan cần tuân thủ mà theo hướng:
 - Quy định rõ hàng hóa, dịch vụ đáp ứng tính hợp pháp là hàng hóa, dịch vụ có (i) nhãn hiệu, xuất xứ, chất lượng phù hợp quy định pháp luật (03 khía cạnh pháp luật chính liên quan tới bản thân hàng hóa, dịch vụ), (ii) được khai thác, chế biến, sản xuất kinh doanh, mua bán, phân phối, giao dịch... tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật liên quan tới các quá trình này (các khía cạnh pháp luật liên quan tới quy trình tạo thành và đưa hàng hóa, dịch vụ ra thị trường tới người tiêu dùng)
 - Quy định về nghĩa vụ của bên mua sắm nêu rõ yêu cầu về (i) tính hợp pháp của hàng hóa, dịch vụ trong hồ sơ mời thầu; (ii) nghĩa vụ của nhà thầu trong việc cam kết bảo đảm hàng hóa, dịch vụ là hợp pháp trong hồ sơ dự thầu và trong hợp đồng; (iii) quy trình nghiệm thu (bao gồm việc kiểm tra tính hợp pháp của hàng hóa, dịch vụ và bản cam kết của nhà thầu về việc bảo đảm tính hợp pháp của hàng hóa, dịch vụ) khi tiếp nhận hàng hóa, dịch vụ.

● Đối với các Thông tư hướng dẫn

- Bỏ khái niệm “tính hợp lệ của hàng hóa, dịch vụ liên quan” và rà soát bỏ tất cả các quy định liên quan tới “tính hợp lệ” của hàng hóa, dịch vụ liên quan trong các Thông tư; Thay thế bằng các quy định hướng dẫn chi tiết về “tính hợp pháp” của hàng hóa dịch vụ (đã được đề xuất bổ sung vào Luật Đấu thầu và Nghị định 63/2014/NĐ-CP)
- Nội dung của các điều khoản hướng dẫn về “tính hợp pháp” trong các Thông tư này cần được thiết kế phù hợp với nội dung các quy định về tính hợp pháp của hàng hóa dịch vụ đã đề xuất bổ sung trong Luật Đấu thầu và/hoặc Nghị định 63/2014/NĐ-CP ở trên
- Riêng đối với mục về Các Điều kiện của Hợp đồng (chung, cụ thể) trong các Mẫu Hồ sơ: Bên cạnh việc giữ nguyên các nội dung hiện tại trong mục Các điều kiện chung và Các điều kiện cụ thể của Hợp đồng, đề nghị bổ sung 01 điều kiện chung về cam kết của nhà thầu trong bảo đảm tính hợp pháp của hàng hóa dịch vụ cung cấp theo hướng:

“Nhà thầu cam kết bảo đảm rằng hàng hóa, dịch vụ cung cấp tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật liên quan tới nhãn hiệu, xuất xứ, chất lượng, quá trình khai thác, chế biến, sản xuất kinh doanh, mua bán, phân phối, giao dịch hàng hóa, dịch vụ đó. Nhà thầu chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với mọi tranh chấp phát sinh liên quan tới tính hợp pháp của hàng hóa, dịch vụ liên quan”.

III. Tiểu kết

2

PHẦN THỨ HAI

Báo cáo Rà soát các hồ sơ mời thầu mua sắm gỗ và sản phẩm gỗ

Căn cứ vào pháp luật về đấu thầu, các đơn vị liên quan (cơ quan Nhà nước, các tổ chức chính trị-xã hội, các đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp Nhà nước) tổ chức các thủ tục đấu thầu để lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư cho các hoạt động mua sắm, đầu tư sử dụng vốn Nhà nước liên quan.

Trong quá trình này, theo quy định, các yêu cầu đối với nhà thầu liên quan tới hàng hóa, trong đó có gỗ và sản phẩm gỗ (bao gồm các yêu cầu kỹ thuật và yêu cầu pháp lý) đều phải được thể hiện trong hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, bản yêu cầu báo giá (sau đây gọi tắt là hồ sơ mời thầu). Vì vậy, từ góc độ mục tiêu của Nghiên cứu này, các hồ sơ mời thầu là tài liệu thể hiện rõ nhất mức độ, cách thức sự quan tâm của chủ đầu tư/bên mời thầu đối với vấn đề tính hợp pháp của hàng hóa, dịch vụ mua sắm, trong đó có gỗ và các sản phẩm gỗ.

Hợp phần 2 của Nghiên cứu rà soát nội dung của 100 hồ sơ mời thầu mua sắm gỗ và các sản phẩm gỗ với mục tiêu nhận diện thực tiễn các yêu cầu của chủ đầu tư/bên mời thầu trong các gói thầu về các khía cạnh liên quan tới tính hợp pháp của gỗ và các sản phẩm gỗ. Thông tin về thực tiễn mức độ quan tâm của chủ đầu tư/nhà thầu đối với vấn đề này sẽ là cơ sở có ý nghĩa cho các đề xuất sửa đổi pháp luật đấu thầu cũng như điều chỉnh thực tiễn thực hiện đấu thầu thông qua các hoạt động liên quan (ví dụ đào tạo về đấu thầu, bồi dưỡng thi cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động đấu thầu, các hoạt động xây dựng năng lực, nâng cao nhận thức về đấu thầu...).

Dưới đây là báo cáo kết quả Hợp phần Nghiên cứu rà soát các hồ sơ mời thầu mua sắm gỗ và các sản phẩm gỗ theo mục tiêu của Hiệp định VPA/FLEGT.

I.

Phạm vi rà soát và các tác động tới kết quả rà soát

► 1. Phạm vi rà soát

Trong khuôn khổ quy mô của Nghiên cứu, việc rà soát được tiến hành đối với 100 hồ sơ mời thầu mua sắm gỗ và các sản phẩm gỗ gia dụng (bàn, ghế, tủ...) được lọc từ tất cả các bộ hồ sơ mời thầu mua sắm hàng hóa thực hiện qua mạng trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia (VNEPS – tại địa chỉ <http://muasamcong.mpi.gov.vn/>) trong 03 năm (2016-2018)⁴.

Việc giới hạn các hồ sơ mời thầu ở phạm vi nêu trên xuất phát từ các căn cứ sau đây:

(i) Về giới hạn loại hàng hóa mua sắm

Trong các gói thầu thực hiện bởi các đơn vị thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật đấu thầu, gỗ và các sản phẩm gỗ được mua sắm có thể bao gồm nhiều nhóm như đồ gỗ văn phòng, đồ gỗ trường học, đồ gỗ gia dụng (cả nội thất và ngoại thất), đồ gỗ xây dựng (vật liệu xây dựng bằng gỗ),...

Rà soát này chỉ lựa chọn các gói thầu mua sắm đồ gỗ văn phòng, trường học, gia dụng nằm trong các hồ sơ mời thầu độc lập, không gắn với các hạng mục mua sắm sản phẩm khác.

Trên thực tế, đồ gỗ xây dựng được suy đoán là nhóm sản phẩm có tỷ trọng và giá trị lớn trong nhóm hàng hóa là gỗ và các sản phẩm gỗ được mua sắm công ở Việt Nam. Tuy nhiên, các sản phẩm này thường nằm trong các gói thầu xây lắp rất phức tạp, với nhiều hợp phần mua sắm nhiều loại hàng hóa cùng lúc. Trong khuôn khổ hạn chế của Nghiên cứu này, việc lọc và phân tách phần sản phẩm gỗ trong các gói thầu xây lắp là quá phức tạp và tốn kém (cả về thời gian và nhân lực). Vì vậy mặc dù có thể có tỷ trọng lớn, và việc phân tích các gói thầu này sẽ cho nhiều thông tin mang tính đại diện hơn, các gói thầu xây lắp có chứa gỗ và các sản phẩm gỗ không được lựa chọn rà soát trong khuôn khổ Nghiên cứu này.

(ii) Về chủ thể mua sắm

Rà soát không có giới hạn nào về loại chủ thể mua sắm trong các gói thầu được rà soát, vì vậy các chủ thể này có thể bao gồm bất kỳ đơn vị mua sắm nào thuộc diện điều chỉnh của pháp luật đấu thầu, bao gồm: Các cơ quan Nhà nước (trung ương, địa phương), các tổ chức chính trị-xã hội (Đảng, đoàn thể...), các đơn vị sự nghiệp, các doanh nghiệp Nhà nước...

(iii) Về giới hạn quy trình đấu thầu

Rà soát chỉ lựa chọn các hồ sơ mời thầu được thực hiện theo quy trình đấu thầu qua mạng – tức là các hồ sơ mời thầu được thực hiện công khai trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia (VNEPS).

Việc lựa chọn các gói thầu thực hiện qua mạng xuất phát chủ yếu từ lý do đây là nhóm có các hồ sơ mời thầu được công khai, cho phép chúng tiếp cận toàn bộ nội dung hồ sơ mời thầu, và vì vậy là nhóm duy nhất thích hợp để phục vụ mục tiêu của Nghiên cứu rà soát này.

Theo Cục Quản lý đấu thầu thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư, tính tới tháng 20/12/2018, đã có tổng cộng 18.253 gói thầu được thực hiện trên VNEPS⁵, chiếm khoảng 18% các gói thầu được đấu thầu qua mạng⁶.

4. Tổng cộng có 13.625 hồ sơ mời thầu mua sắm hàng hóa vào thời điểm 1/10/2018 (thời điểm thống kê dữ liệu hồ sơ mời thầu trên VNEPS phục vụ Nghiên cứu này)

5. Báo cáo tổng kết 2018 của Cục Quản lý đấu thầu – Bộ Kế hoạch và Đầu tư

6. <https://www.thesaigontimes.vn/277575/da-u-thau-qua-mang-con-xa-voi-muc-tieu.html>

Theo quy định tại *Thông tư liên tịch 07/2015/TTLT-BKHĐT-BTC quy định chi tiết việc cung cấp đăng tải thông tin về đấu thầu và lựa chọn nhà thầu qua mạng* thì việc đấu thầu qua mạng được áp dụng theo lộ trình với các yêu cầu cụ thể về tỷ lệ tối thiểu số gói thầu mà một đơn vị mua sắm phải thực hiện đấu thầu qua mạng. Nhìn vào các quy định này, có thể thấy trong giai đoạn 2016-2018, các gói thầu thuộc diện phải thực hiện qua mạng đều là các gói thầu mua sắm quy mô nhỏ, đơn giản (đấu thầu theo hình thức chào hàng cạnh tranh, đấu thầu rộng rãi/hạn chế có quy mô nhỏ).

Do vậy, kết quả rà soát các hồ sơ mời thầu trong Nghiên cứu này có thể chỉ phản ánh thực tiễn mua sắm gỗ và các sản phẩm gỗ của các gói thầu quy mô nhỏ, mua sắm đơn giản.

Lộ trình áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu qua mạng

Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội chỉ đạo các chủ đầu tư, bên mời thầu trực thuộc phải tổ chức lựa chọn nhà thầu qua mạng theo lộ trình như sau:

- Năm 2016, thực hiện lựa chọn nhà thầu qua mạng tối thiểu 20% số lượng các gói thầu chào hàng cạnh tranh, 10% số lượng các gói thầu quy mô nhỏ đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế nhưng ít nhất là 01 gói thầu chào hàng cạnh tranh hoặc đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế;
- Năm 2017, thực hiện lựa chọn nhà thầu qua mạng tối thiểu 30% số lượng các gói thầu chào hàng cạnh tranh, 15% số lượng các gói thầu quy mô nhỏ đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế;
- Từ năm 2018 trở đi, thực hiện lựa chọn nhà thầu qua mạng tối thiểu 40% số lượng các gói thầu chào hàng cạnh tranh, 30% số lượng các gói thầu quy mô nhỏ đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế.

Đối với các trường hợp đã thực hiện thí điểm đấu thầu qua mạng từ 2014 trở về trước (gồm UBND thành phố Hà Nội, Tập đoàn Điện lực, Tập đoàn Bưu chính viễn thông): Áp dụng lộ trình riêng, với yêu cầu về tỷ lệ tối thiểu các gói thầu thực hiện qua mạng cao hơn lộ trình thông thường nói trên.

Nguồn: Thông tư liên tịch 07/2015/TTLT-BKHĐT-BTC

(iv) Về giới hạn về thời gian

Các gói thầu được rà soát trong Nghiên cứu được lựa chọn trong số các gói thầu thực hiện trong khoảng thời gian 2016-2018.

Khoảng thời gian này được lựa chọn trước hết để bảo đảm tính cập nhật của Nghiên cứu, với các hồ sơ mời thầu thực hiện theo đúng quy trình của pháp luật đấu thầu trong vòng 03 năm gần nhất.

Ngoài ra, về mặt kỹ thuật, 2016 là năm mà hệ thống VNEPS hoàn thiện việc triển khai đồng bộ quy trình đấu thầu qua mạng và do đó từ thời điểm này, việc tiếp cận nội dung các hồ sơ mời thầu trong các gói thầu thực hiện qua mạng là khả thi.

Mặt khác, từ góc độ của Nghiên cứu, 2016 là năm mà Thủ tướng Chính phủ thông qua Quyết định 76/QĐ-TTg ngày 11/1/2016 phê duyệt “Chương trình hành động quốc gia về sản xuất và tiêu dùng bền vững tới năm 2020-tầm nhìn đến năm 2030” trong đó đặt mục tiêu “*Từng bước thay đổi mô hình sản xuất và tiêu dùng theo hướng nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn tài nguyên...; duy trì tính bền vững của hệ sinh thái tại tất cả các khâu trong vòng đời sản phẩm từ khai thác, cung ứng nguyên liệu đến sản xuất chế biến, phân phối, tiêu dùng và thải bỏ sản phẩm.*” Với tư cách là “người tiêu dùng”, các đơn vị mua sắm khi đấu thầu suy đoán cũng có trách nhiệm tham gia hiện thực hóa mục tiêu này. Do đó, việc lựa chọn các gói thầu mua sắm gỗ và các sản phẩm gỗ trong giai đoạn này cũng có ý nghĩa trong xem xét việc thực hiện mục tiêu trong Chương trình này từ góc độ các đơn vị mua sắm sử dụng vốn Nhà nước.

2. Ảnh hưởng từ phạm vi rà soát tới kết quả nghiên cứu

Với phạm vi rà soát như đề cập ở trên, các kết quả rà soát có thể bị ảnh hưởng ở các mức độ khác nhau và vì vậy việc phân tích các thông tin từ rà soát cần chú ý tới các tác động này.

Thứ nhất là tác động từ nhóm hồ sơ được rà soát.

Rà soát chỉ thực hiện với 100 bộ hồ sơ mời thầu đấu thầu qua mạng, tức là chỉ bằng khoảng 1% trong tổng số hơn 13.000 bộ hồ sơ mời thầu của các gói thầu mua sắm hàng hóa được thực hiện qua mạng (hệ thống VNEPS - <http://muasamcong.mpi.gov.vn/>) trong khoảng 2016-2018.

Mặc dù vậy, 100 bộ hồ sơ mời thầu được rà soát này gần như là đã bao gồm toàn bộ các gói thầu mua sắm đồ gỗ văn phòng, trường học và gia dụng được lọc ra từ tất cả các gói thầu thực hiện qua VNEPS. Vì vậy mặc dù chỉ chiếm 1% tổng số, thông tin từ 100 bộ hồ sơ mời thầu này có thể phản ánh gần đầy đủ hiện trạng các hồ sơ mời thầu mua sắm gỗ và sản phẩm gỗ loại này thực hiện qua mạng.

Tuy nhiên, do hiện việc lựa chọn hồ sơ mời thầu nào thực hiện đấu thầu qua mạng hoàn toàn phụ thuộc vào ý chí của đơn vị mua sắm, không có tiêu chí nào (về loại sản phẩm, về giá trị mua sắm...), các thông tin có được từ rà soát các hồ sơ mời thầu qua mạng này không đại diện cho các hồ sơ mời thầu (với cùng loại sản phẩm) được thực hiện qua phương thức truyền thống (đấu thầu giấy, không qua mạng) vốn chiếm tỷ lệ đa số.

Thứ hai là tác động từ loại sản phẩm được rà soát.

Các sản phẩm được mua sắm trong các hồ sơ được lựa chọn chỉ bao gồm đồ gỗ văn phòng, trường học và gia dụng.

Trong phân loại các sản phẩm đồ gỗ, đây là nhóm sản phẩm phổ biến, chiếm một phần quan trọng trong tổng lượng sản phẩm gỗ được sản xuất và cung cấp thương mại. Mặc dù vậy, xét về giá trị, so với các sản phẩm gỗ khác (ví dụ gỗ làm vật liệu xây dựng như cửa, ván sàn, trần, cầu thang...), đồ gỗ văn phòng, trường học và gia dụng lại có giá trị tương đối nhỏ, mục đích sử dụng đơn giản, thời gian sử dụng không quá dài và đối tượng sử dụng tương đối bình dân (ví dụ học sinh, nhân viên văn phòng...).

Các yêu cầu trong các hồ sơ mời thầu về loại gỗ, xuất xứ gỗ nguyên liệu thường tương xứng với giá trị và chức năng sử dụng/phục vụ của sản phẩm và vì vậy suy đoán là không quá cao.

Do đó, các thông tin từ rà soát về các loại gỗ, xuất xứ gỗ trong các hồ sơ mời thầu được lựa chọn chỉ mang tính tham khảo, không thể phản ánh thực tiễn có tính đại diện cho xu hướng mua sắm gỗ và các sản phẩm gỗ nói chung trong đấu thầu công ở Việt Nam.

II.

Về các hồ sơ mời thầu được rà soát

100 bộ hồ sơ được rà soát có các đặc điểm về chủ thể mua sắm, phương thức mua sắm và sản phẩm mua sắm cụ thể như sau:

➤ 1. Về chủ thể mua sắm

Chủ thể mua sắm được hiểu là đơn vị đứng ra tổ chức đấu thầu mua sắm hàng hóa, dịch vụ. Trong pháp luật đấu thầu, nhóm này được gọi là bên mời thầu, chủ đầu tư hoặc đơn vị mua sắm.

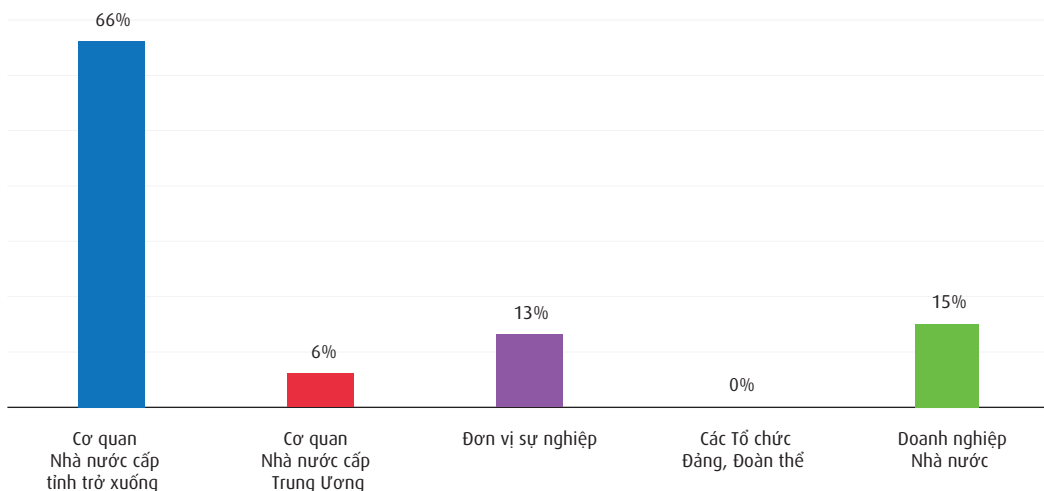
Trong số 100 hồ sơ mời thầu được rà soát, nhóm chủ thể mua sắm chiếm tỷ lệ lớn nhất là các cơ quan Nhà nước ở địa phương (66%), bao gồm các Sở ngành, các Ban quản lý Dự án, các đơn vị mua sắm tập trung của các cơ quan Nhà nước cấp tỉnh, các huyện, xã.... Phần lớn trong số này (42/66) là các cơ quan Nhà nước ở cấp huyện, xã và tương đương.

Nhóm doanh nghiệp Nhà nước chiếm 15% bộ hồ sơ mời thầu được rà soát, trong đó phần lớn là doanh nghiệp Nhà nước ở địa phương, 13/15 trường hợp hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực năng lượng điện (các công ty truyền tải điện, công ty điện lực tỉnh...).

Nhóm các đơn vị sự nghiệp trực tiếp mua sắm chiếm 13%. Nhóm đơn vị mua sắm là Bộ, cơ quan ngang Bộ chỉ chiếm 6% tổng số.

Ngoài 04 nhóm nêu trên, trong số 100 hồ sơ mời thầu được rà soát trong Nghiên cứu này không có chủ thể mua sắm nào khác. Do đó, hiện trạng mua sắm đồ gỗ của nhiều chủ thể mua sắm quan trọng khác (ví dụ các cơ quan Quốc hội, Chính phủ, các Văn phòng của các cơ quan này, Văn phòng Chủ tịch nước, các cơ quan Đảng, các tổ chức chính trị-xã hội (Đoàn thể) cấp trung ương và địa phương như Mặt trận Tổ quốc, Tổng liên đoàn lao động, Hội liên hiệp phụ nữ, Đoàn Thanh niên..., các đơn vị thuộc lực lượng vũ trang...) chưa được xem xét trong Nghiên cứu này.

Hình 1 - Các Chủ thể mua sắm trong các hồ sơ mời thầu được rà soát



Việc các cơ quan Nhà nước, đặc biệt là ở cấp địa phương, chiếm tỷ lệ đa số trong các gói thầu được rà soát cũng là bình thường. Về mặt hành chính, đây là nhóm có số lượng lớn nhất trong số các nhóm đối tượng thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật đấu thầu (mặc dù có thể không phải nhóm chiếm tỷ lệ lớn về giá trị mua sắm). Hơn nữa, đây cũng là nhóm suy đoán có nhu cầu cao nhất về các sản phẩm gỗ nội thất (bàn, ghế, tủ) phục vụ cho hoạt động thường xuyên tại trụ sở làm việc và phục vụ các dịch vụ công cung cấp bởi các đơn vị sự nghiệp của Nhà nước (đặc biệt là các cơ sở đào tạo, giáo dục). Kết quả rà soát, vì vậy, có thể phản ánh khá sát thực tiễn mua sắm gỗ và các sản phẩm gỗ của nhóm chủ thể này.

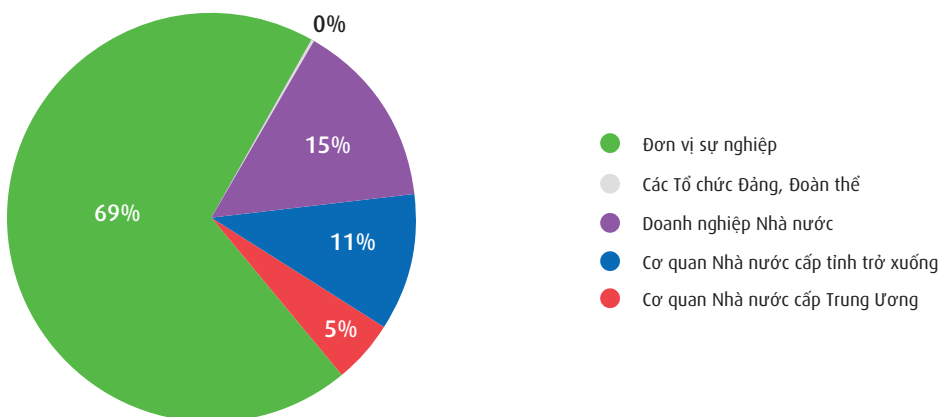
➤ 2. Về chủ thể thụ hưởng

Trong thực tiễn mua sắm công, không phải tất cả các đơn vị mua sắm đều tự mình thực hiện hoạt động đấu thầu mua sắm. Theo quy định về cơ chế về mua sắm tập trung, một đơn vị thực hiện đấu thầu có thể thực hiện mua sắm cho nhiều đơn vị khác trong mạng lưới. Trong các gói thầu theo cơ chế này, chủ thể mua sắm có thể không phải chủ thể trực tiếp sử dụng hàng hóa, dịch vụ được mua sắm (sau đây gọi chung là “chủ thể thụ hưởng”).

Thông tin về các chủ thể trực tiếp sử dụng hàng hóa, dịch vụ mua sắm có ý nghĩa nhất định ảnh hưởng tới lựa chọn loại, chất lượng, giá trị hàng hóa mua sắm. Do đó, trong rà soát này, ngoài việc xem xét chủ thể mua sắm, nhóm Nghiên cứu còn nhận diện cả các chủ thể sử dụng hàng hóa, dịch vụ (mà sau đây gọi chung là chủ thể thụ hưởng).

Nhìn từ góc độ chủ thể thụ hưởng, 69 trong số 100 bộ hồ sơ được rà soát là mua sắm cho các đơn vị sự nghiệp (giáo dục, văn hóa, bảo vệ môi trường...). Mua sắm phục vụ các cơ quan Nhà nước chỉ chiếm 16 trường hợp (11 cơ quan địa phương, 05 cơ quan trung ương). Mua sắm cho các doanh nghiệp Nhà nước là 15 trường hợp. Chỉ có 02 bộ hồ sơ là mua sắm cho các tổ chức Đoàn thể (nhà văn hóa của Liên đoàn lao động tỉnh, Hội nhà báo tỉnh).

Hình 2 - Các Chủ thể thụ hưởng trong các hồ sơ mời thầu được rà soát



Theo lĩnh vực hoạt động của các chủ thể thụ hưởng thì trong 100 bộ hồ sơ mời thầu có tới 62 trường hợp là mua sắm cho các đơn vị sự nghiệp giáo dục (trong đó gần 90% là mua sắm cho các trường từ mầm non tới trung học, đa phần là trường tiểu học).

Với mẫu rà soát như vậy, có thể thấy phần lớn các chủ thể mua sắm “thực” của 100 bộ hồ sơ mời thầu được rà soát thuộc nhóm suy đoán có ngân sách tương đối hạn chế (đơn vị cấp cơ sở), và có nhu cầu khá đơn giản đối với đồ gỗ mua sắm cả về giá trị và chất lượng (bàn ghế trường học). Trong một chừng mực nhất định, điều này đồng nghĩa với việc nguy cơ gỗ bất hợp pháp trong các gói thầu này có thể là thấp hơn so với thông thường (ít nhất là từ khía cạnh nguy cơ gỗ quý, khai thác bất hợp pháp – do các loại gỗ này thường được cho là có chất lượng tốt, giá thành cao).

3. Về hình thức mua sắm

Chiếm đa số trong 100 hồ sơ mời thầu được rà soát là các trường hợp mua sắm theo hình thức chào hàng cạnh tranh (64 hồ sơ, trong đó 45 hồ sơ là chào hàng cạnh tranh thông thường, 19 hồ sơ là chào hàng cạnh tranh rút gọn). Số còn lại (36 trường hợp) là mua sắm theo hình thức đấu thầu rộng rãi.

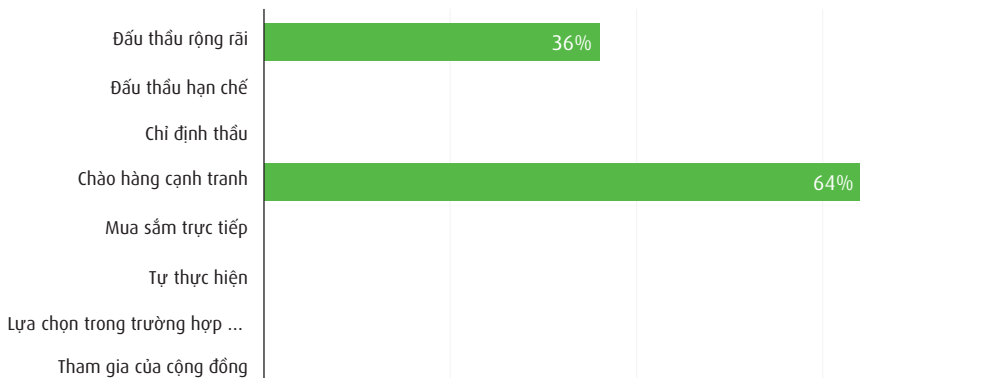
Theo quy định của pháp luật đấu thầu thì các gói thầu thực hiện theo hình thức chào hàng cạnh tranh (trong đó có cạnh tranh rút gọn) là các gói thầu đáp ứng các yêu cầu:

- Về giá trị: từ 05 tỷ đồng trở xuống (nếu là cạnh tranh rút gọn thì từ 01 tỷ đồng trở xuống);
- Về hàng hóa mua sắm: hàng hóa là loại thông dụng, có sẵn trên thị trường với đặc tính kỹ thuật được tiêu chuẩn hóa và tương đương nhau về chất lượng.

Như vậy phần lớn các hồ sơ mời thầu được rà soát (64%) thuộc nhóm mà pháp luật đấu thầu xếp vào diện mua sắm đơn giản, giá trị tương đối nhỏ, hàng hóa thông dụng. Hiện trạng này có lẽ xuất phát từ việc pháp luật đấu thầu (Thông tư liên tịch 07/2015/TTLT-BKHĐT-BTC) hiện mới chỉ quy định lộ trình thực hiện đấu thầu qua mạng với nhóm gói thầu quy mô nhỏ, đơn giản.

Tính chất này có thể ảnh hưởng nhất định tới kết quả rà soát, đặc biệt từ góc độ tính hợp pháp của sản phẩm gỗ. Cụ thể, với suy đoán rằng các sản phẩm gỗ thông dụng, giá trị nhỏ, sử dụng cho các mục đích thông thường sẽ khó có thể dùng nguyên liệu gỗ quý, đặc thù, dường như nguy cơ rủi ro gỗ bất hợp pháp từ góc độ này trong các hồ sơ mời thầu được rà soát cũng thấp hơn.

Hình 3 - Các Hình thức đấu thầu của các gói thầu được rà soát



➤ 4. Về các sản phẩm gỗ được mua sắm

Rà soát giới hạn ở các hồ sơ mua sắm đối với tất cả các sản phẩm đồ gỗ nội thất và ngoại thất ngoại trừ gỗ sử dụng trong xây dựng.

Trên thực tế, đối tượng mua sắm của 100 hồ sơ mời thầu được rà soát chỉ bao gồm một hoặc cả 02 nhóm sản phẩm là: (i) Đồ gỗ trường học như bàn, ghế, tủ/kệ/giá sách, đồ chơi học sinh, giường phục vụ học sinh nội trú... (61/100 bộ hồ sơ mời thầu); (ii) Đồ gỗ văn phòng như tủ, bàn, ghế văn phòng/hội trường/phòng họp/phòng máy, rèm cửa...(55/100 bộ hồ sơ mời thầu). Chỉ có 02 trường hợp có mua sắm một số sản phẩm khác (gỗ nguyên liệu để xẻ phục vụ xưởng quần khí; đồ thờ trong di tích văn hóa).

Thông thường mỗi bộ hồ sơ mời thầu đều bao gồm nhiều loại sản phẩm gỗ khác nhau, với các yêu cầu về loại gỗ, xuất xứ gỗ, chất lượng và cách thức xử lý gỗ đối với mỗi loại sản phẩm có thể không giống nhau.

III.

Kết quả rà soát

Trên cơ sở yêu cầu của VPA/FLEGT về tính hợp pháp của gỗ và thực tiễn các yếu tố có thể chứa thông tin về tính hợp pháp của gỗ và sản phẩm gỗ trong các hồ sơ mời thầu, rà soát được thực hiện trên 03 khía cạnh có thể cho thông tin về tính hợp pháp của gỗ của các hồ sơ mời thầu sau đây:

- *Các yêu cầu về loại gỗ nguyên liệu:* Thông tin về loại gỗ có thể phản ánh một phần tính hợp pháp của gỗ nguyên liệu (đặc biệt trong trường hợp các nhóm gỗ quý, bị hạn chế khai thác, sử dụng)
- *Các yêu cầu về xuất xứ của gỗ nguyên liệu:* Thông tin về xuất xứ gỗ có thể phản ánh một phần tính hợp pháp của gỗ nguyên liệu (nhất là trong trường hợp gỗ tự nhiên xuất phát từ các khu vực lãnh thổ có nguy cơ cao về khai thác gỗ bất hợp pháp)
- *Các yêu cầu đặc thù liên quan tới tính hợp pháp của sản phẩm gỗ:* Như đã đề cập trong Phần thứ nhất của Báo cáo này, pháp luật đấu thầu có các quy định bắt buộc liên quan tới tính hợp pháp của hàng hóa được mua sắm; đồng thời cũng có các quy định tùy nghi, cho phép bên mời thầu được đặt ra các yêu cầu khác đối với nhà thầu, trong đó có thể có các yêu cầu đối với tính hợp pháp của sản phẩm gỗ. Những thông tin về các yêu cầu “khác” này của bên mời thầu sẽ phản ánh tốt nhất mức độ quan tâm tự nguyện và chủ quan của bên mời thầu đối với vấn đề tính hợp pháp của sản phẩm gỗ ngoài các yêu cầu tối thiểu của pháp luật đấu thầu.

Sau đây là kết quả rà soát 100 bộ hồ sơ mời thầu được lựa chọn về từng khía cạnh trong các nội dung nêu trên.

Chú ý: Mỗi hồ sơ mời thầu có thể bao gồm nhiều sản phẩm gỗ, mỗi sản phẩm lại có yêu cầu riêng về loại gỗ, xuất xứ gỗ, yêu cầu đặc thù khác. Do đó, các số liệu thống kê trong kết quả rà soát này không phản ánh số lượng sản phẩm cụ thể mà chỉ tính theo các trường hợp liên quan (các yêu cầu cùng loại trong một hồ sơ mời thầu sẽ được tính là 01 trường hợp; một hồ sơ mời thầu có thể được tính là một hoặc nhiều trường hợp).

➤ 1. Về các yêu cầu đối với loại gỗ nguyên liệu

Trong tổng số 100 hồ sơ mời thầu được rà soát, hầu hết (97%) các hồ sơ mời thầu có yêu cầu về loại gỗ đối với toàn bộ hoặc một số các sản phẩm/nhóm sản phẩm gỗ mua sắm. Chỉ có 03 hồ sơ không nêu bất kỳ yêu cầu nào về loại gỗ.

Rõ ràng các bên mời thầu đặc biệt quan tâm tới vấn đề về loại gỗ. Trên thực tế, điều này không gây ngạc nhiên, bởi xét từ góc độ kỹ thuật, loại gỗ là yếu tố quyết định đáng kể tới chất lượng, giá trị của các sản phẩm gỗ. Trong các hồ sơ mời thầu, chất lượng và giá trị hàng hóa là hai trong ba vấn đề (gồm năng lực kinh nghiệm, kỹ thuật, giá) được quan tâm hàng đầu.

Tuy nhiên, nhìn sâu hơn, có thể thấy mức độ quan tâm tới loại gỗ trong các hồ sơ mời thầu là rất khác nhau. Thậm chí, mối quan tâm về loại gỗ giữa các sản phẩm gỗ trong cùng một hồ sơ mời thầu cũng khác nhau. Có những trường hợp nêu rõ tên loại gỗ, có những trường hợp nêu gỗ theo nhóm, nhiều trường hợp chỉ nêu gỗ tự nhiên/công nghiệp, cũng có trường hợp không nêu về loại gỗ.

Kết quả rà soát cho thấy có 85 trong số 100 hồ sơ được rà soát có yêu cầu về gỗ tự nhiên, cao hơn hẳn so với trường hợp yêu cầu gỗ công nghiệp (52 hồ sơ). *Điều này cho thấy các đơn vị mua sắm có xu hướng ưu tiên sản phẩm gỗ tự nhiên trong các gói thầu.*

Trong số các hồ sơ mời thầu có yêu cầu gỗ tự nhiên, 54 trường hợp có yêu cầu cụ thể về loại gỗ, trong đó phần lớn đều là các yêu cầu về loại gỗ thông thường thuộc nhóm IV (22 hồ sơ, chiếm 41%), gỗ nhóm III (16 hồ sơ, chiếm 30%) và gỗ nhóm V (10 hồ sơ, chiếm 18%). Mặc dù vậy, vẫn có một số ít yêu cầu gỗ quý nhóm I (5 hồ sơ, tương đương 9%) và gỗ nhóm II (01 hồ sơ, tương đương 2%).

Căn cứ vào bộ lọc của VPA về mức độ rủi ro theo loại gỗ, kết quả này cho thấy trong nhóm hồ sơ có yêu cầu về gỗ tự nhiên, có tới 11% hồ sơ có mức độ rủi ro cao về gỗ bất hợp pháp (do đòi hỏi gỗ nhóm I và II). Nếu xét trong toàn bộ 100 hồ sơ mời thầu thì tỷ lệ rủi ro cao theo loại gỗ là 6%. Mặc dù tỷ lệ rủi ro này có thể là không quá lớn, một tỷ lệ như vậy các loại gỗ có nguy cơ bất hợp pháp vẫn tồn tại trong mua sắm công (mua sắm bằng vốn Nhà nước, bởi Nhà nước) cũng là một điều đáng suy nghĩ.

Xét theo chủ thể mua sắm, các cơ quan Nhà nước cấp tỉnh là nhóm mua sắm gỗ quý lớn nhất, chiếm tất cả các hồ sơ có yêu cầu về gỗ nhóm I (05 hồ sơ). Mặc dù nếu xét theo chủ thể thụ hưởng thì số lượng các cơ quan Nhà nước thụ hưởng thực chỉ chiếm 60% trong số này, đây vẫn là nhóm chiếm đa số.

Điều này cho thấy *nhóm cơ quan Nhà nước cấp tỉnh có xu hướng sử dụng gỗ quý cao hơn hẳn các nhóm chủ thể mua sắm khác.*

Bảng – Liệt kê các trường hợp yêu cầu gỗ Nhóm I và II

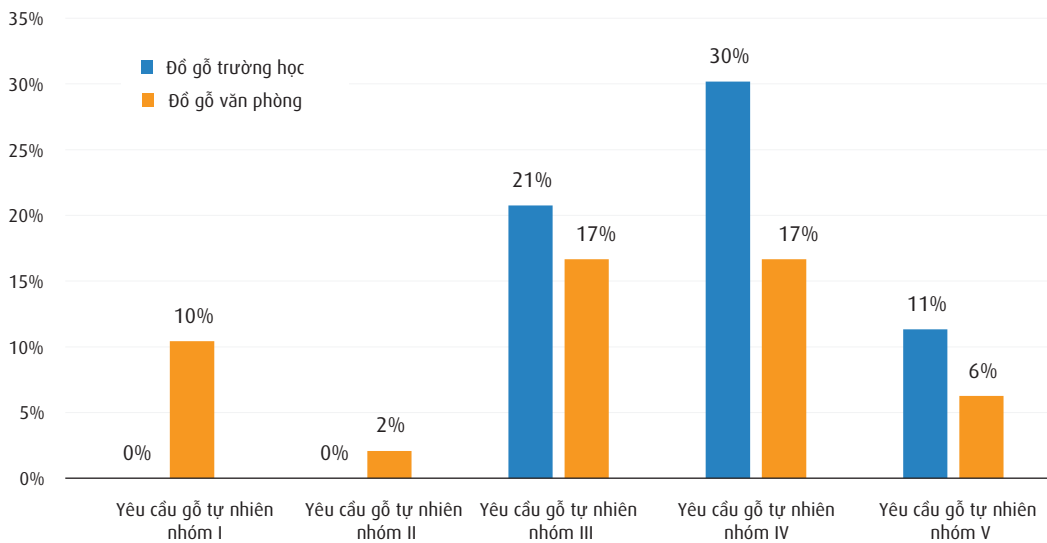
Nhóm gỗ	Loại gỗ	Sản phẩm gỗ	Chủ thể thụ hưởng
Nhóm I	Gỗ gụ	Tủ, tủ trà	Cục Thuế tỉnh
	Gỗ gụ, gỗ chò	Bàn ghế, bục hội trường; Bàn, ghế Giám đốc, Phó Giám đốc	Nhà văn hóa lao động tỉnh
	Gỗ gụ	Ghế hội trường	Cục Hải quan tỉnh
	Gỗ chò, gụ	Bục tượng Bác, bục phát biểu, bàn ghế hội trường; bàn, ghế, tủ phòng làm việc	Cục Thuế tỉnh
	Gỗ gụ	Bàn làm việc, tiếp khách của Hiệu trưởng	Trường tiểu học xã
Nhóm II	Gỗ nghiến	Ghế hội trường	Trung tâm cứu hộ động vật hoang dã tỉnh

Xét theo loại sản phẩm thì với các sản phẩm đồ gỗ trường học có xu hướng sử dụng gỗ tự nhiên nhiều hơn đồ gỗ văn phòng. Cụ thể, hơn 91% trường hợp đồ gỗ trường học yêu cầu gỗ tự nhiên, 41% yêu cầu gỗ công nghiệp; trong khi với đồ gỗ văn phòng các con số này lần lượt là hơn 87% và 65%.

Nhìn sâu hơn, mặc dù có nhu cầu sử dụng gỗ tự nhiên cao hơn, nhưng nhóm đồ gỗ trường học không có yêu cầu về gỗ quý nhóm I, II; 100% đều là gỗ thông thường thuộc các nhóm III, IV và V. Trong khi đó, nhóm đồ gỗ văn phòng chiếm toàn bộ các trường hợp yêu cầu gỗ tự nhiên nhóm I, II.

Đối với các trường hợp yêu cầu gỗ công nghiệp, nhóm đồ gỗ văn phòng sử dụng gỗ công nghiệp nhiều hơn so với nhóm đồ gỗ trường học, và trong đó có không ít yêu cầu về gỗ công nghiệp nhập khẩu.

Hình 4 - Yêu cầu về loại gỗ tự nhiên trong các hồ sơ mời thầu



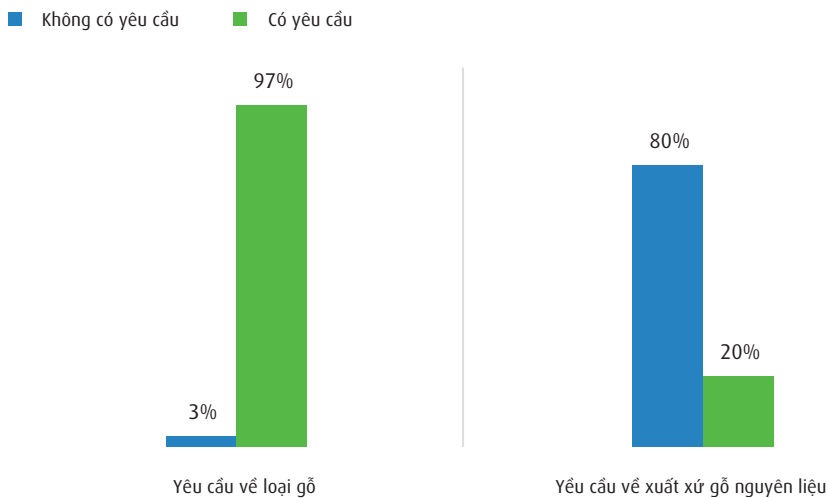
Tóm lại, kết quả rà soát cho thấy các trường hợp hồ sơ mời thầu yêu cầu gỗ quý hoặc có giá trị cao phần lớn đều là đồ gỗ văn phòng, đặc biệt khi phục vụ cho hoạt động của các cơ quan Nhà nước cấp tỉnh. Điều này cho thấy các thông điệp chính sách về sử dụng gỗ hợp pháp dường như chưa được chuyển tải tới các cơ quan này. Vì vậy, nhóm chủ thể này cần được xem là trọng tâm ưu tiên trong truyền thông về VPA/FLEGT cũng như trong cơ chế thực thi và kiểm soát hiệu quả thực hiện cam kết VPA/FLEGT trong mua sắm công đồ gỗ.

➤ 2. Về các yêu cầu đối với nguồn gốc xuất xứ của gỗ nguyên liệu

Rà soát 100 bộ hồ sơ mời thầu cho thấy các chủ thể mua sắm rất ít quan tâm tới vấn đề nguồn gốc xuất xứ gỗ (lãnh thổ nơi khai thác, sản xuất gỗ nguyên liệu). Điều này hoàn toàn trái ngược với mối quan tâm dành cho loại gỗ.

Cụ thể, có tới 80% hồ sơ mời thầu không có yêu cầu nào về *nguồn gốc xuất xứ* của gỗ nguyên liệu. Trong 20% hồ sơ có yêu cầu về xuất xứ gỗ, 3% là yêu cầu gỗ nội địa và 17% yêu cầu về gỗ nhập khẩu.

Hình 5- Mức độ quan tâm tới loại gỗ và xuất xứ gỗ nguyên liệu trong các hồ sơ mời thầu



Xét về nhóm gỗ, trong số 20 trường hợp này 35% là gỗ tự nhiên, 65% trường hợp còn lại đều là gỗ công nghiệp.

Từ đây, có thể thấy sự quan tâm tới xuất xứ gỗ thường xuất hiện trong các trường hợp yêu cầu gỗ công nghiệp nhập khẩu. Điều này có thể được lý giải một phần bởi thực tế gỗ công nghiệp thường rất đa dạng, và có thể có những loại gỗ công nghiệp mà một số nước nhất định có thể mạnh, và vì vậy với gỗ công nghiệp, xuất xứ có thể là yếu tố có ý nghĩa. Trong khi đó, với gỗ tự nhiên, xuất xứ gỗ thường ít ý nghĩa trong đánh giá chất lượng, giá trị gỗ (do gỗ tự nhiên cùng loại nhưng khác xuất xứ thường vẫn tương đồng về đặc tính kỹ thuật).

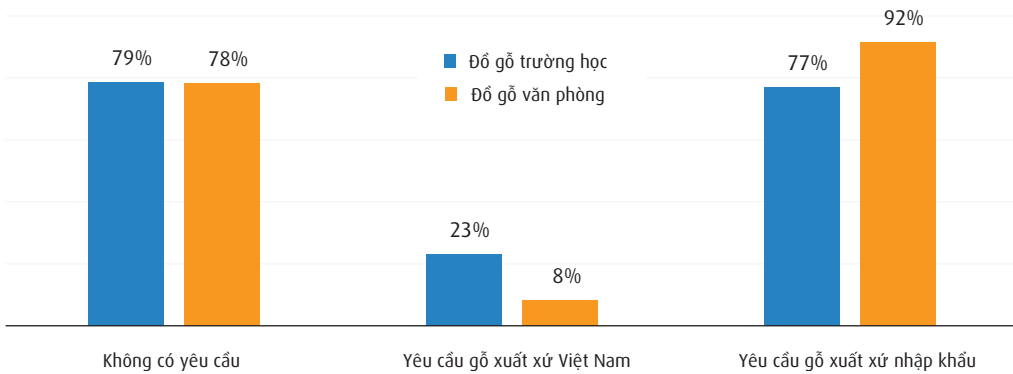
Như vậy, ngay cả trường hợp các hồ sơ mời thầu có quan tâm tới xuất xứ gỗ nguyên liệu thì dường như trọng tâm chú ý cũng vẫn là khía cạnh kỹ thuật của vấn đề, mà không phải là tính hợp pháp của gỗ (gỗ có xuất xứ từ các khu vực có nguy cơ cao về gỗ bất hợp pháp hay không).

Liên quan tới 07 trường hợp gỗ tự nhiên có yêu cầu về xuất xứ, ngoài 03 trường hợp yêu cầu gỗ xuất xứ Việt Nam, 04 trường hợp còn lại (yêu cầu gỗ xuất xứ nước ngoài) đều là yêu cầu gỗ sồi Nga, Mỹ. Gỗ nguyên liệu từ các nguồn cung này hiện được coi là có độ rủi ro pháp lý thấp nhất, bởi các quốc gia này có hệ thống luật pháp về lâm nghiệp rất chặt chẽ và cơ chế thực thi luật rất mạnh. Theo tiêu chí của bộ lọc rủi ro trong VPA/FLEGT theo nguồn cung gỗ, đây nhóm gỗ ít rủi ro.

Đối với các trường hợp khác (không có yêu cầu về xuất xứ hoặc có yêu cầu về xuất xứ với gỗ công nghiệp), không có đủ dữ liệu để đánh giá về mức độ rủi ro về nguồn gỗ theo bộ lọc của VPA.

Nếu xét về nhóm sản phẩm thì các số các trường hợp mua sắm đồ gỗ văn phòng có yêu cầu về gỗ nhập khẩu nhỉnh hơn một chút so với trường hợp đồ gỗ trường học (11 trường hợp so với 9 trường hợp). Điều này cũng hoàn toàn phù hợp với số liệu ở trên về việc nhóm đồ gỗ văn phòng thường có yêu cầu gỗ công nghiệp nhiều hơn đồ gỗ trường học (36 trường hợp so với 24 trường hợp).

Hình 6 - Yêu cầu về xuất xứ gỗ nguyên liệu trong các hồ sơ mời thầu



Tóm lại, các kết quả rà soát yêu cầu về xuất xứ gỗ cho thấy các hồ sơ mời thầu dành rất ít sự quan tâm tới xuất xứ gỗ, và nếu có quan tâm thì thường là từ góc độ kỹ thuật mà không phải từ góc độ tính hợp pháp của gỗ nguyên liệu.

3. Các yêu cầu đặc thù về tính hợp pháp của gỗ và các sản phẩm gỗ trong các hồ sơ mời thầu

Như đã đề cập trong Phần thứ nhất của Báo cáo, pháp luật đấu thầu hiện đã có một số quy định cứng về các yêu cầu bắt buộc phải có trong tất cả các hồ sơ mời thầu liên quan tới một số khía cạnh của tính hợp pháp của hàng hóa mua sắm (về xuất xứ, về bảo hiểm bảo hành, về bản quyền...). Do đây là yêu cầu bắt buộc của pháp luật (nêu rõ trong mẫu hồ sơ mời thầu), 100 bộ hồ sơ mời thầu được rà soát đều đưa ra các yêu cầu giống nhau (và giống quy định pháp luật).

Bên cạnh đó, pháp luật đấu thầu cũng có quy định cho phép các chủ thể mời thầu bổ sung thêm các yêu cầu tùy nghi phù hợp với hoàn cảnh, nhu cầu, mục đích cụ thể gói thầu vào hồ sơ mời thầu. Từ góc độ của Nghiên cứu này, chính các yêu cầu bổ sung mang tính đặc thù, khác biệt giữa các hồ sơ mời thầu được rà soát sẽ cho thông tin có ý nghĩa về mức độ quan tâm của bên mời thầu với vấn đề tính hợp pháp của gỗ và các sản phẩm gỗ được mua sắm.

Khảo sát 100 hồ sơ mời thầu cho thấy có một số lượng nhất định các hồ sơ mời thầu quan tâm tới một hoặc một số khía cạnh của tính hợp pháp của hàng hóa mua sắm công (thể hiện thông qua các yêu cầu đặc thù về việc hàng hóa phải tuân thủ một/một số quy định pháp luật nào đó). Phần lớn các trường hợp này là yêu cầu đối với sản phẩm gỗ thành phẩm (là đối tượng mua sắm), chỉ một số ít trường hợp là yêu cầu đối với gỗ nguyên liệu (gỗ sử dụng để chế biến ra sản phẩm gỗ được mua sắm).

3.1. Về mức độ quan tâm tới các yêu cầu đặc thù về tính hợp pháp của gỗ và các sản phẩm gỗ

Kết quả khảo sát cho thấy 77 trong số 100 hồ sơ mời thầu được rà soát (77%) không có bất kỳ yêu cầu đặc thù hay bổ sung nào có liên quan tới tính hợp pháp của gỗ và các sản phẩm gỗ được mua sắm ngoài các yêu cầu bắt buộc theo pháp luật đấu thầu. Điều này đồng nghĩa với việc phần lớn các bên mời thầu không sử dụng “quyền yêu cầu” mà pháp luật đấu thầu cho phép vào việc kiểm soát tính hợp pháp của gỗ và các sản phẩm gỗ được mua sắm. Nói cách khác, đa số bên mời thầu không có quan tâm đặc biệt nào về tính hợp pháp của sản phẩm gỗ mua sắm ngoài các yêu cầu tối thiểu theo pháp luật.

Thực tế này không bất ngờ bởi nhiều lý do:

- Thứ nhất, từ góc độ quy định, pháp luật đấu thầu cũng như các chính sách và thực tiễn đấu thầu công của Việt Nam chưa từng đề cập tới tính hợp pháp của hàng hóa (trong đó có gỗ và các sản phẩm gỗ) mua sắm công.

Cho tới nay, ở Việt Nam, pháp luật và chính sách về đấu thầu mới chỉ đề cập tới “mua sắm công xanh”, theo nghĩa “các đơn vị sử dụng ngân sách Nhà nước mua sắm các sản phẩm, dịch vụ có ít tác động tới môi trường trong suốt vòng đời sản phẩm so với những sản phẩm, dịch vụ có mục đích tương tự”⁸. Từ góc độ mục tiêu, chính sách “mua sắm công xanh” hướng tới mục tiêu thúc đẩy, ưu tiên việc mua sắm công các sản phẩm ít tác động tới môi trường. Điều này khác hoàn toàn với mục tiêu về tính hợp pháp của gỗ và các sản phẩm gỗ. Theo VPA, sản phẩm gỗ hợp pháp là sản phẩm được làm từ gỗ nguyên liệu được trồng, khai thác, chế biến và mua bán tuân thủ đầy đủ các quy định của các hệ thống pháp luật liên quan. Tính hợp pháp của sản phẩm được đánh giá trên cả ba khía cạnh kinh tế (ví dụ hoàn thành trách nhiệm về thuế, phí), môi trường (ví dụ sản phẩm được khai thác hợp pháp) và xã hội (ví dụ sản phẩm được hình thành bởi các công nhân có hợp đồng hợp pháp với chủ doanh nghiệp, trong điều kiện lao động an toàn). Từ góc độ vòng đời sản phẩm, “mua sắm công xanh” quan tâm tới tính năng (ở giai đoạn sử dụng) của sản phẩm, trong khi tính hợp pháp của gỗ và các sản phẩm gỗ lại tập trung vào sự tuân thủ pháp luật trong tất cả các khâu của chuỗi cung, từ khâu khai thác gỗ nguyên liệu cho đến thương mại sản phẩm cuối cùng.

8. <http://tapchimoitruong.vn/pages/article.aspx?item=Hi%E1%BB%87n-tr%E1%BA%A1ng-mua-s%E1%BA%AFm-c%C3%B4ng-xanh-t%E1%BA%A1i-Vi%E1%BB%87t-Nam-v%C3%A0-m%E1%BB%99t-s%E1%BB%91-%C4%91%E1%BB%81-xu%E1%BA%A5t-nh%E1%BA%B1m-th%C3%BAC-%C4%91%E1%BA%A5y-tri%E1%BB%83n-khai-38125>

Hành vi của các chủ thể mua sắm cơ bản được định hình từ các yêu cầu pháp luật và chính sách liên quan. Khi những quy định pháp luật và chính sách chưa đề cập tới vấn đề này, không khó để suy đoán rằng các chủ thể mua sắm cũng không quan tâm tới vấn đề này.

- Thứ hai, từ góc độ tuân thủ pháp luật, mối quan tâm hàng đầu của các chủ thể mua sắm là đáp ứng các yêu cầu cứng của pháp luật, các quy định tùy nghi ít được chú ý hơn. Thêm vào đó, việc bổ sung các yêu cầu đặc thù có thể có rủi ro nhất định về pháp lý (ví dụ rủi ro vi phạm quy định pháp luật nào khác mà bên mời thầu không thể nắm rõ). Do đó, trong đa số các trường hợp, nếu không thật cần thiết, các chủ thể mua sắm có xu hướng không đặt thêm các yêu cầu mới ngoài các yêu cầu bắt buộc của pháp luật đấu thầu.

Thực tế này khẳng định thêm Khuyến nghị tại Phần thứ nhất của Nghiên cứu này về việc cần thiết phải bổ sung quy định về yêu cầu bắt buộc liên quan tới tính hợp pháp của hàng hóa, dịch vụ mua sắm công vào pháp luật đấu thầu (thay vì xem đây là khoảng tùy nghi để các chủ thể mua sắm tự do bổ sung vào hồ sơ mời thầu trong từng trường hợp cụ thể).

Về 21 hồ sơ mời thầu có yêu cầu đặc thù về tính hợp pháp của gỗ và các sản phẩm gỗ, nhóm các yêu cầu tuân thủ pháp luật về tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa chiếm tỷ lệ lớn nhất (12 hồ sơ – tương đương 57%), tiếp theo là nhóm yêu cầu tuân thủ pháp luật về sở hữu trí tuệ (4 hồ sơ – tương đương 19%), nhóm yêu cầu tuân thủ pháp luật về chủ thể chiếm 10% (2 hồ sơ), nhóm yêu cầu tuân thủ các pháp luật khác là 19% (04 hồ sơ). Đáng chú ý có 4 hồ sơ, tương đương 19% có yêu cầu tuân thủ tất cả các quy định pháp luật liên quan tới sản phẩm gỗ, thể hiện gần như đầy đủ yêu cầu về tính hợp pháp đối với gỗ và sản phẩm gỗ theo VPA.

Sau đây là các phân tích cụ thể hơn về từng nhóm yêu cầu đặc thù liên quan tới tính hợp pháp của sản phẩm gỗ trong 21 hồ sơ mời thầu này.

3.2. Về các yêu cầu đặc thù cụ thể liên quan tới tính hợp pháp của gỗ và sản phẩm gỗ

3.2.1. Về các yêu cầu liên quan tới pháp luật tiêu chuẩn chất lượng

Trong số 21 hồ sơ mời thầu có yêu cầu đặc thù về tính hợp pháp của gỗ và các sản phẩm gỗ, nhóm các yêu cầu về việc tuân thủ pháp luật về tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa chiếm tỷ lệ lớn nhất (12 hồ sơ – tương đương 57%).

Nhìn sâu hơn, trong phần lớn các hồ sơ mời thầu có yêu cầu đặc thù loại này, nội dung các yêu cầu chủ yếu nhấn mạnh việc tuân thủ quy định về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật. Đây là các yêu cầu nhằm bảo đảm rằng hàng hóa có chất lượng phù hợp mà không phải là yêu cầu về việc tuân thủ toàn bộ các quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm hàng hóa.

Cần chú ý rằng pháp luật về chất lượng sản phẩm hàng hóa ngoài việc quy định về tiêu chuẩn, quy chuẩn cụ thể của hàng hóa còn có nhiều quy định khác liên quan tới khía cạnh chất lượng hàng hóa mà các chủ thể cung cấp hàng hóa tới người tiêu dùng phải tuân thủ. Cụ thể, pháp luật về chất lượng sản phẩm có các nhóm quy định lớn về (i) các quyền và trách nhiệm của nhà sản xuất, người bán hàng, nhà nhập khẩu....(ví dụ nghĩa vụ thông tin trung thực, nghĩa vụ cảnh báo, nghĩa vụ bồi thường thiệt hại); (ii) các quy trình, thủ tục liên quan tới chất lượng sản phẩm hàng hóa (ví dụ kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa nhập khẩu, kiểm định và đánh giá sự phù hợp, kiểm tra chất lượng, công bố tiêu chuẩn...)...

Kết quả một lần nữa cho thấy mối quan tâm hàng đầu của chủ thể mua sắm công là chất lượng của sản phẩm. Và việc yêu cầu tuân thủ pháp luật về tiêu chuẩn chất lượng (yêu cầu về tính hợp pháp của hàng hóa từ góc độ pháp luật về chất lượng sản phẩm) dường như chỉ là hệ quả gián tiếp từ mối quan tâm tới khía cạnh kỹ thuật nói trên.

Ví dụ về các yêu cầu đặc thù từ góc độ tiêu chuẩn chất lượng trong các hồ sơ mời thầu

- Hàng hóa đã đăng ký nhãn hiệu theo quy định hoặc đã được công bố tiêu chuẩn chất lượng theo quy định
- Hàng hoá phải tuân thủ các quy định về tiêu chuẩn hiện hành tại quốc gia hoặc vùng lãnh thổ mà hàng hóa có xuất xứ
- Có Giấy chứng nhận chất lượng (CQ) đối với các hàng hóa nhập khẩu, Giấy chứng nhận hợp chuẩn, hợp quy, phiếu kiểm định chất lượng hàng hóa đối với hàng hóa trong nước theo đúng quy định của Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa

Từ góc độ các chủ thể thụ hưởng, trong số các hồ sơ mời thầu có yêu cầu đặc thù thì nhóm các cơ quan Nhà nước ở trung ương tỏ ra quan tâm tới vấn đề tuân thủ pháp luật về chất lượng hàng hóa nhiều hơn so với các nhóm khác. Cụ thể, 100% các hồ sơ mời thầu có yêu cầu đặc thù của các cơ quan Nhà nước ở trung ương đề cập tới khía cạnh này, trong khi với các nhóm chủ thể khác (cơ quan Nhà nước ở địa phương, doanh nghiệp Nhà nước, đơn vị sự nghiệp..) mức này xấp xỉ khoảng 50%.

Rà soát cũng cho thấy không có sự khác biệt đáng kể giữa mức độ quan tâm về tuân thủ pháp luật chất lượng giữa nhóm hồ sơ mua sắm đồ gỗ văn phòng và đồ gỗ trường học.

3.2.2. Về các yêu cầu tuân thủ pháp luật thương mại

Pháp luật thương mại bao gồm nhiều chế định liên quan tới hoạt động giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ trên thị trường nội địa (như hợp đồng mua bán, phân phối, yêu cầu ghi nhãn hàng hóa, đóng gói, vận chuyển và giao hàng, trách nhiệm bảo hành, bảo hiểm đối với hàng hóa...).

Trong Phụ lục về định nghĩa gỗ hợp pháp, việc tuân thủ pháp luật thương mại cũng là một nội dung được VPA đề cập khá chi tiết. Cụ thể, VPA yêu cầu sản phẩm gỗ được coi là hợp pháp là sản phẩm tuân thủ toàn bộ các yêu cầu có liên quan đến pháp luật thương mại, như mua bán hợp pháp, đóng phí đầy đủ, sản phẩm được chế biến, vận chuyển... đúng quy định.

Trong số 100 hồ sơ mời thầu được rà soát, không có hồ sơ nào có yêu cầu đặc thù về việc tuân thủ pháp luật thương mại.

Trên thực tế, điều này không khó giải thích bởi khá nhiều các yêu cầu liên quan tới các khía cạnh của pháp luật thương mại đã nằm trong nhóm các yêu cầu kỹ thuật bắt buộc đối với hàng hóa trong các mẫu hồ sơ mời thầu (ví dụ về yêu cầu về Giấy xác nhận của nhà sản xuất, điều khoản hợp đồng mẫu về việc đóng gói, vận chuyển, giao hàng, điều khoản hợp đồng mẫu về trách nhiệm bảo hành bảo hiểm của nhà thầu...). Thậm chí trong so sánh với các nhóm yêu cầu khác thì các yêu cầu về “thương mại” đối với hàng hóa trong các hồ sơ mời thầu này chiếm phần đa số trong các yêu cầu về kỹ thuật đối với hàng hóa trong các Mẫu hồ sơ mời thầu. Do đó, dường như các chủ thể mua sắm không nhận thấy sự cần thiết phải bổ sung thêm yêu cầu đặc thù nào liên quan tới thương mại trong các hồ sơ mời thầu ngoài các yêu cầu đã có trong Mẫu.

III. Kết quả rà soát

Nhìn sâu hơn vào quy định pháp luật đấu thầu về khía cạnh này, có thể thấy các yêu cầu cứng theo các Mẫu hồ sơ mời thầu đều là các vấn đề kỹ thuật, được quyết định cụ thể theo thỏa thuận giữa bên mua sắm và nhà thầu trong từng gói thầu (ví dụ hàng hóa phải được sản xuất trong thời gian nào, mới hay cũ, đóng gói như thế nào, phải được vận chuyển ra sao, vào thời điểm nào, việc bàn giao hàng hóa phải được thực hiện ra sao, bảo hành đối với hàng hóa sau khi giao hàng cụ thể như thế nào...). Điều này hoàn toàn không liên quan tới việc gỗ và các sản phẩm gỗ có tuân thủ các quy định chung của pháp luật thương mại hay không (ví dụ gỗ nguyên liệu phải được đóng dấu kiểm lâm thế nào; nếu là gỗ quý nhóm I, II khi vận chuyển, chế biến cần đáp ứng các điều kiện gì; gỗ nguyên liệu thu gom để chế biến phải tuân thủ các yêu cầu nào...).

Xét một cách chặt chẽ thì pháp luật thương mại chủ yếu là các quy định tùy nghi/lựa chọn (cho phép các bên giao dịch tự quyết định, quy định pháp luật chỉ áp dụng khi các bên không có lựa chọn hay thỏa thuận nào khác), chỉ có một số ít quy định bắt buộc tuân thủ, chủ yếu là liên quan tới một số loại hàng hóa đặc thù, trong những bối cảnh đặc thù khi Nhà nước buộc phải can thiệp vào hoạt động thương mại để bình ổn thị trường, thực thi chính sách công nghiệp nội địa hoặc các chính sách tương tự (ví dụ các điều kiện bắt buộc đối với nhập khẩu ô tô, điều kiện về mạng lưới phân phối thép...). Do đó, vấn đề về tuân thủ pháp luật thương mại cũng không đặt ra quá nặng nề.

Mặc dù vậy, trong một chừng mực nhất định, gỗ nguyên liệu cũng có thể được xem là loại hàng hóa có chính sách đặc thù (ví dụ chính sách đóng cửa rừng, bảo vệ môi trường hay sắp tới đây là chính sách về gỗ hợp pháp nhằm thực thi VPA/FLEGT). Vì vậy, nếu chỉ xét riêng các hồ sơ mời thầu mua sắm gỗ và các sản phẩm gỗ, việc các chủ thể mua sắm hầu như không có yêu cầu đặc thù nào về việc tuân thủ pháp luật thương mại có thể là một khoảng trống pháp lý cần được xử lý.

3.2.3. Về các yêu cầu đặc thù liên quan tới pháp luật xuất nhập khẩu

Chỉ có 01 trường hợp có yêu cầu đặc thù liên quan tới pháp luật về xuất nhập khẩu (bất kỳ quy định pháp luật nào gắn với việc xuất, nhập khẩu hàng hóa qua cửa khẩu) theo đó hàng hóa khai báo trong các giấy tờ hải quan (danh mục đóng gói hàng hóa (Packing List), tờ khai hải quan, hóa đơn tài chính) phải đúng với miêu tả hàng hóa trong phần yêu cầu kỹ thuật của hồ sơ mời thầu.

Mục đích của yêu cầu này có lẽ là để bảo đảm hàng hóa là đối tượng của gói thầu khi nhập khẩu được ghi nhận chính xác trong các giấy tờ hải quan. Một mặt, điều này đồng nghĩa với việc yêu cầu rằng các sản phẩm gỗ liên quan được nhập khẩu đã được khai báo (và do đó suy đoán phù hợp với pháp luật hải quan về vấn đề khai báo). Mặt khác, yêu cầu này cũng nhằm phục vụ việc bảo đảm hàng hóa nhập khẩu đúng như miêu tả về kỹ thuật trong hợp đồng mua sắm công, tức là gắn với mối quan tâm đối với hàng hóa từ góc độ kỹ thuật của chủ thể mua sắm.

Ngoài việc yêu cầu các giấy tờ chứng minh cho việc khai báo hải quan như nói trên, không có trường hợp nào yêu cầu hàng hóa phải tuân thủ các quy định chung khác của pháp luật liên quan tới hoạt động xuất nhập khẩu (ví dụ kiểm dịch động thực vật, tiêu chuẩn kỹ thuật...).

3.2.4. Về các yêu cầu tuân thủ pháp luật sở hữu trí tuệ

Trong số 21 hồ sơ mời thầu có yêu cầu đặc thù về tính hợp pháp của gỗ và các sản phẩm gỗ, có 04 hồ sơ có yêu cầu đặc thù liên quan tới pháp luật về sở hữu trí tuệ (theo nghĩa pháp luật về các khía cạnh gắn các quyền sở hữu trí tuệ được bảo hộ như nhãn hiệu thương mại, bí mật thương mại, sáng chế, kiểu dáng công nghiệp...). Đáng chú ý là trong số 04 hồ sơ này thì 02 hồ sơ là các gói thầu của cùng chủ thể mua sắm (do đó có xu hướng sử dụng mẫu hồ sơ mời thầu tương tự nhau).

Từ đây có thể thấy dường như vấn đề về tuân thủ pháp luật về sở hữu trí tuệ rất ít được quan tâm trong các gói thầu mua sắm gỗ và các sản phẩm gỗ. Điều này có thể được giải thích bởi ít nhất hai lý do. Thứ nhất, các gỗ và các sản phẩm gỗ có một phần đáng kể (đặc biệt là các sản phẩm đồ gỗ trường học) không phải loại hàng hóa có sẵn trên thị trường mà chỉ được làm theo yêu cầu kỹ thuật cụ thể bởi nhà thầu sau khi trúng thầu, và vì thế ít gắn với các quyền sở hữu trí tuệ có sẵn trước đó (như nhãn mác, kiểu dáng công nghiệp, sáng chế...). Thứ hai, đối với các loại hàng hóa đồ gỗ văn phòng/trường học, pháp luật sở hữu trí tuệ chủ yếu là áp dụng cho các vấn đề về nhãn hiệu thương mại – mà khía cạnh này lại đã được nêu như là một yêu cầu bắt buộc có sẵn trong Mẫu hồ sơ mời thầu mà tất cả các chủ thể mua sắm phải tuân thủ.

Mặc dù số lượng hồ sơ mời thầu có yêu cầu đặc thù về việc hàng hóa phải tuân thủ pháp luật về sở hữu trí tuệ rất hạn chế, điều thú vị là trong số này có 01 yêu cầu có nội dung có khả năng bao quát gần như đầy đủ “tính hợp pháp về sở hữu trí tuệ” của sản phẩm.

Cụ thể, yêu cầu này được thể hiện trong hồ sơ mời thầu như sau: *“Nhà thầu phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về mọi thiệt hại phát sinh do việc khiếu nại của bên thứ ba về việc vi phạm bản quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến hàng hóa đã cung cấp”*.

Với nội dung như vậy, yêu cầu này đã bao trùm hết tất cả các vấn đề của pháp luật về sở hữu trí tuệ, qua đó cho phép chủ thể mua sắm ràng buộc trách nhiệm của nhà thầu phải bảo đảm gỗ và sản phẩm gỗ cung cấp (i) tuân thủ đầy đủ pháp luật sở hữu trí tuệ (chứ không chỉ trong khía cạnh nhãn mác hay kiểu dáng) và (ii) chịu trách nhiệm đến cùng đối với bất kỳ vi phạm nào liên quan tới pháp luật về sở hữu trí tuệ của hàng hóa cung cấp (chứ không chỉ là cho đến khi hoàn tất việc nghiệm thu hợp đồng).

Từ góc độ tính hợp pháp của gỗ và sản phẩm gỗ theo yêu cầu của VPA/FLEGT, đây rõ ràng là một ví dụ tốt (best practice) có thể làm mẫu cho các hồ sơ mời thầu liên quan tới vấn đề bảo đảm gỗ và các sản phẩm gỗ mua sắm công tuân thủ pháp luật về sở hữu trí tuệ nói riêng và pháp luật nói chung (chỉ đơn giản bằng cách thay thế cụm từ *“bản quyền sở hữu trí tuệ”* bằng cụm từ *“pháp luật về trồng và khai thác gỗ/pháp luật về nhập khẩu-xuất khẩu gỗ...”* hoặc rộng hơn, bằng cụm từ *“tất cả các quy định pháp luật liên quan tới gỗ nguyên liệu và sản phẩm gỗ”*).

3.2.5. Về các yêu cầu đặc thù liên quan tới các pháp luật áp dụng cho gỗ nguyên liệu

Trong số 21 hồ sơ mời thầu có yêu cầu đặc thù liên quan tới việc tuân thủ pháp luật, phần lớn đều là yêu cầu đối với sản phẩm gỗ thành phẩm (hàng hóa là đối tượng mua sắm), tuy nhiên có 04 hồ sơ mời thầu có yêu cầu riêng đối với tính hợp pháp đối với nguyên liệu (mà trong trường hợp này cụ thể là gỗ nguyên liệu).

Về nội dung, các hồ sơ này yêu cầu nhà thầu phải nêu rõ xuất xứ của nguyên liệu sản xuất ra sản phẩm (bàn, ghế...) và nguồn gốc vật tư, nguyên liệu phải là hợp pháp.

Đây là chi tiết rất đáng chú ý, và rất đáng ghi nhận ít nhất bởi hai lý do:

- Về mặt pháp luật, pháp luật đấu thầu chỉ yêu cầu về tính hợp lệ (đặc biệt là về xuất xứ) của hàng hóa, vật liệu, vật tư là đối tượng mua sắm mà không có bất kỳ yêu cầu nào về tính hợp lệ của nguyên vật liệu dùng để sản xuất ra đối tượng mua sắm đó⁹;
- Trên thực tế, trong các hồ sơ mời thầu mua sắm gỗ và các sản phẩm gỗ, mặc dù có sự chú ý nhiều hơn đến gỗ nguyên liệu sử dụng để sản xuất ra sản phẩm gỗ là đối tượng mua sắm, nhưng chủ yếu là dưới dạng các yêu cầu kỹ thuật về loại gỗ và nước xuất xứ của gỗ (thay vì tính hợp lệ/hợp pháp của gỗ nguyên liệu).

9. Trong định nghĩa “hàng hóa” theo pháp luật đấu thầu có xuất hiện khái niệm “vật liệu, vật tư”. Theo logic của định nghĩa này thì “vật liệu, vật tư” này là đối tượng mua sắm (“hàng hóa”) của các gói thầu, chứ không phải là “vật liệu, vật tư” sử dụng để sản xuất, chế biến ra sản phẩm hàng hóa là đối tượng mua sắm.

Nhận diện và tăng cường sự quan tâm về tính hợp pháp của gỗ nguyên liệu chính là mục tiêu cơ bản của Nghiên cứu này. Do đó, các hồ sơ này là những trường hợp rất đáng được chú ý và đánh giá cao từ góc độ VPA.

Mặc dù vậy, nhìn sâu hơn, đây cũng chưa hẳn là những ví dụ điển hình cho mối quan tâm tới gỗ nguyên liệu của bên mời thầu. Bởi trong các trường hợp này, bên mời thầu phần lớn chỉ là quan tâm tới vấn đề tính hợp pháp của vật tư, nguyên liệu dùng để sản xuất ra sản phẩm nói chung, với các yêu cầu được sử dụng như cụm từ chung trong hồ sơ mời thầu, mà không hẳn là mối quan tâm thực sự chủ đích hướng tới vấn đề tính hợp pháp của gỗ nguyên liệu.

Ví dụ về các yêu cầu đặc thù đối với gỗ nguyên liệu trong các hồ sơ mời thầu

- Vật liệu, vật tư sản xuất lắp đặt sử dụng trong việc thực hiện hợp đồng phải có nguồn gốc hợp lệ;
- Các loại vật liệu phải có chứng từ chứng minh nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, vật tư vật liệu trước khi đưa vào công trình phải được sự đồng ý phê duyệt của Chủ đầu tư bằng văn bản;
- Nhà thầu phải nêu rõ xuất xứ của nguyên liệu sản xuất bàn, ghế và nguồn gốc nguyên liệu hợp pháp.

3.2.6. Về các yêu cầu đặc thù liên quan tới việc tuân thủ pháp luật đối với chủ thể kinh doanh

Trong số 21 hồ sơ mời thầu có yêu cầu đặc thù về tính hợp pháp của hàng hóa, có 02 hồ sơ mời thầu yêu cầu nhà thầu cung ứng hàng hóa phải đáp ứng các điều kiện áp dụng với chủ thể để được phép kinh doanh loại hàng hóa/linh vực liên quan.

Cụ thể, một trong hai hồ sơ mời thầu có đối tượng mua sắm là đồ gỗ sử dụng cho trẻ mầm non (tủ đựng chăn màn, giá đựng đồ chơi), và có yêu cầu nhà thầu phải có các chứng chỉ về tiêu chuẩn quản lý chất lượng (ISO 9001:2008; ISO 14001:2010), tiêu chuẩn quản lý an toàn sức khỏe nghề nghiệp (OHSAS 18001:2007). Đây là những yêu cầu áp dụng với quá trình sản xuất của nhà sản xuất, không phải các yêu cầu về chất lượng áp dụng trực tiếp cho hàng hóa, nhưng lại có ảnh hưởng trực tiếp tới hàng hóa.

Hồ sơ còn lại là hồ sơ mời thầu dự án tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử, có yêu cầu nhà thầu phải có giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề thi công tu bổ di tích. Đây là loại giấy phép kinh doanh, sử dụng cho các ngành nghề lĩnh vực kinh doanh có điều kiện hoặc liên quan tới các sản phẩm, hàng hóa đặc thù (ví dụ trong trường hợp này là vật dụng, cơ sở vật chất bằng gỗ của di tích).

Trên thực tế, gỗ và các sản phẩm gỗ là các hàng hóa thông thường, ít khả năng ảnh hưởng đáng kể tới các lợi ích công cộng (tính mạng, sức khỏe người sử dụng, an toàn môi trường, giá trị văn hóa...), nhà sản xuất trong các trường hợp này chỉ cần tuân thủ quy định pháp luật doanh nghiệp chung (ví dụ có đăng ký kinh doanh, thành lập hợp pháp) là có thể tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh bình thường và sản phẩm gỗ sản xuất ra là hợp pháp từ góc độ này.

Tuy nhiên, trong một số trường hợp khi gỗ và các sản phẩm gỗ được sử dụng cho những mục đích đặc thù có thể ảnh hưởng tới các lợi ích công cộng (ví dụ như trong 02 hồ sơ mời thầu này), nhà sản xuất ngoài việc đáp ứng các yêu cầu pháp luật chung về chủ thể kinh doanh còn phải đáp ứng các điều kiện kinh doanh riêng. Về hình thức thì các điều kiện này liên quan tới chủ thể kinh doanh, nhưng về bản chất, việc tuân thủ các điều kiện này ảnh hưởng trực tiếp tới hàng hóa được tạo ra. Trong những trường hợp như vậy, hàng hóa không được coi là hợp pháp nếu được sản xuất, kinh doanh bởi chủ thể không đáp ứng điều kiện kinh doanh liên quan.

3.2.7. Về các yêu cầu đặc thù liên quan tới việc tuân thủ pháp luật nói chung

Trong số 21 hồ sơ mời thầu có yêu cầu đặc thù về tính hợp pháp của hàng hóa, có 04 hồ sơ mời thầu có yêu cầu hàng hóa phải bảo đảm tuân thủ các quy định pháp luật, chính sách nói chung có liên quan tới hàng hóa.

Sự xuất hiện “tự nguyện” của các yêu cầu về tính hợp pháp nói chung của hàng hóa trong các hồ sơ mời thầu này là rất đáng ghi nhận trong bối cảnh pháp luật đấu thầu không có yêu cầu bắt buộc nào về vấn đề này (ngoài quy định chung tại khoản 1 Điều 3 Luật Đấu thầu, theo đó “hoạt động đấu thầu phải tuân thủ pháp luật đấu thầu và pháp luật có liên quan” và quy định về tính hợp lệ của hàng hóa trong các Thông tư hướng dẫn).

Tuy nhiên, về nội dung, cách quy định/câu chữ sử dụng trong các hồ sơ mời thầu này có thể không thật chính xác hoặc bao trùm, ví dụ:

- Không nêu rõ “tất cả các quy định pháp luật liên quan” mà dùng thuật ngữ “chính sách (liên quan) của Nhà nước”, hoặc liệt kê mờ kiểu “chính sách của Nhà nước về thuế, môi trường...” ;

Cách quy định này vừa thiếu chuẩn xác (ví dụ: “chính sách” của Nhà nước không phải quy định bắt buộc tuân thủ như “pháp luật”), vừa không ít tính pháp lý (ví dụ cách liệt kê một vài hệ thống pháp luật, còn lại để dấu “...” không phải cách viết thích hợp trong một văn bản có giá trị pháp lý như hồ sơ mời thầu hay hợp đồng);

- Không quy định trực tiếp trách nhiệm của nhà thầu (trong việc bảo đảm hàng hóa tuân thủ các pháp luật này) mà quy định dưới dạng quyền từ chối của chủ đầu tư/bên mời thầu nếu hàng hóa không đáp ứng các quy định pháp luật, chính sách liên quan.

Cách quy định này vô hình chung đã tự giới hạn quyền của chủ đầu tư/bên mời thầu bởi nó chỉ đòi hỏi nhà sản xuất chịu trách nhiệm đối với tính hợp pháp của hàng hóa cho tới khi chủ đầu tư/bên mời thầu chấp nhận hàng hóa bàn giao, thay vì phải chịu trách nhiệm đối với toàn bộ vòng đời của sản phẩm.

Sự thiếu chặt chẽ của các quy định dạng này trong các hồ sơ mời thầu được rà soát dẫn tới gợi ý quan trọng về việc cần phải có một điều khoản mẫu thống nhất về tính hợp pháp của hàng hóa, dịch vụ mua sắm công (ví dụ trong các Mẫu hồ sơ mời thầu, các Điều khoản chung bắt buộc của Hợp đồng) thay vì để các chủ thể mua sắm tự quy định như hiện tại.

Về nguyên tắc, việc đưa vào Hồ sơ mời thầu yêu cầu “hàng hóa phải bảo đảm tuân thủ tất cả các quy định pháp luật liên quan” chính là yêu cầu thể hiện một cách tuyệt đối và đầy đủ nhất về “tính hợp pháp” của sản phẩm gỗ theo cách hiểu của VPA/FLEGT, cũng là cách thể hiện bao trùm nhất về “tính hợp pháp” của hàng hóa, dịch vụ mua sắm công.

Mặc dù vậy, nếu chỉ xét riêng từ góc độ gỗ và các sản phẩm gỗ thì cách quy định có tính bao trùm này có thể sẽ không cho phép nhấn mạnh yêu cầu về tính hợp pháp của gỗ nguyên liệu. Lý do là pháp luật liên quan tới hàng hóa có phạm vi rất rộng, trong đó nguyên liệu sản xuất ra hàng hóa thường chỉ là một phần, và thường là phần ít được chú ý hơn so với pháp luật về các khía cạnh khác của sản phẩm hàng hóa được mua sắm (xuất nhập khẩu, vận chuyển, giao hàng, sở hữu trí tuệ, bảo hành...). Trong khi việc đề xuất đưa một điều khoản riêng về yêu cầu đặc thù về tính hợp pháp của gỗ và các sản phẩm gỗ mua sắm công là không khả thi (bởi pháp luật đấu thầu hiện tại được thiết kế theo hướng áp dụng chung cho mọi loại hàng hóa, trừ dược phẩm), hoàn toàn có thể cân nhắc việc đưa vấn đề này vào giáo trình đào tạo chứng chỉ đấu thầu/các sổ tay hướng dẫn về đấu thầu công như là những khuyến nghị riêng cho chủ đầu tư/bên mua sắm trong trường hợp đối tượng mua sắm là gỗ và các sản phẩm gỗ.

Cách thức này cũng rất có ý nghĩa nếu biết rằng cả 04 hồ sơ này đều có các chủ thể mua sắm cùng địa phương. Suy đoán là các hồ sơ này được sử dụng chung mẫu thực tế (bên cạnh mẫu bắt buộc theo pháp luật đấu thầu) do một cán bộ nào đó chủ động soạn bổ sung. Như vậy nếu có hướng dẫn tốt, các cán bộ chịu trách nhiệm soạn thảo các hồ sơ mời thầu có nhận thức đầy đủ về vấn đề gỗ hợp pháp, các hồ sơ mà họ soạn không những bảo đảm yêu cầu về gỗ hợp pháp theo VPA mà còn có thể “lan tỏa” cho những trường hợp khác (nếu hồ sơ mà họ soạn được tham khảo, sử dụng bởi các cán bộ phụ trách đấu thầu của các đơn vị khác).

Ví dụ về yêu cầu tuân thủ tất cả các quy định pháp luật liên quan tới hàng hóa trong các hồ sơ mời thầu

- Bên mời thầu sẽ không chấp nhận các sản phẩm do nhà thầu cung cấp vi phạm các chính sách có liên quan do Nhà nước ban hành;
- Chủ đầu tư có quyền từ chối không chấp nhận sản phẩm vi phạm các chính sách có liên quan do Nhà nước ban hành như hải quan, thuế, môi trường...

IV.

Tiểu kết

1. Các thực tế cơ bản rút ra từ kết quả rà soát 100 hồ sơ mời thầu

Rà soát 100 hồ sơ mời thầu được thực hiện qua hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trong giai đoạn 2016-2018 có đối tượng mua sắm là gỗ và các sản phẩm gỗ nội thất, chủ yếu là đồ gỗ trường học và đồ gỗ văn phòng cho thấy:

- Hầu như tất cả (97%) các hồ sơ mời thầu mua sắm gỗ và các sản phẩm gỗ có yêu cầu về loại gỗ nguyên liệu sử dụng để tạo ra hàng hóa mua sắm. Mức độ chi tiết của yêu cầu về loại gỗ là khác nhau giữa các hồ sơ. Có 85 hồ sơ có sản phẩm yêu cầu gỗ tự nhiên, cao hơn hẳn so với trường hợp của gỗ công nghiệp (52 hồ sơ). Trong số các trường hợp yêu cầu gỗ tự nhiên, phần lớn đều là các yêu cầu về loại gỗ thông thường thuộc nhóm IV (41%), gỗ nhóm III (30%) và gỗ nhóm V (18%). Mặc dù vậy, vẫn có một số ít yêu cầu gỗ quý nhóm I (9%) và gỗ nhóm II (2%) mà phần lớn là mua sắm của cơ quan Nhà nước cấp tỉnh
- Phần lớn (80%) các hồ sơ mời thầu không yêu cầu cụ thể nguồn gốc xuất xứ của gỗ nguyên liệu. Trong số các trường hợp có yêu cầu về xuất xứ gỗ, đa phần (85%) yêu cầu gỗ nhập khẩu (hầu hết không nêu rõ nước xuất xứ). Xét về loại gỗ, 65% các trường hợp có yêu cầu về xuất xứ gỗ là gỗ công nghiệp.
- Về các yêu cầu liên quan tới tính hợp pháp của gỗ, phần lớn (77%) hồ sơ mời thầu không có bất kỳ yêu cầu đặc thù hay bổ sung nào có liên quan tới tính hợp pháp của gỗ và các sản phẩm gỗ được mua sắm ngoài các yêu cầu bắt buộc theo pháp luật đấu thầu.
- Chiếm số lượng lớn nhất là các hồ sơ yêu cầu tuân thủ pháp luật về tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa (12 hồ sơ – tương đương 57%), chủ yếu là yêu cầu bảo đảm tuân thủ tiêu chuẩn quy chuẩn hàng hóa theo pháp luật nơi hàng hóa có xuất xứ, thể hiện mối quan tâm chủ yếu là từ góc độ kỹ thuật;
- Không có hồ sơ nào có yêu cầu đặc thù về việc tuân thủ pháp luật thương mại ngoài các yêu cầu bắt buộc đã có trong các Mẫu hồ sơ mời thầu.
- Có 01 hồ sơ có yêu cầu đặc thù liên quan tới pháp luật về xuất nhập khẩu (hàng hóa khai báo hải quan phải đúng với miêu tả kỹ thuật và số lượng trong hợp đồng), thực chất là thể hiện mối quan tâm về kỹ thuật với hàng hóa;
- Có 04 hồ sơ có yêu cầu đặc thù liên quan tới pháp luật về sở hữu trí tuệ; mặc dù đa số chỉ đề cập tới việc tuân thủ quy định về nhãn hiệu sản phẩm – góc độ kỹ thuật của hàng hóa, vẫn có 01 hồ sơ thực sự quan tâm tới tính hợp pháp của hàng hóa từ góc độ pháp luật sở hữu trí tuệ, với yêu cầu *“Nhà thầu phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về mọi thiệt hại phát sinh do việc khiếu nại của bên thứ ba về việc vi phạm bản quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến hàng hóa đã cung cấp”*
- Có 02 hồ sơ mời thầu yêu cầu nhà thầu cung ứng hàng hóa phải đáp ứng các điều kiện đối với chủ thể để được kinh doanh loại sản phẩm đặc thù (đồ gỗ trưng tu di tích, đồ gỗ trường học sử dụng cho trẻ mầm non)
- Đặc biệt, có 04 hồ sơ có yêu cầu cụ thể về việc gỗ nguyên liệu phải bảo đảm tính hợp pháp – điều này cho thấy đã có những đơn vị mua sắm công quan tâm tới vấn đề tính hợp pháp của gỗ nguyên liệu chứ không chỉ quan tâm tới tính hợp pháp của hàng hóa (sản phẩm gỗ thành phẩm được mua sắm) – đây chính là mục tiêu trực tiếp của VPA/FLEGT

- Cuối cùng, đáng chú ý nhất là có 04 hồ sơ mời thầu (chiếm 19% số hồ sơ có yêu cầu đặc thù) có yêu cầu hàng hóa phải bảo đảm tuân thủ các quy định pháp luật, chính sách nói chung có liên quan tới hàng hóa.

Tóm lại, mặc dù phần lớn các hồ sơ mời thầu mua sắm gỗ và các sản phẩm gỗ được rà soát không dành sự chú ý đối với vấn đề tính hợp pháp đồ gỗ mua sắm công hay của gỗ nguyên liệu sử dụng để sản xuất các đồ gỗ đó, vẫn có một số nhỏ có quan tâm, thậm chí có thực tiễn tốt, có thể nhân rộng.

Trong số các 21 hồ sơ dạng có yêu cầu đặc thù, đa phần chỉ quan tâm tới một vài khía cạnh của tính hợp pháp (ví dụ hợp pháp về thương mại, hợp pháp về hải quan, hợp pháp về sở hữu trí tuệ...). Mặc dù vậy, vẫn có một vài điểm sáng quan tâm tới yêu cầu tuân thủ toàn bộ hệ thống pháp luật về hàng hóa (04 hồ sơ). Đặc biệt, đã xuất hiện những trường hợp có yêu cầu cụ thể về tính hợp pháp của gỗ nguyên liệu (04 hồ sơ).

➡ 2. Các gợi ý chính sách từ kết quả rà soát 100 hồ sơ mời thầu mua sắm gỗ và các sản phẩm gỗ qua mạng

Từ hiện trạng các hồ sơ mời thầu mua sắm đồ gỗ qua mạng và những điển hình thực tiễn tốt trong số này, Nhóm Nghiên cứu có một số gợi ý chính sách nhằm thúc đẩy sự quan tâm tới tính hợp pháp của hàng hóa, dịch vụ mua sắm công nói riêng và tính hợp pháp của gỗ nguyên liệu sử dụng trong chế biến gỗ và các sản phẩm gỗ mua sắm công như sau:

(i) Về pháp luật

Đề xuất điều chỉnh, bổ sung quy định tại các Thông tư hướng dẫn liên quan tới lập hồ sơ mời thầu như sau:

- Bổ sung quy định cứng về tính hợp pháp của hàng hóa, dịch vụ trong các Mẫu hồ sơ mời thầu (trong 02 nội dung: phần Chỉ dẫn nhà thầu và phần Điều kiện chung của hợp đồng)

Ví dụ: “Nhà thầu cam kết hàng hóa, dịch vụ tuân thủ đầy đủ quy định pháp luật liên quan và chịu trách nhiệm về mọi thiệt hại phát sinh do hàng hóa vi phạm pháp luật”

- Điều chỉnh các quy định lựa chọn (có tính hướng dẫn) về một số khía cạnh pháp luật cụ thể liên quan tới hàng hóa, dịch vụ hiện có trong các Mẫu hồ sơ mời thầu (phần về Điều kiện cụ thể của hợp đồng)

Ví dụ: Mục về “bản quyền” – Điều chỉnh theo hướng thay “bản quyền” bằng “quyền sở hữu trí tuệ” (do bản quyền không phải là thuật ngữ chính xác); về nội dung, điều chỉnh theo hướng nhà thầu phải chịu trách nhiệm đối với mọi thiệt hại phát sinh nếu hàng hóa vi phạm quyền sở hữu trí tuệ

- Căn nhắc bổ sung 01 mục trong các Mẫu hồ sơ mời thầu (phần về Điều kiện cụ thể của hợp đồng) về “*tính hợp pháp của nguyên, vật liệu sử dụng để sản xuất ra hàng hóa*”, với các gợi ý tương tự các mục khác (*Ví dụ:* Các giấy tờ chứng minh nguyên, vật liệu sử dụng là hợp pháp)

(ii) Về chính sách

- Đề xuất bổ sung vào giáo trình đào tạo, các Sổ tay hướng dẫn về đấu thầu công nội dung riêng liên quan tới mua sắm gỗ và sản phẩm gỗ, theo hướng:
 - Có nội dung riêng lưu ý người soạn hồ sơ mời thầu/hồ sơ yêu cầu... về yêu cầu đặc thù của pháp luật liên quan tới gỗ nguyên liệu
 - Có các gợi ý về các quy định/yêu cầu mẫu về vấn đề này cho người soạn thảo hồ sơ mua sắm
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Tổng cục Lâm nghiệp) phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Cục Quản lý đấu thầu), Bộ Tài chính và các đơn vị liên quan có các hoạt động tuyên truyền phổ biến nâng cao nhận thức về Mua sắm công Gỗ hợp pháp (ví dụ trong khuôn khổ các chính sách nhằm thực hiện Chỉ thị 08/CT-TTg ngày 23/2/2019¹⁰), đặc biệt với các trường hợp:
 - Đơn vị mua sắm và thụ hưởng là cơ quan Nhà nước cấp tỉnh
 - Đối tượng mua sắm là sản phẩm gỗ có nguyên liệu là gỗ tự nhiên, đặc biệt gỗ nhóm I-II
- Trong tương lai, hướng tới việc xây dựng Hướng dẫn về quy tắc ứng xử tự nguyện (Code of conduct) trong mua sắm công đối với Gỗ và các sản phẩm gỗ, trong đó chú trọng các nội dung:
 - Hướng dẫn về các loại gỗ nguyên liệu có nguy cơ cao
 - Hướng dẫn về các nguồn cung cấp gỗ nguyên liệu có nguy cơ cao
 - Hướng dẫn về phương thức đặt yêu cầu kỹ thuật liên quan tới gỗ nguyên liệu trong hồ sơ mời thầu, hợp đồng mua sắm gỗ và các sản phẩm gỗ
 - Hướng dẫn về phương thức kiểm soát việc tuân thủ của nhà thầu với các yêu cầu về gỗ hợp pháp, đặc biệt trong nghiệm thu sản phẩm và thanh lý hợp đồng.

10. Mục 2 Phần II Chỉ thị này giao nhiệm vụ cho Bộ Tài chính “Chủ trì, phối hợp với các Bộ ngành liên quan nghiên cứu ban hành chính sách mua sắm công theo hướng ưu tiên sử dụng đồ gỗ từ các sản phẩm gỗ rừng trồng có nguồn gốc trong nước, được sản xuất tại Việt Nam”

IV. Tiểu kết

3

PHẦN THỨ BA

Báo cáo Khảo sát một số doanh nghiệp - nhà thầu cung cấp gỗ và các sản phẩm gỗ qua thủ tục đấu thầu

Bên cạnh việc tuân thủ các quy định cứng của pháp luật đấu thầu (Phần thứ nhất của Báo cáo), các yêu cầu cụ thể tại các hồ sơ mời thầu (Phần thứ hai của Báo cáo), hoạt động đấu thầu mua sắm gỗ và các sản phẩm gỗ trên thực tế còn có những thông lệ, thực tế phong phú tùy thuộc vào mong muốn, hành động của đơn vị mời thầu cũng như ý thức, năng lực của nhà thầu (nhà cung cấp gỗ, sản phẩm gỗ cho các gói thầu).

Hợp phần 3 của Nghiên cứu này bao gồm một khảo sát quy mô nhỏ. Khảo sát sử dụng Bảng hỏi, được gửi qua đường thư tín và thư điện tử (email). Đối tượng khảo sát là các doanh nghiệp đã từng cung cấp gỗ và các sản phẩm gỗ cho các đơn vị sử dụng vốn Nhà nước qua các hợp đồng mua sắm công. Trên cơ sở phản hồi của doanh nghiệp, nhóm Nghiên cứu thực hiện phỏng vấn sâu với một số doanh nghiệp. Phỏng vấn sâu giúp thu thập các thông tin chủ yếu về định tính, không được thu thập qua điều tra sử dụng bảng hỏi, ví dụ về các nguồn gỗ nguyên liệu mà doanh nghiệp sử dụng, tính pháp lý của các nguồn gỗ này, các yêu cầu về tính pháp lý của gỗ cũng như thuận lợi và khó khăn của doanh nghiệp trong việc thực hiện các hợp đồng mua sắm công này.

Phần thứ ba của Báo cáo trình bày kết quả thu được từ khảo sát và phỏng vấn sâu trong Hợp phần 3 này. Phần này sẽ cho thông tin về thực tế hoạt động mua sắm công từ góc độ của doanh nghiệp cung cấp gỗ và sản phẩm gỗ. Cùng với các thông tin trong Phần thứ nhất và thứ hai của Báo cáo, thông tin từ Phần thứ ba này sẽ là cơ sở để đưa ra các đề xuất về các cơ chế, chính sách phù hợp hơn, nhằm bảo đảm gỗ và các sản phẩm gỗ cung cấp trong các hợp đồng mua sắm công là hợp pháp.

I.

Phạm vi khảo sát và các tác động tới kết quả khảo sát

1. Mẫu khảo sát

Khảo sát được thực hiện ở quy mô nhỏ, với các doanh nghiệp/chủ thể kinh doanh (sau đây gọi chung là doanh nghiệp) đã từng cung cấp gỗ và các sản phẩm gỗ cho các đơn vị sử dụng vốn Nhà nước từ 02 nguồn chủ yếu: (i) Các Hiệp hội Gỗ (VIFORES và FPA Bình Định); (ii) Danh sách các nhà thầu trúng thầu các gói thầu mua sắm gỗ và các sản phẩm gỗ được rà soát trong Hợp phần 2 của Nghiên cứu này. Tổng số các doanh nghiệp được xác định là 133.

Nhóm Nghiên cứu gửi Phiếu khảo sát tới tất cả 133 doanh nghiệp này. Có 33 doanh nghiệp phản hồi phiếu khảo sát (chiếm 25% trong tổng mẫu khảo sát).

Có tới 58% các Phiếu khảo sát phản hồi được trả lời bởi các cán bộ có chức danh lãnh đạo doanh nghiệp (Giám đốc/Tổng Giám đốc, Thành viên Hội đồng quản trị, Kế toán trưởng, Trưởng phòng). 22% các Phiếu phản hồi được trả lời bởi Kế toán của doanh nghiệp. Như vậy, phần lớn Phiếu khảo sát (80%) được trả lời bởi các cá nhân có vị trí có trách nhiệm và nắm khá sát tình hình kinh doanh cũng như các hợp đồng của doanh nghiệp.

Do số lượng doanh nghiệp phản hồi trong khảo sát nhỏ, thông tin thu thập không đại diện cho hiện trạng các hoạt động đấu thầu mua sắm gỗ và các sản phẩm gỗ ở Việt Nam. Mặc dù vậy, đây là nguồn thông tin tham khảo rất hữu ích, lần đầu tiên hé mở bức tranh thực tế của thị trường mua sắm công đồ gỗ ở Việt Nam.

2. Giai đoạn khảo sát

Khảo sát không giới hạn về khung thời gian của các hợp đồng mua sắm công gỗ và các sản phẩm gỗ. Cụ thể, khảo sát thu thập thông tin về tất cả các hợp đồng cung cấp gỗ và các sản phẩm gỗ cho các đơn vị sử dụng vốn Nhà nước mà doanh nghiệp đã và/hoặc đang thực hiện, không giới hạn các hợp đồng ở thời gian nào.

Việc không giới hạn giai đoạn khảo sát cho phép tiếp nhận thông tin về bất kỳ hợp đồng nào liên quan mà doanh nghiệp từng thực hiện, do đó thực tiễn thu nhận sẽ phong phú hơn. Mặc dù vậy, điều này có thể ảnh hưởng nhất định tới kết quả khảo sát, ví dụ (i) hợp đồng đã thực hiện quá lâu trước thời điểm khảo sát, doanh nghiệp có thể không nhớ chính xác về thực tế thực hiện chúng; (ii) có thể có những hợp đồng thực hiện theo hệ thống quy định pháp luật đấu thầu cũ, không phản ánh thực tế hiện nay.

Để đánh giá mức độ và hạn chế nguy cơ nói trên, Phiếu khảo sát có 01 câu hỏi về số lượng các hợp đồng thực hiện gần đây (trong 03 năm 2016-2018) trong tổng số các hợp đồng của doanh nghiệp. Kết quả thu được từ câu hỏi này cho thấy 100% doanh nghiệp có hợp đồng trong khoảng thời gian 2016-2018, hơn nữa số doanh nghiệp có đa số hợp đồng thực hiện trong thời gian này, 24% chỉ có các hợp đồng thực hiện từ 2016 trở lại đây.

3. Phạm vi các nội dung khảo sát

Phiếu Khảo sát bao gồm 03 phần, gồm:

- *Phần Thông tin chung:* Phần này bao gồm các câu hỏi về quy mô và nguồn gốc vốn, năng lực chuyên môn, doanh thu, lao động. Thông tin từ phần này cho phép nhận diện doanh nghiệp tham gia khảo sát
- *Phần Tình hình cung cấp các sản phẩm gỗ cho các Đơn vị sử dụng vốn Nhà nước:* Đây là phần cốt lõi của Khảo sát, với các câu hỏi tìm kiếm thông tin về thực tiễn các hợp đồng đã thực hiện, đặc biệt từ các khía cạnh liên quan tới tính hợp pháp của gỗ nguyên liệu sử dụng trong các hợp đồng này
- *Phần Hiểu biết của doanh nghiệp về yêu cầu gỗ hợp pháp trong VPA/FLEGT:* Phần bao gồm các câu hỏi về hiện trạng nhận thức/hiểu biết của doanh nghiệp về yêu cầu gỗ hợp pháp trong VPA/FLEGT. Thông tin từ Phần này giúp xây dựng các đề xuất liên quan tới việc phổ biến tuyên truyền các cam kết về gỗ hợp pháp của Hiệp định này.

Trong nhóm nói trên, phần thông tin về tình hình cung cấp các sản phẩm gỗ cho các Đơn vị sử dụng vốn Nhà nước là phần lớn nhất, cũng là trọng tâm tìm kiếm thông tin cho Nghiên cứu này.

Phần này bao gồm các nhóm câu hỏi về các khía cạnh thực tiễn của các hợp đồng cung cấp gỗ cho các đơn vị sử dụng vốn Nhà nước mà doanh nghiệp đã thực hiện, tập trung vào vấn đề tính hợp pháp của gỗ nguyên liệu, đặc biệt xung quanh các khía cạnh sau:

- *Các đặc điểm của hợp đồng:* Cách thức doanh nghiệp tiếp cận các hợp đồng, giá trị trung bình của các hợp đồng, loại sản phẩm cung cấp
- *Về thực tế gỗ nguyên liệu sử dụng:* nguồn cung gỗ, loại gỗ, xuất xứ gỗ, ý tưởng về gỗ nguyên liệu, nhận biết của doanh nghiệp về gỗ nguyên liệu
- *Về tính hợp pháp của gỗ nguyên liệu:* các yêu cầu về tính hợp pháp, bằng chứng chứng minh tính hợp pháp, kiểm tra tính hợp pháp của gỗ nguyên liệu

II.

Về các doanh nghiệp tham gia Khảo sát

➤ 1. Về nguồn gốc vốn sở hữu

Tất cả 33 doanh nghiệp tham gia Khảo sát đều là các doanh nghiệp 100% vốn tư nhân nội địa. Như vậy, không doanh nghiệp Nhà nước, doanh nghiệp FDI hay doanh nghiệp vốn hỗn hợp nào tham gia Khảo sát này.

Về logic, điều này cũng dễ hiểu bởi danh sách các doanh nghiệp trong mẫu khảo sát chủ yếu được cung cấp từ 02 Hiệp hội Gỗ, với các thành viên phần lớn là các doanh nghiệp dân doanh nội địa (do pháp luật hiện chưa cho phép các doanh nghiệp FDI làm thành viên chính thức của các Hiệp hội doanh nghiệp Việt Nam). Hơn nữa, trong lĩnh vực sản xuất chế biến gỗ, doanh nghiệp dân doanh (doanh nghiệp tư nhân vốn nội địa) chiếm tới 95%¹¹.

Tuy nhiên, con số tuyệt đối 100% các doanh nghiệp trả lời Khảo sát này là dân doanh nội địa cũng có thể đang phản ánh một thực tế đáng chú ý: So với các loại hình doanh nghiệp khác, dường như các doanh nghiệp dân doanh dễ tiếp cận thị trường mua sắm công hơn.

➤ 2. Về các chứng chỉ sẵn có của doanh nghiệp

Về mặt pháp lý, kinh doanh chế biến gỗ không phải ngành nghề kinh doanh có điều kiện. Các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực này không phải xin giấy phép đủ điều kiện kinh doanh hay phải đáp ứng các điều kiện, chứng chỉ bắt buộc nào. Mặc dù vậy, để nâng cao sức cạnh tranh, tạo dựng uy tín, gây dựng lòng tin cho khách hàng, nhiều doanh nghiệp đã tự nguyện thực hiện quy trình, điều kiện để có được một số chứng chỉ quan trọng liên quan.

Khảo sát đã hỏi các doanh nghiệp về một số loại chứng chỉ cơ bản, phổ biến trong lĩnh vực sản xuất chế biến gỗ sau đây:

- *Chứng chỉ ISO 9001/2008 (và các phiên bản liên quan) về Hệ thống quản lý chất lượng:* Đây là chứng chỉ do Tổ chức tiêu chuẩn hóa quốc tế (ISO) ban hành, áp dụng cho doanh nghiệp ở tất cả các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, không phân biệt quy mô, hoạt động;
- *Chứng chỉ FSC FM/COC về Quản lý rừng bền vững và bảo đảm gỗ hợp pháp:* Đây là các chứng chỉ do Tổ chức FSC (Forest Stewardship Council - một tổ chức quốc tế phi chính phủ, phi lợi nhuận) xây dựng, áp dụng chuyên biệt cho chủ thể kinh doanh ngành gỗ, xác nhận gỗ nguyên liệu là hợp pháp, tuân thủ các yêu cầu về quản lý rừng bền vững (cả từ góc độ môi trường và xã hội);
 - FSC FM (Forest management certification) là Chứng nhận quản lý rừng bền vững, dành cho các đơn vị trồng và khai thác rừng;
 - FSC CoC (Chain of custody Certification) là Chứng nhận chuỗi hành trình sản phẩm, dành cho các đơn vị chế biến các sản phẩm từ rừng.

11. Thông tin trong Báo cáo của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn tại Diễn đàn ngành công nghiệp chế biến gỗ, làm sản ngày 22/2/2019

II. Về các doanh nghiệp tham gia Khảo sát

- **Chứng chỉ BSCI (Business Social Compliance Initiative) về Tuân thủ trách nhiệm xã hội trong kinh doanh:** Đây là Bộ quy tắc ứng xử của Hiệp hội Ngoại thương (FTA) châu Âu, áp dụng cho doanh nghiệp ở tất cả các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, không phân biệt quy mô, hoạt động
- **Chứng chỉ SA8000 về Trách nhiệm giải trình xã hội về các điều kiện làm việc cho người lao động:** Đây là chứng chỉ do Tổ chức Social Accountability International (SAI) phát triển và giám sát, áp dụng không chỉ cho doanh nghiệp mà cho tất cả các đơn vị có sử dụng lao động;
- Các chứng chỉ khác mà doanh nghiệp có.

Việc doanh nghiệp sở hữu các chứng chỉ này, đặc biệt là chứng chỉ FSC, có thể là bằng chứng cho thấy doanh nghiệp đã tuân thủ một số yêu cầu nhất định về gỗ hợp pháp trong hoạt động kinh doanh nói chung.

Trong số 33 doanh nghiệp phản hồi, có tới 17 doanh nghiệp (chiếm 52%) không có bất kỳ chứng chỉ nào (kể cả 04 chứng chỉ cụ thể được liệt kê và các chứng chỉ khác không được liệt kê). Như vậy, với các doanh nghiệp này, nếu hợp đồng mua sắm sản phẩm gỗ không có yêu cầu về gỗ hợp pháp thì không có gì chắc chắn là doanh nghiệp sẽ chủ động tự bảo đảm gỗ hợp pháp. Từ đây, có thể thấy với đa số các trường hợp, thay vì trông cậy vào khả năng bảo đảm gỗ hợp pháp một cách tự động từ doanh nghiệp, cần thiết phải đặt ra các yêu cầu cụ thể về gỗ hợp pháp trong các hồ sơ mời thầu.

Trong số 16 doanh nghiệp có chứng chỉ, 7 doanh nghiệp có 02 chứng chỉ, còn lại chỉ có một chứng chỉ duy nhất.

- Loại chứng chỉ phổ biến nhất mà nhóm doanh nghiệp tham gia Khảo sát có là ISO 9001/2008 và các phiên bản liên quan (13 doanh nghiệp, tương đương 39%). Với nội dung bao gồm các nguyên tắc hướng tới chất lượng quản lý trong nội bộ doanh nghiệp (về các khía cạnh như: hướng tới khách hàng, quan hệ với nhà cung ứng, trách nhiệm của lãnh đạo, sự tham gia của các thành viên, tính hệ thống, tính quy trình, quá trình ra quyết định...), ISO 9001/2008 cho thông tin về hiệu quả tổ chức của doanh nghiệp, qua đó có thể thể hiện một phần tính chuyên nghiệp năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp. Đây là một trong những yếu tố có ý nghĩa trong đánh giá lựa chọn nhà thầu theo pháp luật cũng như thực tiễn đấu thầu. Tuy nhiên, việc sở hữu chứng chỉ này không đảm bảo rằng doanh nghiệp cung các sản phẩm gỗ hợp pháp trong các hợp đồng gỗ mà họ cung cấp.
- Không có doanh nghiệp nào có chứng chỉ BSCI và SA8000, các chứng chỉ chứng minh khả năng đáp ứng các yêu cầu về điều kiện lao động cũng như các quyền của người lao động. Trong khi đó, đây vẫn là khá quan trọng trong ngành chế biến gỗ (với các điều kiện lao động tương đối đặc thù, nguy cơ rủi ro về an toàn sức khỏe khá cao, sản xuất có yếu tố mùa vụ...) và là một trong những thành tố của tính hợp pháp gỗ. Như vậy, với các doanh nghiệp này, tính hợp pháp của gỗ từ góc độ xã hội theo đòi hỏi của VPA/FLEGT chưa phải là vấn đề được quan tâm.
- Liên quan tới các chứng chỉ gắn trực tiếp tới gỗ hợp pháp, trong số 33 doanh nghiệp phản hồi Khảo sát, chỉ có 01 doanh nghiệp có chứng chỉ FSC, không có doanh nghiệp nào có chứng chỉ nào khác về gỗ hợp pháp. Đáng chú ý, doanh nghiệp có chứng chỉ FSC này cũng là doanh nghiệp duy nhất có tỷ trọng doanh thu từ xuất khẩu gỗ chiếm 90% tổng doanh thu từ gỗ. Tất cả các doanh nghiệp còn lại, mà phần lớn là doanh nghiệp chủ trọng bán hàng trong nội địa, thậm chí chỉ bán hàng trong nội địa, không có chứng chỉ này. Từ đây có thể suy đoán rằng việc doanh nghiệp có chứng chỉ FSC có lý do phần nhiều là bởi khách hàng quốc tế có yêu cầu về chứng chỉ này.

- Đáng chú ý là có 06 doanh nghiệp (chiếm 18% các doanh nghiệp phản hồi) có chứng chỉ ISO 14001 ở các phiên bản khác nhau. Với tính chất là chứng chỉ về hệ thống quản lý môi trường trong các tổ chức, đòi hỏi doanh nghiệp có hệ thống quản lý giảm bớt các ảnh hưởng có hại tới môi trường trong sản xuất kinh doanh, cải tiến liên tục trong quản lý môi trường, ISO 14001 có thể cho một phần thông tin về ý thức và nỗ lực của doanh nghiệp trong thực hiện gỗ hợp pháp (với tính chất là một cách thức nhằm bảo vệ môi trường). Tuy nhiên, ISO 14001 không cho thông tin trực tiếp và chính xác về mức độ thực hiện gỗ hợp pháp của doanh nghiệp có chứng chỉ.

Từ thực tế nói trên, có thể thấy ít nhất là với nhóm doanh nghiệp được khảo sát, chưa có cơ sở nào để cho rằng doanh nghiệp đã và đang duy trì hệ thống kiểm soát chặt chẽ và có thể bảo đảm gỗ hợp pháp ngay cả khi không được bên mời thầu yêu cầu về vấn đề này. Do đó, việc bên mời thầu chủ động đặt ra yêu cầu về gỗ hợp pháp trong hồ sơ mời thầu và/hoặc trong hợp đồng là cần thiết.

3. Về quy mô của doanh nghiệp

Nếu xét theo tiêu chí của Nghị định 39/2018/NĐ-CP (hướng dẫn Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa) và nếu chỉ xét trong mảng kinh doanh gỗ, 75% doanh nghiệp tham gia khảo sát là doanh nghiệp nhỏ¹², 7% là doanh nghiệp siêu nhỏ¹³, 7% là doanh nghiệp vừa¹⁴, còn lại 11% là doanh nghiệp lớn¹⁵. Tuy nhiên, nếu nhìn chi tiết hơn, ở nhóm chiếm đa số (nhóm doanh nghiệp nhỏ) có tới 14/21 (67%) doanh nghiệp “nhỏ” nằm ở tốp dưới của nhóm, gần với mức “siêu nhỏ”.

Tất nhiên, cách xếp nhóm này chỉ mang tính tương đối, bởi Khảo sát chỉ giới hạn ở doanh thu và lao động thường xuyên trong mảng kinh doanh gỗ của doanh nghiệp. Trên thực tế, một doanh nghiệp có thể có nhiều mảng hoạt động khác nhau, bao gồm cả việc sản xuất các sản phẩm gỗ cung cấp cho các dự án sử dụng vốn Nhà nước và sản phẩm gỗ cung cấp cho các dự án khác. Với hình thức hoạt động như vậy, doanh nghiệp có thể sử dụng nhiều lao động, bao gồm cả lao động thời vụ không nộp bảo hiểm theo doanh nghiệp và có doanh thu lớn.

Điều thú vị là mẫu này có những doanh nghiệp rất nhỏ, chủ yếu làm thương mại (ví dụ doanh nghiệp nhỏ nhất chỉ sử dụng 08 lao động thường xuyên, không có lao động thời vụ, tổng doanh thu năm 2017 là 2.1 tỷ) nhưng cũng có doanh nghiệp sản xuất lớn (ví dụ doanh nghiệp lớn nhất sử dụng gần 3000 lao động thường xuyên và hơn 700 lao động thời vụ).

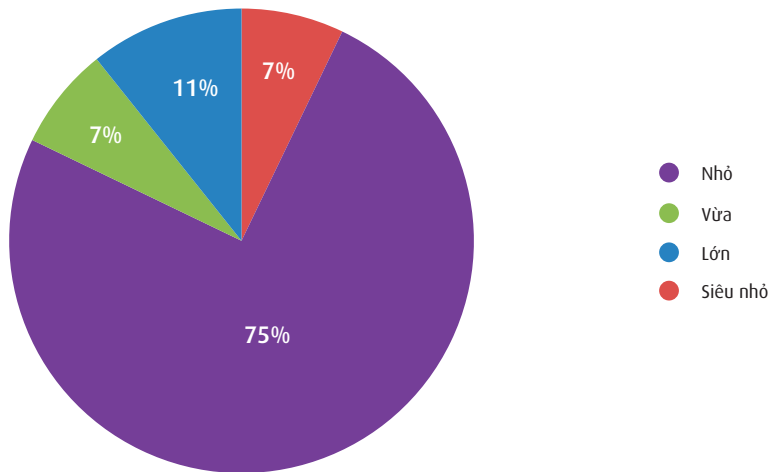
12. Doanh nghiệp có số lao động không quá 100 người và doanh thu năm không quá 50 tỷ đồng

13. Doanh nghiệp có số lao động không quá 10 người và doanh thu năm không quá 3 tỷ đồng

14. Doanh nghiệp có số lao động không quá 200 người, doanh thu năm không quá 200 tỷ đồng

15. Doanh nghiệp có lao động và doanh thu không nằm trong các diện siêu nhỏ, nhỏ và vừa theo định nghĩa tại Điều 6 Nghị định 39/2018/NĐ-CP được suy đoán là doanh nghiệp lớn.

Hình 7- Quy mô của Doanh nghiệp tham gia Khảo sát



Nếu chỉ nhìn từ quy mô doanh thu, phần lớn trong số này có doanh thu từ gỗ rất khiêm tốn (29% các doanh nghiệp tham gia Khảo sát có doanh thu năm 2017 không quá 10 tỷ, 21% có doanh thu không quá 20 tỷ). Tuy nhiên, cũng có 11% doanh nghiệp có doanh thu năm 2017 trên 300 tỷ.

Về lao động, nhóm doanh nghiệp khảo sát có một đặc điểm thể hiện khá sát tình hình chung của lao động ngành chế biến gỗ: số lượng lao động thời vụ chiếm tỷ lệ tương đối lớn. Có tới 41% các doanh nghiệp được Khảo sát cho biết họ sử dụng lượng lao động thời vụ bằng hoặc cao hơn (thậm chí là 2-3 lần) số lao động thường xuyên của doanh nghiệp. Tuy nhiên cũng có một số ít trường hợp không sử dụng lao động thời vụ, chỉ có lao động thường xuyên.

Như vậy, có thể thấy mẫu doanh nghiệp tham gia Khảo sát là tương đối đa dạng, và có thể phản ánh phần nào thực tiễn các hợp đồng mua sắm công đồ gỗ thực hiện bởi các doanh nghiệp ở quy mô khác nhau. Ngoài ra, cũng trong mẫu này, có thể thấy nhóm các doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ có ưu thế nhất định trong tiếp cận các gói thầu công mua sắm gỗ và các sản phẩm gỗ. Trong khi đó, từ góc độ khả năng bảo đảm gỗ hợp pháp, nhóm doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ lại thường không phải nhóm lợi thế. Đây là một chỉ báo có ý nghĩa cho việc tăng cường các yêu cầu về gỗ hợp pháp trong các gói thầu mua sắm gỗ mà nhóm này cung cấp.

4. Về kinh nghiệm cung cấp gỗ cho đơn vị sử dụng vốn Nhà nước của doanh nghiệp

Khảo sát sử dụng một tiêu chí thống nhất khi chọn mẫu doanh nghiệp khảo sát và khi làm sạch dữ liệu phản hồi: doanh nghiệp có hợp đồng cung cấp gỗ cho các đơn vị sử dụng vốn Nhà nước. Vì vậy, tất cả 33 doanh nghiệp được thống kê cuối cùng trong Khảo sát đều là các doanh nghiệp có kinh nghiệm thực tế của chính mình về việc cung cấp gỗ cho các đơn vị sử dụng vốn Nhà nước.

Trong số này, có tới 50% doanh nghiệp đã từng có từ 30 hợp đồng cung cấp gỗ cho các đơn vị sử dụng vốn Nhà nước trở lên. Số doanh nghiệp có từ 10 hợp đồng trở xuống chiếm 31%, trong đó chỉ có 02 trường hợp mới có hợp đồng đầu tiên dạng này.

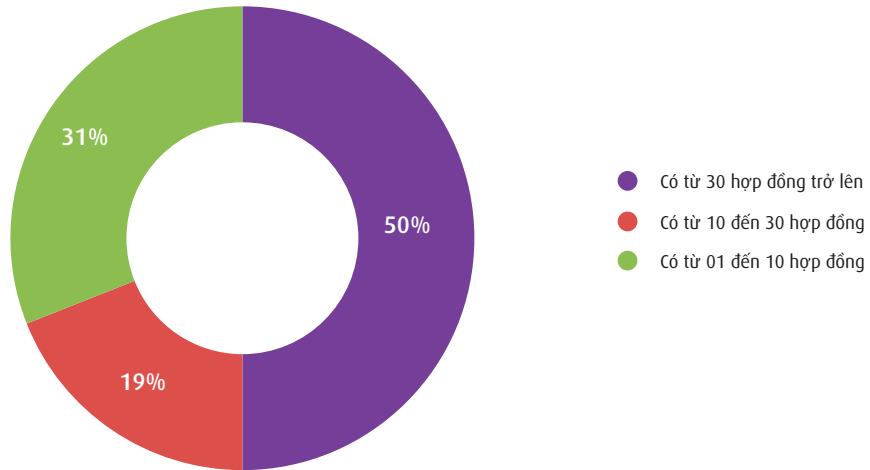
Với số lượng hợp đồng đã thực hiện đáng kể như vậy, nhóm doanh nghiệp tham gia Khảo sát có khá nhiều kinh nghiệm thực tiễn trong cung cấp gỗ và các sản phẩm gỗ cho các đơn vị sử dụng vốn Nhà nước. Do đó thông tin mà các doanh nghiệp chia sẻ trong Khảo sát là những thông tin có độ tin cậy cao, phản ánh thực tiễn về các gói thầu mua sắm gỗ trên thực tế.

Việc đa số các doanh nghiệp có tần suất cao trong tiếp cận các gói thầu có thể cũng hé lộ một thực tế đáng chú ý trong đấu thầu mua sắm gỗ: những nhà thầu có kinh nghiệm thường là những người thắng cuộc trong cạnh tranh các gói thầu mua sắm công. Các doanh nghiệp mới tham gia thị trường này tỏ ra khó khăn hơn trong việc tiếp cận các gói thầu công. Thực tế này dường như cũng trùng khớp với thông tin thu được từ Rà soát 100 hồ sơ mời thầu trong Hợp phần 2 của Nghiên cứu này, theo đó có tới 18% gói thầu chỉ có 2 hồ sơ dự thầu nộp, 15% gói thầu chỉ có duy nhất một hồ sơ dự thầu.

Điều này cũng không khó lý giải, khi mà (i) kinh nghiệm của nhà thầu là một trong những tiêu chí được xem xét khi lựa chọn nhà thầu theo pháp luật đấu thầu, và (ii) quy trình đấu thầu, dù đã được cải thiện đáng kể qua các lần sửa đổi pháp luật, về cơ bản vẫn phức tạp và đặt ra nhiều đòi hỏi về thủ tục và giấy tờ phức tạp hơn nhiều so với hoạt động mua sắm thương mại/dân sự thông thường, và không phải doanh nghiệp nào cũng có khả năng để tham gia quy trình đấu thầu (kể cả khi doanh nghiệp có đủ năng lực cạnh tranh).

Mặc dù vậy, có thể còn có một số yếu tố khác chưa được kiểm chứng đầy đủ có thể dẫn tới điều này, ví dụ mối quan hệ quen biết giữa nhà thầu với bên mua sắm. Một số doanh nghiệp tham gia khảo sát cho biết có những trường hợp doanh nghiệp tiếp cận được hợp đồng là nhờ có quen biết với bên mời thầu và được hướng dẫn cụ thể mới có thể có bộ hồ sơ dự thầu hoàn chỉnh tham gia dự thầu.

Hình 8 - Kinh nghiệm cung cấp gỗ trong mua sắm công của các Doanh nghiệp tham gia Khảo sát



III.

Về kết quả khảo sát doanh nghiệp về thực tiễn cung cấp sản phẩm gỗ cho các đơn vị sử dụng vốn Nhà nước

Khảo sát tìm hiểu thực tiễn cung cấp sản phẩm gỗ cho các đơn vị sử dụng vốn Nhà nước của doanh nghiệp ở 03 khía cạnh chính sau đây:

- Các vấn đề chung liên quan tới hợp đồng cung cấp gỗ cho các đơn vị sử dụng vốn Nhà nước
- Thực trạng gỗ nguyên liệu sử dụng trong các hợp đồng này
- Mức độ quan tâm tới tính hợp pháp của gỗ trong các hợp đồng này

Sau đây là các kết quả đáng chú ý ghi nhận từ thực tiễn của các doanh nghiệp tham gia Khảo sát.

➤ 1. Về các hợp đồng cung cấp sản phẩm gỗ cho các đơn vị sử dụng vốn Nhà nước

1.1. Cách thức các doanh nghiệp có được các hợp đồng

Căn cứ vào quy định của pháp luật đấu thầu, doanh nghiệp gần như chỉ có thể tiếp cận các gói thầu mua sắm gỗ của các đơn vị sử dụng vốn Nhà nước theo một trong 05 hình thức, bao gồm: đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế, chỉ định thầu, chào hàng cạnh tranh, mua sắm trực tiếp. Kết quả khảo sát cho thấy với các doanh nghiệp tham gia khảo sát, hình thức phổ biến nhất là chào hàng cạnh tranh, tiếp theo là đấu thầu rộng rãi, chỉ định thầu và cuối cùng là mua sắm trực tiếp. Không có trường hợp nào tiếp cận các gói thầu qua các hình thức khác. Cụ thể:

- 61% các doanh nghiệp từng có được các hợp đồng cung cấp gỗ này qua hình thức tham gia *chào hàng cạnh tranh*, chiếm tỷ lệ cao nhất trong các phương thức tiếp cận.

Chào hàng cạnh tranh là hình thức đấu thầu dùng cho các trường hợp mua sắm hàng hóa thông dụng, sẵn có, với đặc tính kỹ thuật đã được tiêu chuẩn hóa, tương đương nhau về chất lượng và có tổng giá trị gói thầu không quá lớn. Đây vốn là đặc trưng của các sản phẩm đồ gỗ thông thường (đồ gỗ văn phòng, trường học). Vì vậy, thực tế này không có gì bất thường.

Đáng chú ý là trong 100 hồ sơ mời thầu mua sắm sản phẩm gỗ được rà soát trong Hợp phần 2 của Nghiên cứu này, 64% gói thầu cũng được thực hiện theo hình thức chào hàng cạnh tranh.

- Cách thức tiếp cận phổ biến thứ hai là thông qua *hình thức đấu thầu rộng rãi*, với 58% các doanh nghiệp trả lời đã từng có hợp đồng qua hình thức này.

Như đã đề cập, đấu thầu rộng rãi là hình thức đấu thầu nền tảng, áp dụng cho mọi trường hợp trừ khi đủ điều kiện áp dụng các hình thức khác. Vì vậy, hình thức này có thể được áp dụng cho tất cả các gói thầu mua sắm đồ gỗ trên thực tế.

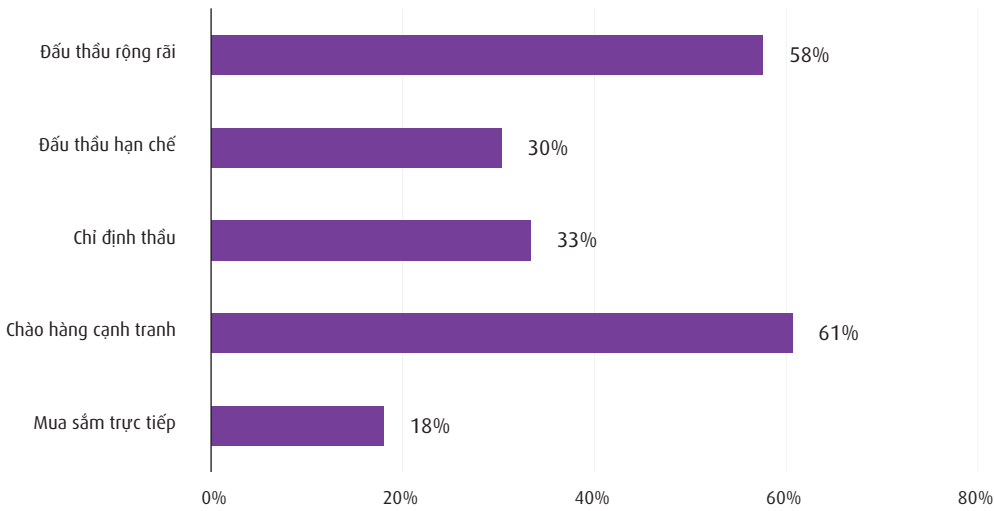
- Có 33% các doanh nghiệp từng có các hợp đồng thầu thông qua hình thức *chỉ định thầu*

Về mặt pháp lý, chỉ định thầu chỉ được phép áp dụng đối với một số ít trường hợp đặc biệt, trong đó đáng chú ý có (i) các trường hợp khẩn cấp, (ii) các trường hợp do đặc tính về kỹ thuật, công nghệ của sản phẩm mà phải mua trực tiếp từ nhà thầu trước đó đã cung cấp sản phẩm để bảo đảm tính tương thích; (iii) các trường hợp trong hạn mức được chỉ định thầu (không quá 01 tỷ đồng đối với gói thầu mua sắm hàng hóa thuộc dự án đầu tư, không quá 100 triệu đối với gói thầu thuộc dự toán mua sắm thường xuyên).

Khảo sát không cho thông tin về lý do doanh nghiệp tiếp cận được các hợp đồng theo hình thức này. Tuy nhiên, xét về tính chất và giá trị mua sắm, khả năng lớn là các hợp đồng mà các doanh nghiệp tham gia khảo sát rơi vào trường hợp thứ (iii) – hợp đồng mua sắm có giá trị trong hạn mức cho phép.

- Có 18% các doanh nghiệp từng có hợp đồng qua hình thức *mua sắm trực tiếp* mà chủ yếu xuất phát từ việc đã từng cung cấp đồ gỗ thông qua các hợp đồng đã thực hiện trước đó.

Hình 9 - Các Hình thức tiếp cận gói thầu công mua sắm sản phẩm gỗ của Doanh nghiệp



Bên cạnh các hình thức tiếp cận hợp đồng thông qua đấu thầu trực tiếp như trên, đáng chú ý là các doanh nghiệp gỗ còn tiếp cận các hợp đồng mua sắm công đối với đồ gỗ qua một số cách thức gián tiếp khác. Đáng chú ý có:

- *Tiếp cận các gói thầu công thông qua một nhà thầu chính (gồm cả tổng thầu)*

Từ góc độ pháp luật, đây là hình thức thầu phụ - doanh nghiệp thực hiện gói thầu trên cơ sở nhận một phần công việc từ nhà thầu chính đã ký hợp đồng với bên mời thầu/chủ đầu tư. Pháp luật đấu thầu hiện yêu cầu phải nêu rõ tên nhà thầu phụ trong hồ sơ dự thầu gói thầu phức tạp, và quy định về cấm chuyển nhượng thầu. Tuy nhiên, pháp luật đấu thầu không can thiệp vào quan hệ thầu phụ (điều kiện, cách thức thực hiện, quyền và nghĩa vụ giữa nhà thầu chính và nhà thầu phụ...). Do đó, đây có thể được xem là hình thức cung cấp gói thầu công gián tiếp, trong đó nhà thầu phụ cung cấp sản phẩm hàng hóa là đối tượng của gói thầu cho đơn vị mua sắm công, nhưng không trực tiếp ký hợp đồng với bên mời thầu/chủ đầu tư mà chỉ có hợp đồng với nhà thầu chính.

Trong Khảo sát, có tới 42% các doanh nghiệp từng tham gia các gói thầu theo cách thức nhà thầu phụ như vậy. Tỷ lệ này cho thấy cách thức sử dụng thầu phụ này là khá phổ biến trong thực tế.

Đây cũng có thể là cách thức hợp lý, bởi nó phép các doanh nghiệp nhỏ, với kinh nghiệm và nguồn lực hạn chế có thể tham gia vào thị trường mua sắm công đồ gỗ.

● **Tiếp cận các gói thầu công thông qua các đại lý bán hàng hoặc các doanh nghiệp thương mại thuần túy**

Khảo sát ghi nhận 01 trường hợp doanh nghiệp sản xuất sản phẩm gỗ không trực tiếp tham gia đấu thầu nhưng thông qua việc các đại lý của họ tham gia gói thầu (trực tiếp với tư cách nhà thầu hay gián tiếp với tư cách nhà thầu phụ) mà các sản phẩm của họ được cung cấp cho các đơn vị sử dụng vốn Nhà nước.

Đáng chú ý là đây là doanh nghiệp sản xuất có quy mô lớn, có tổng doanh thu từ các sản phẩm gỗ lớn nhất (438 tỷ năm 2017), có số lao động (cả thường xuyên và thời vụ) lớn thứ hai (3800 lao động) trong số các doanh nghiệp tham gia Khảo sát. Sản phẩm đồ gỗ của doanh nghiệp này được cung cấp cho rất nhiều các đơn vị sử dụng vốn Nhà nước ở cả cấp trung ương và địa phương. Nhưng doanh nghiệp này không trực tiếp đứng tên nhà thầu chính trong gói thầu nào, mà chỉ thông qua các đại lý là nhà thầu tham gia các gói thầu.

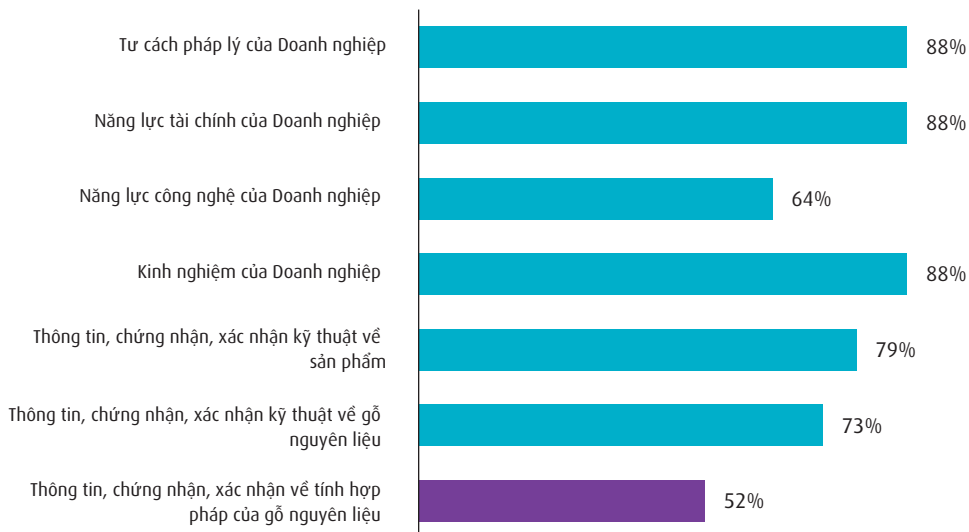
Những thực tế trên cho thấy có nhiều cách thức đa dạng để các nhà sản xuất đồ gỗ cung cấp các sản phẩm gỗ cho các đơn vị sử dụng vốn Nhà nước. Và vì vậy, đứng từ góc độ bảo đảm tính hợp pháp của gỗ trong các hợp đồng mua sắm công, cần huy động sự quan tâm của không chỉ các đơn vị mời thầu, nhà thầu mà còn của các nhà sản xuất (trong trường hợp nhà thầu không phải là nhà sản xuất).

1.2. Về các tiêu chí lựa chọn nhà thầu

Để tìm hiểu về mối quan tâm của bên mời thầu về tính hợp pháp của gỗ nguyên liệu trong so sánh với các khía cạnh/tiêu chí khác, Khảo sát hỏi các doanh nghiệp về những vấn đề mà họ thường phải giải trình cho bên mời thầu trong quá trình đấu thầu.

Kết quả Khảo sát cho thấy tính hợp pháp của gỗ chiếm tỷ lệ thấp nhất trong tất cả các vấn đề mà bên mời thầu quan tâm. Cụ thể, 52% doanh nghiệp cho biết họ đã từng giải trình về tính hợp pháp của gỗ nguyên liệu theo yêu cầu của bên mời thầu, trong khi tỷ lệ này là 88% với các giải trình về tư cách pháp lý, năng lực tài chính, và kinh nghiệm của doanh nghiệp. Bên cạnh đó, 79% doanh nghiệp phản hồi đã từng giải trình về đặc tính kỹ thuật của sản phẩm, 73% với giải trình về đặc tính kỹ thuật của gỗ nguyên liệu, 64% với giải trình về năng lực công nghệ của doanh nghiệp.

Hình 10 - Các vấn đề Doanh nghiệp phải giải trình để tiếp cận các hợp đồng



Nhìn kỹ hơn, ngoại trừ tính hợp pháp của gỗ, tất cả các khía cạnh khác đều nằm trong các tiêu chí năng lực-kinh nghiệm và kỹ thuật mà pháp luật đấu thầu đã quy định. Vì vậy, việc bên mời thầu ít quan tâm hơn tới tính hợp pháp của gỗ nguyên liệu so với các khía cạnh khác hoàn toàn dễ hiểu.

Các tiêu chí năng lực-kinh nghiệm và kỹ thuật của doanh nghiệp là các yêu cầu nằm trong pháp luật đấu thầu. Điều này lý giải tỷ lệ phản hồi cao của các doanh nghiệp ở các khía cạnh này. Tính hợp pháp của hàng hóa nói chung, của gỗ nguyên liệu nói riêng, hiện chưa nằm trong quy định của pháp luật đấu thầu, vì vậy, việc bên mời thầu ít quan tâm hơn tới tính hợp pháp của gỗ nguyên liệu so với các khía cạnh khác hoàn toàn dễ hiểu.

Nếu so sánh với kết quả rà soát 100 bộ hồ sơ mời thầu trong phần thứ hai của Nghiên cứu này, theo đó chỉ có 4% hồ sơ mời thầu có nêu rõ yêu cầu về tính hợp pháp của gỗ nguyên liệu, thì tỷ lệ 52% các doanh nghiệp từng giải trình về tính hợp pháp của gỗ nguyên liệu trong khảo sát này thì rõ ràng có một sự chênh lệch lớn. Tất nhiên đây không phải kết quả mâu thuẫn (bởi mẫu rà soát của hai trường hợp là khác nhau). Mặc dù vậy, điều này cho thấy để nhận diện được hiện trạng chính xác và đầy đủ về mức độ quan tâm của bên mời thầu về gỗ hợp pháp trong các gói thầu mua sắm công, cần thiết phải có những khảo sát sâu hơn, bao trùm các nhóm mẫu rộng hơn và có tính đại diện đầy đủ.

1.3. Về các đơn vị thụ hưởng

Trong các hợp đồng mà doanh nghiệp tham gia Khảo sát thực hiện, các “khách hàng công” (các đơn vị thụ hưởng các sản phẩm gỗ mua sắm công) rất đa dạng, cụ thể như sau:

- *Nhóm “khách hàng công” phổ biến nhất* là các đơn vị sự nghiệp công như các trường học, bệnh viện... 78% doanh nghiệp tham gia Khảo sát cho biết đã từng cung cấp cho các đối tượng này

Tỷ lệ này khá tương đồng với tỷ lệ 69% các đơn vị thụ hưởng trong 100 bộ hồ sơ thầu được rà soát ở Phần thứ hai của Nghiên cứu này. Từ góc độ này, có lẽ đây là nhóm khách hàng chiếm tỷ phần tương đối lớn trong thị trường mua sắm công gỗ và các sản phẩm gỗ.

Nhóm ‘khách hàng công’ này có điểm chung là sử dụng chủ yếu các sản phẩm đồ gỗ thông dụng, chủ yếu là đồ gỗ nội thất văn phòng, trường học và một số loại sản phẩm gia dụng khác, sản phẩm có giá trị trung bình và yêu cầu về chất lượng không quá cao. Nhu cầu về sản phẩm của nhóm khách hàng này suy đoán là thích hợp với năng lực sản xuất và khả năng kinh doanh của các doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ - vốn khá phổ biến trong ngành gỗ và cũng thể hiện rất rõ trong mẫu Khảo sát này.

- *Nhóm “khách hàng công” phổ biến thứ hai* là các cơ quan Nhà nước ở trung ương và địa phương. Khoảng 69% doanh nghiệp tham gia Khảo sát phản hồi đã từng cung cấp đồ gỗ cho nhóm này

Các cơ quan Nhà nước là nhóm có số lượng khiêm tốn so với nhóm các đơn vị sự nghiệp¹⁶. Mặc dù vậy, bộ máy và nhu cầu về cơ sở vật chất của nhóm này thường lớn hơn nhiều lần các đơn vị sự nghiệp. Các sản phẩm gỗ chủ yếu mà nhóm này mua sắm là đồ gỗ văn phòng.

16. Theo Tổng cục Thống kê thì chỉ tính riêng các trường cấp tiểu học và phổ thông (mà chủ yếu là trường công lập) năm 2017-2018 tổng số là 28.710 trường; còn tổng số đơn vị hành chính trên cả nước năm 2017 là 11.938 (gồm tỉnh, thành phố thuộc tỉnh, quận, huyện, xã, phường, thị trấn, thị xã).

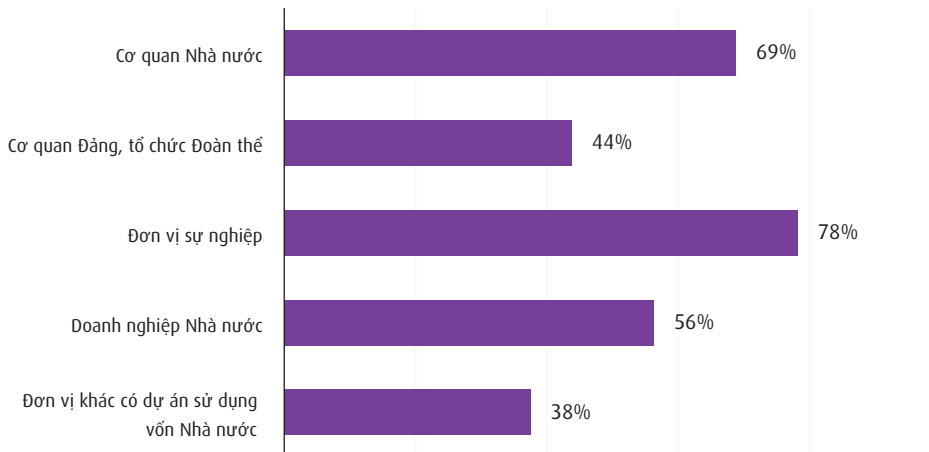
- *Nhóm khách hàng thường xuyên thứ ba* của các doanh nghiệp tham gia Khảo sát là các doanh nghiệp Nhà nước (DNNN). 56% doanh nghiệp tham gia Khảo sát đã từng cung cấp đồ gỗ cho nhóm này.

Nhóm DNNN có số lượng không lớn¹⁷ và sẽ giảm dần theo yêu cầu về cổ phần hóa. Mặc dù vậy, đây là nhóm có nhu cầu mua sắm lớn. Lý do là bởi nhóm này có hoạt động phong phú, thường xuyên thay đổi, nhu cầu mua sắm hàng hóa phục vụ các hoạt động này nói chung và mua sắm đồ gỗ nói riêng vì vậy có thể lớn.

- Nhóm các cơ quan Đảng, tổ chức Đoàn thể như Mặt trận tổ quốc, Liên đoàn lao động, Hội liên hiệp phụ nữ, Đoàn thanh niên, Hiệp hội... sử dụng toàn bộ hoặc một phần vốn Nhà nước cũng là “khách hàng công” tương đối thường xuyên. Có 44% doanh nghiệp phản hồi khảo sát đã từng cung cấp sản phẩm gỗ cho nhóm này.

Có tới 70% các doanh nghiệp tham gia Khảo sát từng cung cấp sản phẩm gỗ cho 02 hoặc nhiều hơn các nhóm khách hàng mua sắm công nêu ở trên.

Hình 11 - Các nhóm khách hàng mua sắm công sản phẩm gỗ



17. Theo Báo cáo Tổng điều tra kinh tế năm 2017 của Tổng cục Thống kê, năm 2017 cả nước có 2.701 doanh nghiệp Nhà nước đang hoạt động. Tuy nhiên con số này chỉ tính các doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước.

1.4. Về giá trị và loại sản phẩm gỗ được mua sắm

Về loại sản phẩm gỗ mua sắm, kết quả Khảo sát cho thấy:

- Sản phẩm được mua sắm phổ biến nhất là *đồ gỗ văn phòng*. Có tới 91% doanh nghiệp tham gia Khảo sát từng có hợp đồng cung cấp loại sản phẩm này.

Trên thực tế, với nhóm đối tượng khách hàng chủ yếu là đơn vị sự nghiệp, cơ quan Nhà nước, các tổ chức đoàn thể - những chủ thể suy đoán là có nhu cầu về đồ gỗ thường xuyên nhất là đồ gỗ văn phòng, kết quả này không gây ngạc nhiên. Đáng lưu ý là theo kết quả Khảo sát 100 hồ sơ mời thầu trong Hợp phần 2 của Nghiên cứu này, đồ gỗ văn phòng là nhóm thường đòi hỏi gỗ nguyên liệu có giá trị cao, chất lượng tốt hơn so với các loại sản phẩm khác.

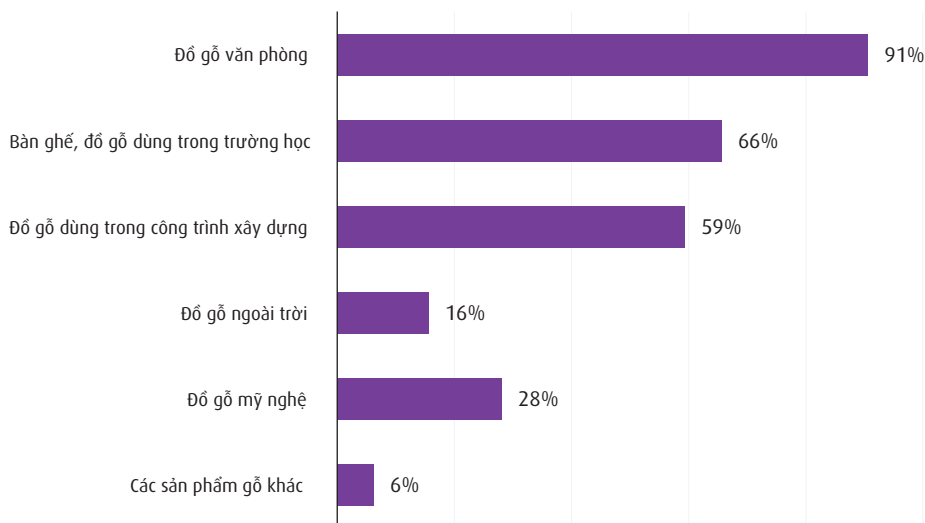
- Nhóm sản phẩm phổ biến thứ hai là *đồ gỗ trường học*. Có 66% doanh nghiệp tham gia Khảo sát đã từng cung cấp các sản phẩm thuộc nhóm này.

Điều này phù hợp với thực tế nhóm khách hàng mua sắm công lớn nhất của các doanh nghiệp tham gia Khảo sát là các đơn vị sự nghiệp giáo dục.

- Nhóm sản phẩm có tần suất mua sắm nhiều thứ ba là *đồ gỗ sử dụng trong các công trình xây dựng*, với 59% doanh nghiệp tham gia Khảo sát từng cung cấp nhóm sản phẩm này.
- Ngoài ra các các sản phẩm khác như *đồ gỗ mỹ nghệ* (28% doanh nghiệp từng cung cấp), *đồ gỗ ngoài trời* (16%)...

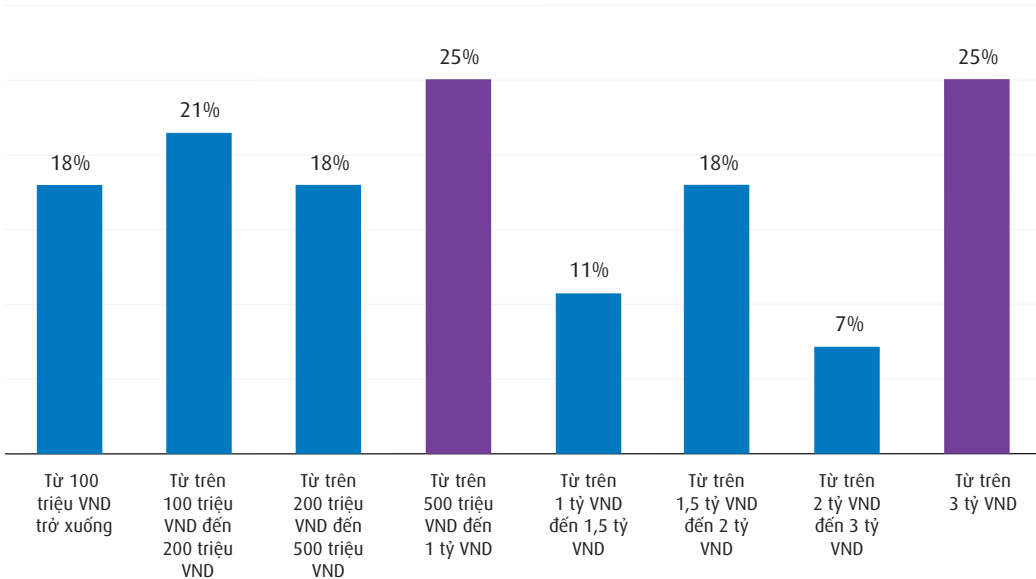
Liên quan tới đồ gỗ mỹ nghệ, cần chú ý là thông thường, các sản phẩm thuộc nhóm đồ gỗ mỹ nghệ là các sản phẩm được làm từ các loại gỗ quý tự nhiên, có giá trị từ cao đến rất cao. Vì vậy, đồ gỗ mỹ nghệ thường là nhóm có rủi ro cao về gỗ bất hợp pháp.

Hình 12 - Các nhóm sản phẩm gỗ được mua sắm công



Về giá trị các gói thầu mua sắm gỗ, kết quả của Khảo sát cho thấy giá trị trung bình của các hợp đồng mua sắm đồ gỗ mà các doanh nghiệp cung cấp có khoảng cách khá lớn. Tuy nhiên, quy mô phổ biến nhất của mỗi hợp đồng rơi vào 02 khoảng giá trị: từ 500 triệu đồng tới 1 tỷ và từ 3 tỷ trở lên.

Hình 13 - Giá trị các hợp đồng mua sắm công sản phẩm gỗ



Có thể thấy phần lớn các gói thầu này có giá trị tương đối nhỏ, nằm trong hạn mức được phép thực hiện mua sắm theo hình thức chào hàng cạnh tranh hoặc chỉ định thầu.

Tuy nhiên, kết quả Khảo sát về cách thức tiếp cận các gói thầu trình bày ở trên cho thấy có một tỷ lệ đáng kể doanh nghiệp có được hợp đồng thông qua đấu thầu rộng rãi. Điều này có thể xuất phát từ một số lý do:

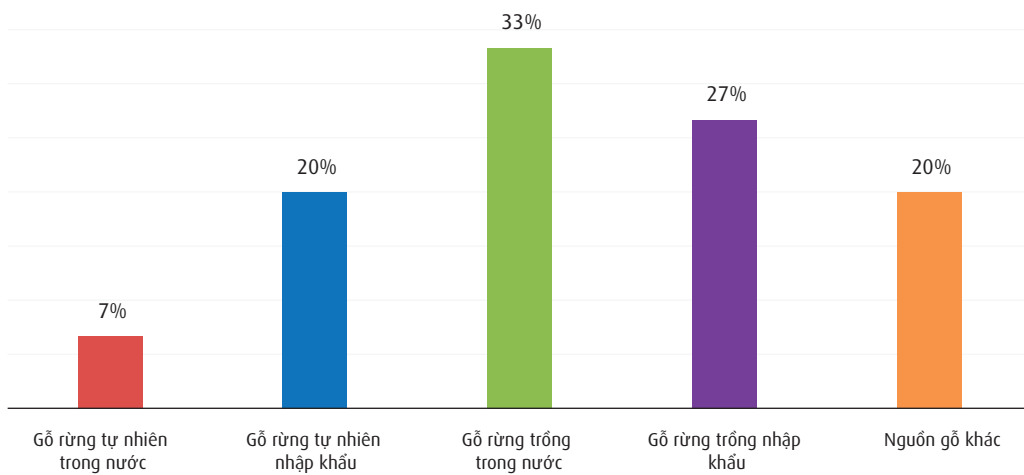
- *Thứ nhất*, mua sắm các sản phẩm gỗ, đặc biệt là đồ gỗ văn phòng, đồ gỗ phục vụ trường học, thường là mua sắm phục vụ hoạt động thường xuyên của các đơn vị mua sắm, do đó ít có khả năng rơi vào các trường hợp mua sắm khẩn cấp, phục vụ các mục tiêu khẩn cấp để áp dụng chỉ định thầu như pháp luật đấu thầu quy định.
- *Thứ hai*, như kết quả Khảo sát, có tới 42% các doanh nghiệp tham gia khảo sát từng cung cấp gỗ cho các gói thầu mua sắm công thông qua nhà thầu chính. Trong hình thức này, phần mua sắm đồ gỗ chỉ là một phần trong một gói thầu tổng thể có giá trị lớn hơn. Giá trị trong gói thầu tổng có thể vượt quá hạn mức được phép để áp dụng hình thức chào hàng cạnh tranh và buộc phải thực hiện theo hình thức đấu thầu rộng rãi.
- *Thứ ba*, cũng có một khả năng khác là các gói thầu mua sắm đồ gỗ mặc dù đáp ứng đủ các điều kiện để áp dụng hình thức chào hàng cạnh tranh nhưng các bên mời thầu chủ động sử dụng hình thức đấu thầu rộng rãi – hình thức cạnh tranh và minh bạch nhất. Nếu suy đoán này là đúng thì đây thực sự là một xu hướng tích cực trong thực tiễn mua sắm đồ gỗ.

2. Về thực tế gỗ nguyên liệu sử dụng trong các hợp đồng mua sắm công đồ gỗ

2.1. Về loại gỗ nguyên liệu sử dụng

Kết quả Khảo sát cho thấy nguồn gỗ nguyên liệu được sử dụng nhiều nhất là gỗ rừng trồng trong nước (hơn 1/3 doanh nghiệp sử dụng chủ yếu loại gỗ này cho các hợp đồng cung cấp gỗ cho các gói thầu), tiếp đến là gỗ rừng trồng nhập khẩu. Và mặc dù Nhà nước đã có chính sách đóng cửa rừng tự nhiên từ nhiều năm trở lại đây, đáng ngạc nhiên vẫn có trường hợp sử dụng chủ yếu là gỗ rừng tự nhiên trong nước để cung cấp cho các gói thầu mua sắm công.

Hình 14 - Nguồn gỗ nguyên liệu sử dụng trong các hợp đồng mua sắm công gỗ



Kết quả nói trên phản ánh một số thực tế đáng chú ý liên quan tới nguồn gỗ sử dụng để thực hiện các gói thầu mua sắm gỗ công từ góc độ tính hợp pháp của gỗ nguyên liệu:

- Liên quan tới nguồn gỗ sử dụng nhiều nhất cho các hợp đồng mua sắm gỗ công - *gỗ rừng trồng trong nước*

Số liệu này đặt trong thực tế chung là 75% gỗ nguyên liệu mà ngành chế biến gỗ đang sử dụng là gỗ trong nước¹⁸ thì điều này dường như khá hợp lý. Từ góc độ rủi ro về tính hợp pháp, mặc dù bản thân gỗ rừng trồng trong nước cũng có nguy cơ nhất định về tính hợp pháp (liên quan tới việc tuân thủ các quy định về đất đai, lâm nghiệp...), so với gỗ rừng tự nhiên, nguy cơ này thấp hơn đáng kể.

- Liên quan tới *gỗ rừng tự nhiên* trong nước sử dụng trong các hợp đồng mua sắm công

Mặc dù có tần suất sử dụng thấp nhất, khối lượng sử dụng cũng thấp nhất nhưng gỗ rừng tự nhiên trong nước vẫn đang là một nguồn gỗ khá thường xuyên trong sản xuất sản phẩm gỗ cung cấp cho các đơn vị sử dụng vốn Nhà nước.

Cụ thể, có tới 29% các doanh nghiệp thường sử dụng gỗ rừng tự nhiên trong nước để sản xuất phục vụ các hợp đồng công, 7% doanh nghiệp sử dụng nguồn gỗ này như một nguồn chính để thực hiện các hợp đồng này.

18. Nguồn: <https://dantocmiennui.vn/xa-hoi/chu-dong-nguon-nguyen-lieu-go-ben-vung/227790.html>

Trong bối cảnh từ lâu Chính phủ đã “đóng cửa rừng” – nghiêm cấm việc khai thác rừng tự nhiên trên diện rộng, mức độ và tần suất sử dụng gỗ rừng tự nhiên trong các hợp đồng mua sắm gỗ công như thể hiện trong kết quả Khảo sát là một thực tế rất đáng quan ngại. Lý do là bởi với các lệnh cấm của Chính phủ, chỉ còn một khối lượng rất ít gỗ rừng tự nhiên là hợp pháp, ví dụ gỗ rừng tự nhiên đã khai thác từ trước lệnh cấm nhưng chưa sử dụng (đặc biệt là từ trước năm 2014), gỗ rừng tự nhiên khai thác do chuyển đổi đất rừng tự nhiên sang các loại đất khác phù hợp với các quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Các văn bản, chính sách của Chính phủ về đóng cửa rừng tự nhiên

1. Chỉ thị 462-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 11/09/1993 về quản lý chặt chẽ việc khai thác, vận chuyển và xuất khẩu gỗ trong đó quy định “đóng ngay cửa rừng đối với các loại rừng sau: rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng trên núi đá, rừng nghèo phải khoanh nuôi để xúc tiến tái sinh”
2. Chỉ thị số 12/2003/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 16/05/2003 về tăng cường các biện pháp cấp bách để bảo vệ phát triển rừng trong đó ngoài việc nhấn mạnh lại yêu cầu về đóng cửa rừng đã có, còn yêu cầu “từ năm 2003, hạn chế tối đa chỉ tiêu khai thác gỗ rừng tự nhiên, chủ yếu khai thác phục vụ các nhu cầu sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ xuất khẩu và cho việc phòng chống thiên tai”
3. Chỉ thị số 08/2006/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 08/03/2006 tăng cường các biện pháp cấp bách, ngăn chặn tình trạng chặt phá, đốt rừng, khai thác rừng trái phép
4. Quyết định 2242/QĐ-TTg ngày 11/12/2014 phê duyệt đề án tăng cường công tác quản lý khai thác gỗ rừng tự nhiên giai đoạn 2014-2020 trong đó yêu cầu “dừng khai thác chính gỗ rừng tự nhiên trên phạm vi cả nước” (trừ 02 khu vực được phê duyệt phương án, cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững quốc tế, là Công ty lâm nghiệp Đắk Tô, Kon Tum và Công ty Long Đại, Quảng Bình)
5. Thông báo số 191/TB-VPCP ngày 22/7/2016 Văn phòng Chính phủ về kết luận của Thủ tướng Chính phủ tại Hội nghị về các giải pháp khôi phục rừng bền vững vùng Tây Nguyên nhằm ứng phó với BĐKH giai đoạn 2016-2020, trong đó nhấn mạnh việc đóng cửa rừng tự nhiên bao gồm cả việc không chuyển mục đích sử dụng 2,25 triệu héc-ta rừng tự nhiên hiện còn sang mục đích khác, kể cả các dự án, công trình đã được phê duyệt nhưng chưa triển khai (trừ các dự án phục vụ quốc phòng, an ninh đặc biệt phải được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt)
6. Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, yêu cầu “dừng khai thác gỗ rừng tự nhiên trên phạm vi cả nước”

Trong số các nguồn gỗ nguyên liệu, gỗ rừng tự nhiên (bao gồm cả gỗ rừng tự nhiên trong nước và gỗ rừng tự nhiên nhập khẩu) là nguồn gỗ có nguy cơ cao không bảo đảm tính hợp pháp. Sau đây là kết quả Khảo sát về hai nguồn gỗ đặc biệt này.

2.1.1. Nhóm gỗ rừng tự nhiên nhập khẩu

Về nguồn cung gỗ, trong số 18 doanh nghiệp đã từng sử dụng gỗ tự nhiên nhập khẩu, không có trường hợp nào tự mình nhập khẩu hoàn toàn gỗ rừng tự nhiên từ nước ngoài; phần lớn (72%) có được nguồn gỗ nguyên liệu này bằng cách mua lại từ các đơn vị chuyên nhập khẩu gỗ, chỉ có 28% vừa mua lại từ các đơn vị khác vừa tự mình nhập khẩu một phần.

Điều này cho thấy nguồn cung gỗ rừng tự nhiên nhập khẩu phục vụ các hợp đồng mua sắm công đang theo thông lệ chung: có những đơn vị thương mại chuyên nhập khẩu gỗ từ nước ngoài vào Việt Nam, sau đó cung cấp cho các đơn vị sản xuất chế biến gỗ.

Nhóm các đơn vị thương mại chuyên nhập khẩu gỗ suy đoán có hiểu biết cũng như tác động trực tiếp nhất tới nguồn gốc của gỗ. Lý do là nhóm này là chủ thể trực tiếp tiếp cận với nguồn cung gỗ ở nước ngoài, thực hiện giao dịch mua bán với chủ thể cung gỗ ở nước ngoài, thực hiện các thủ tục cần thiết để vận chuyển và nhập khẩu nguồn gỗ này về Việt Nam.

Do đó, đây rõ ràng là nhóm chủ thể cần được tập trung nâng cao nhận thức về gỗ hợp pháp, là đối tượng cần phải tăng cường kiểm soát thực thi quy định về tính hợp pháp đối với gỗ rừng nhập khẩu, đặc biệt là gỗ rừng tự nhiên nói chung và gỗ sử dụng trong mua sắm công nói riêng.

Về hiểu biết của doanh nghiệp đối với loại gỗ tự nhiên nhập khẩu cụ thể mà họ sử dụng cho các hợp đồng mua sắm gỗ công, có 80% các doanh nghiệp biết rõ gỗ nguyên liệu mà họ mua là loại gỗ cụ thể nào và 20% còn lại đôi khi không biết chính xác về loại gỗ.

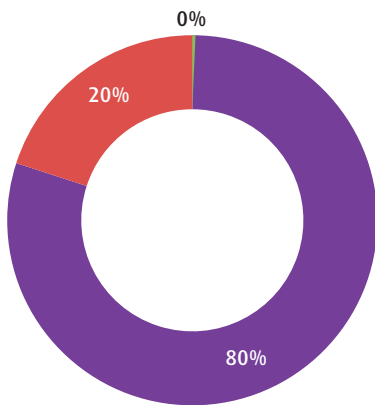
Trên thực tế, theo một số nghiên cứu¹⁹, hiểu biết của doanh nghiệp về các loài gỗ nhập khẩu, đặc biệt là đối với các loài gỗ mới được nhập khẩu từ Châu Phi, không phải luôn chính xác. Nhiều trường hợp doanh nghiệp dùng tên gỗ Việt Nam để gọi tên các loại gỗ nhập khẩu mới. Vì vậy, tỷ lệ 20% doanh nghiệp đôi khi không biết loại gỗ tự nhiên nhập khẩu sử dụng trong các hợp đồng mua sắm gỗ công cũng không quá bất thường.

Về hiểu biết của doanh nghiệp đối với nước xuất xứ gỗ tự nhiên nhập khẩu, 76% doanh nghiệp cho biết họ biết rõ về nước xuất xứ của gỗ rừng tự nhiên mà mình sử dụng cho các hợp đồng mua sắm công, 19% đôi khi không biết rõ. Đặc biệt vẫn có một trường hợp doanh nghiệp thường xuyên không biết rõ về nước xuất xứ của gỗ tự nhiên mà mình nhập khẩu.

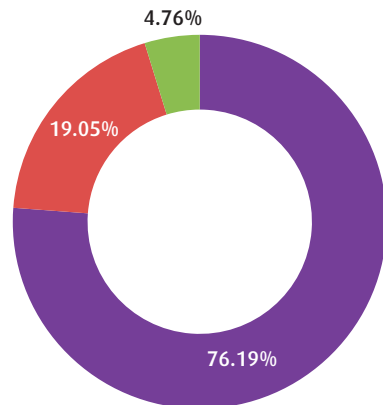
Mặc dù số doanh nghiệp không biết rõ về xuất xứ gỗ tự nhiên nhập khẩu chiếm tỷ lệ nhỏ, đây vẫn là một thực tế gây quan ngại. Lý do là hiểu biết về xuất xứ của gỗ nguyên liệu, đặc biệt là các loài gỗ tự nhiên từ các nước nhiệt đới, là một trong những yếu tố quan trọng đến đánh giá về rủi ro của nguồn cung.

Hình 15 – Hiểu biết của doanh nghiệp về loại và xuất xứ của gỗ rừng tự nhiên nhập khẩu

Hiểu biết của Doanh nghiệp về loại gỗ của gỗ rừng tự nhiên nhập khẩu



Hiểu biết của Doanh nghiệp về nguồn gốc xuất xứ của gỗ rừng tự nhiên nhập khẩu



● Đôi khi không biết rõ ● Thường không biết rõ ● Thường biết rõ

19. Ví dụ Báo cáo “Việt Nam nhập khẩu Gỗ nguyên liệu từ Châu Phi – Giai đoạn 2015-6/2018” của Forest Trends và các Hiệp hội gỗ của Việt Nam (VIFORES, HAWA, FPA), 8/2018

Về loại gỗ rừng tự nhiên nhập khẩu, kết quả Khảo sát gây ngạc nhiên khi gỗ quý nhóm I, II lại là loại được các doanh nghiệp sử dụng cho các hợp đồng mua sắm gỗ công nhiều nhất, với 74% doanh nghiệp phản hồi rằng đã từng sử dụng gỗ nhóm này cho các hợp đồng mua sắm gỗ công. Các loại gỗ quý nhóm I-II từ rừng tự nhiên nhập khẩu mà doanh nghiệp thường sử dụng cho các hợp đồng mua sắm gỗ công là gỗ hương, cẩm lai, gỗ đồ, cẩm xe, chò, lim, mun, dổi, trắc, đinh, sến, táu, gụ...

Tỷ lệ doanh nghiệp từng sử dụng gỗ tự nhiên nhập khẩu thuộc nhóm III đến V tương đương (74%). Gần 11% doanh nghiệp còn lại sử dụng gỗ tạp và các loại gỗ khác.

Gỗ rừng tự nhiên nhập khẩu, đặc biệt là các loại gỗ quý có nguồn gốc từ các vùng nhiệt đới, có nguy cơ bất hợp pháp cao. Việc doanh nghiệp cung gỗ theo các hợp đồng mua sắm gỗ công sử dụng các loại gỗ này với tần suất cao cho thấy rủi ro về tính pháp lý của nguồn gỗ nguyên liệu trong đấu thầu công hiện nay là khá lớn. Đây là điều quan ngại trong thực trạng về mua sắm công và cần được kiểm soát ngay.

2.1.2. Nhóm gỗ rừng tự nhiên trong nước

Như đã đề cập, với các chính sách đóng cửa rừng tại Việt Nam như hiện nay, lượng gỗ rừng tự nhiên hợp pháp có nguồn gốc từ trong nước lưu thông trong thực tế là rất nhỏ. Nguồn gỗ này chủ yếu được khai thác từ các khu vực rừng chuyển đổi, thực hiện các dự án cơ sở hạ tầng như đường xá, thủy điện... Nói cách khác, gỗ rừng tự nhiên có nguồn gốc trong nước là nguồn gỗ có nguy cơ cao nhất về tính bất hợp pháp ở Việt Nam.

Về hiểu biết của doanh nghiệp đối với loại gỗ rừng tự nhiên cụ thể mà mình sử dụng, 67% trong tổng số 15 doanh nghiệp từng sử dụng nguồn gỗ này cho các hợp đồng mua sắm công cho biết mình hiểu rõ về loại gỗ rừng tự nhiên trong nước sử dụng trong các hợp đồng mua sắm công, 20% biết rõ trong hầu hết các hợp đồng, 13% còn lại chỉ biết về loại gỗ cụ thể trong một số ít các hợp đồng. Kết quả này cho thấy dường như ý thức của doanh nghiệp về tính bất hợp pháp của việc sử dụng gỗ nguyên liệu từ rừng tự nhiên trong nước là rất hạn chế.

Về loại gỗ rừng tự nhiên cụ thể mà doanh nghiệp sử dụng, trong 14 doanh nghiệp phản hồi về các loại gỗ mà mình sử dụng, có tới 50% doanh nghiệp cho biết từng sử dụng gỗ rừng tự nhiên nhóm I-II có nguồn gốc trong nước trong các hợp đồng mua sắm công. Có tới 79% doanh nghiệp phản hồi đã từng sử dụng gỗ trong nước nằm trong nhóm III-V và 29% doanh nghiệp sử dụng gỗ tạp. Con số 50% số doanh nghiệp phản hồi đã từng sử dụng gỗ quý nhóm I và II trong các dự án mua sắm công là con số đáng báo động, bởi mức độ rủi ro về tính pháp lý của các loại gỗ này là rất cao.

Các loại gỗ quý nhóm I-II từ rừng tự nhiên trong nước cụ thể mà doanh nghiệp thường sử dụng cho các hợp đồng mua sắm gỗ công là gỗ trắc, hương, gụ, gỗ, cẩm xe...

Mặc dù Khảo sát chỉ thực hiện với một nhóm nhỏ doanh nghiệp, tuy nhiên đây lại là nhóm có nhiều hợp đồng cung cấp gỗ cho các đơn vị sử dụng vốn Nhà nước, kết quả này ít nhiều phản ánh một thực tế đáng lo ngại: Có một tỷ lệ nhất định nguồn gỗ nguyên liệu sử dụng cho các hợp đồng mua sắm gỗ công có nguy cơ rất cao là gỗ bất hợp pháp.

2.2. Ý thức và mức độ quan tâm đến gỗ hợp pháp của các chủ thể

2.2.1. Về xuất phát điểm của các ý tưởng/yêu cầu về gỗ nguyên liệu

Ý tưởng về chủng loại và chất lượng gỗ trong các hợp đồng mua sắm công gỗ và các sản phẩm gỗ có thể xuất phát từ bên mời thầu, bên tư vấn hoặc từ gợi ý của doanh nghiệp thắng thầu cung cấp sản phẩm gỗ. Ý tưởng này được thể hiện thông qua các cách thức khác nhau, có thể là được nêu trong hồ sơ mời thầu, trong hợp đồng, thậm chí trong trao đổi chính thức/không chính thức giữa bên mời thầu và nhà thầu cung cấp gỗ.

Khi được hỏi về việc các ý tưởng về chủng loại, chất lượng gỗ xuất phát từ đâu, 80% trong tổng số 30 doanh nghiệp phản hồi câu hỏi này từng có hợp đồng trong đó các yêu cầu về chủng loại, chất lượng gỗ được nêu ngay trong Hồ sơ mời thầu/Hồ sơ yêu cầu/Bản yêu cầu báo giá. 43% doanh nghiệp cho biết đã từng nhận được yêu cầu về vấn đề này từ bên mời thầu đưa ra trong quá trình thương thảo, ký kết hợp đồng (trong trường hợp loại gỗ chưa được nêu trong hồ sơ mời thầu). 23% doanh nghiệp ghi nhận trường hợp loại gỗ nguyên liệu được xác định dựa trên yêu cầu của bên mời thầu dưới các hình thức không chính thức khác (ví dụ gợi ý qua trao đổi không chính thức với nhà thầu). Tuy nhiên, cũng có 33% doanh nghiệp từng đưa ra gợi ý cho bên mời thầu về loại gỗ nguyên liệu.

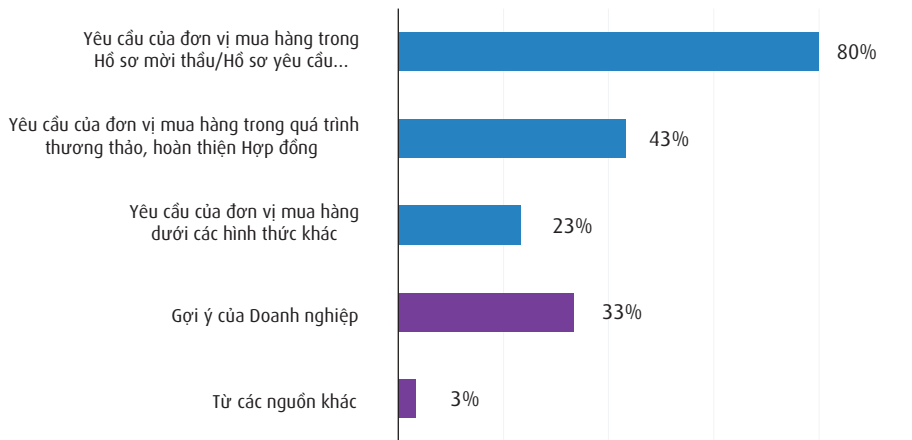
Kết quả này cho thấy một số thực tế đáng chú ý sau:

- Đơn vị mua sắm (bên mời thầu hoặc đơn vị tư vấn cho bên mời thầu) đóng vai trò chủ yếu trong quyết định về loại gỗ nguyên liệu trong các gói thầu mua sắm đồ gỗ. Như vậy, các nỗ lực nâng cao nhận thức và định hướng hành động mua sắm, bảo đảm đồ gỗ được mua sắm có nguồn gốc hợp pháp theo VPA/FLEGT cần tập trung trước hết vào nhóm các đơn vị mua sắm này.

Thêm nữa, ý tưởng của bên mời thầu về loại gỗ có thể xuất hiện trong nhiều giai đoạn của quá trình đấu thầu (cả trong tư vấn, lập hồ sơ mời thầu lẫn thương thảo, ký hợp đồng), dưới các hình thức cả chính thức (ghi rõ trong hồ sơ mời thầu) và không chính thức (trao đổi bên ngoài với bên mời thầu). Do đó việc kiểm soát, thúc đẩy các ý tưởng về loại gỗ nguyên liệu hợp pháp sẽ khó thành công nếu chỉ dừng lại ở giai đoạn chuẩn bị hồ sơ mời thầu mà còn trong toàn bộ quá trình đấu thầu.

- Nhà thầu có vai trò nhất định trong việc xác định loại gỗ nguyên liệu sử dụng trong các hợp đồng mua sắm gỗ công thông qua việc gợi ý cho bên mời thầu về loại gỗ thích hợp. Suy đoán rằng đây là các trường hợp mà bản thân bên mời thầu chưa có quyết định về loại gỗ cụ thể (trong hồ sơ mời thầu hoặc trong quá trình thương thảo hợp đồng).

Mặc dù chiếm tỷ lệ nhỏ nhiều (so với trường hợp ý tưởng từ bên mời thầu), nhà thầu có thể có vai trò nhất định trong quyết định cuối cùng về loại gỗ nguyên liệu sử dụng. Hơn nữa đây lại là chủ thể trực tiếp thực hiện cung cấp gỗ cho các hợp đồng mua sắm. Do đó, để bảo đảm gỗ hợp pháp trong thực tiễn mua sắm công, các nhà thầu (doanh nghiệp cung cấp gỗ) cũng là nhóm cần chú ý tập trung nâng cao nhận thức về gỗ hợp pháp.

Hình 16 - Ý tưởng về nguồn gỗ nguyên liệu sử dụng trong các hợp đồng mua sắm công gỗ

Với riêng gỗ quý nhóm I-II, là nhóm gỗ nguyên liệu có nguy cơ cao nhất về gỗ bất hợp pháp, Khảo sát đã hỏi các doanh nghiệp cụ thể hơn về ý tưởng sử dụng nhóm gỗ này. Kết quả cho thấy trong số 19 doanh nghiệp phản hồi với câu hỏi này, 79% doanh nghiệp từng có hợp đồng sử dụng gỗ quý nhóm I-II theo yêu cầu chủ động của các đơn vị mua sắm, trong khi chỉ có 42% doanh nghiệp từng gợi ý sử dụng gỗ quý. Có thể thấy với các trường hợp yêu cầu gỗ nguyên liệu loại quý nhóm II-II, ý tưởng chủ yếu xuất phát từ bên mời thầu.

Cũng liên quan tới vấn đề này, thông tin được chia sẻ thêm bởi các doanh nghiệp (trong Khảo sát và qua phỏng vấn trực tiếp) còn cho thấy có những trường hợp đơn vị mua sắm nhấn mạnh yêu cầu về gỗ quý thậm chí cả khi việc sử dụng các loại gỗ có giá trị cao này bị hạn chế/cấm gián tiếp bởi quy định của Nhà nước về định mức giá trị tối đa đối với mỗi loại thiết bị phục vụ hoạt động của các cơ quan, cán bộ Nhà nước. Cũng có trường hợp bên mời thầu có yêu cầu về gỗ nguyên liệu nhóm I-II trong khi giá trị gói thầu thấp – khiến yêu cầu này là không khả thi từ góc độ giá, và doanh nghiệp vẫn phải chấp nhận để được trúng gói thầu.

Với những trường hợp như vậy, hợp đồng mua sắm công gỗ không chỉ có rủi ro pháp lý về nguồn gỗ nguyên liệu, mà còn cả rủi ro vi phạm các quy định về tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị. Ví dụ, theo Bảng trích dẫn dưới đây ngoại trừ 04 vị trí lãnh đạo cao nhất của Bộ máy Nhà nước và Đảng, định mức cao nhất cho 01 bộ bàn ghế ngồi làm việc là 25 triệu đồng. Mức giá trị này thấp hơn rất nhiều so với giá thị trường của 01 bộ bàn ghế được làm từ gỗ nguyên liệu nhóm I-II.

Bảng – Trích một số định mức liên quan tới một số thiết bị có thể là sản phẩm gỗ

Tiêu chuẩn, định mức	Số lượng tối đa	Đơn giá tối đa (triệu đồng/ 1chiếc/bộ)
Máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến cho chức danh và phòng làm việc của chức danh		
1. Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam. 2. Chủ tịch nước. 3. Thủ tướng Chính phủ. 4. Chủ tịch Quốc hội.	Được trang bị theo yêu cầu công tác	
Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Phó Chủ tịch nước, Phó Thủ tướng Chính phủ, Phó Chủ tịch Quốc hội, Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, các chức danh tương đương và các chức danh có hệ số lương từ 10,4 trở lên		
Máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến cho chức danh (tính cho 01 người)		
1. Bộ bàn ghế ngồi làm việc	01 bộ	25
2. Tủ đựng tài liệu	01 chiếc	7
Máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến cho phòng làm việc của chức danh (tính cho 01 phòng làm việc)		
1. Bộ bàn ghế họp	01 bộ	25
2. Bộ bàn ghế tiếp khách	01 bộ	30
Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã và các chức danh tương đương		
Máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến cho chức danh (tính cho 01 người)		
1. Bộ bàn ghế ngồi làm việc	01 bộ	5
2. Tủ đựng tài liệu	01 chiếc	5

Nguồn: Quyết định 50/2017/QĐ-TTg quy định định mức, tiêu chuẩn sử dụng máy móc thiết bị

2.2.2. Mức độ quan tâm của bên mời thầu với vấn đề gỗ nguyên liệu hợp pháp

(i) Thông qua các yêu cầu về gỗ hợp pháp

Trả lời câu hỏi về việc bên mời thầu có yêu cầu về gỗ có nguồn gốc hợp pháp hay không, Khảo sát thu được kết quả từ 31 doanh nghiệp phản hồi câu hỏi này như sau:

- Có 58% doanh nghiệp cho biết bên mua sắm đặt ra yêu cầu này trong tất cả các hợp đồng của họ. Khoảng 6% doanh nghiệp cho biết bên mời thầu có yêu cầu này trong hầu hết các hợp đồng của mình;
- Có 16% doanh nghiệp phản hồi cho biết có hợp đồng yêu cầu về nguồn gốc hợp pháp của gỗ, có hợp đồng lại không.
- Có 13% doanh nghiệp cho biết rất ít hợp đồng mà họ tham gia có yêu cầu này.
- Có 6% doanh nghiệp (02 doanh nghiệp) cho biết họ chưa từng được yêu cầu về gỗ có nguồn gốc hợp pháp trong các hợp đồng của mình.

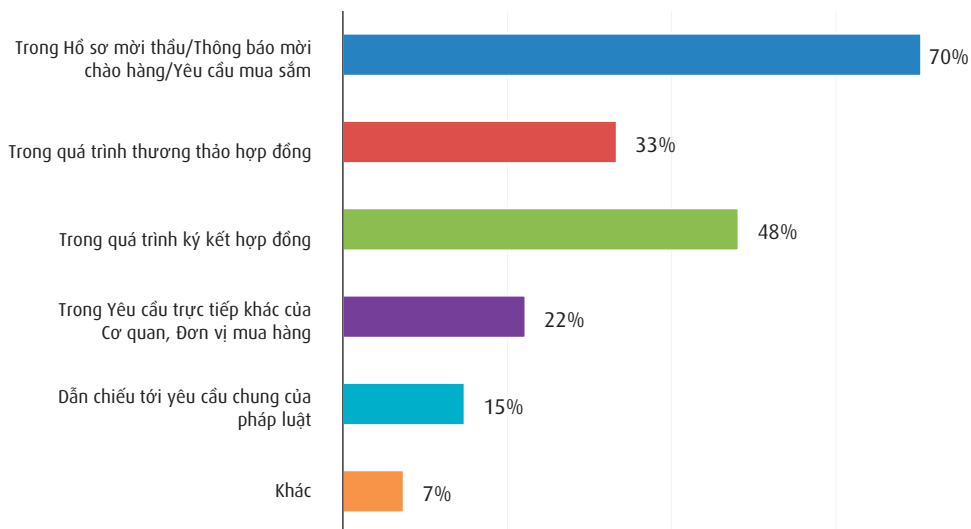
Mặc dù tỷ lệ các hợp đồng mà bên mời thầu có yêu cầu dùng gỗ hợp pháp trong Khảo sát này khá cao, vẫn có một số khía cạnh gây quan ngại:

- Hai doanh nghiệp chưa từng được yêu cầu về gỗ hợp pháp lại là hai doanh nghiệp nằm trong топ các doanh nghiệp có số lượng hợp đồng cung cấp gỗ cho các đơn vị sử dụng vốn Nhà nước lớn nhất trong nhóm tham gia Khảo sát. Với quy mô như vậy, việc các doanh nghiệp này không nhận được yêu cầu của bên mời thầu về gỗ hợp pháp là rất đáng chú ý;
- Một số doanh nghiệp có thể nhận định nhầm lẫn rằng yêu cầu “gỗ có nguồn gốc hợp pháp” tương đương với yêu cầu “hàng hóa có nguồn gốc xuất xứ hợp pháp, rõ ràng”. “Xuất xứ rõ ràng, hợp pháp” là quy định cứng của pháp luật đấu thầu, nằm trong Mẫu hồ sơ mời thầu bắt buộc, do đó xuất hiện trong hầu hết các hồ sơ mời thầu/hồ sơ mời chào hàng. Nói cách khác, nếu không có hiểu biết sâu về gỗ hợp pháp, các doanh nghiệp rất dễ đánh đồng yêu cầu về “gỗ nguyên liệu hợp pháp” với yêu cầu “xuất xứ hợp pháp”²⁰ của sản phẩm gỗ thành phẩm.

Khi được hỏi về cách thức thể hiện của yêu cầu về gỗ hợp pháp, 70% doanh nghiệp trong số tổng số 27 doanh nghiệp phản hồi câu hỏi này cho biết các yêu cầu này thể hiện trong hồ sơ mời thầu, thông báo chào hàng hay yêu cầu mua sắm. Trong khi đó, theo kết quả rà soát 100 bộ hồ sơ mời thầu, chỉ có 4% các hồ sơ mời thầu có yêu cầu gỗ phải bảo đảm tính hợp pháp – một tỷ lệ rất nhỏ, hầu như là bất đối xứng so với con số 70% từ Khảo sát doanh nghiệp. Điều này dường như cho thấy một số doanh nghiệp tham gia Khảo sát có thể đã có nhầm lẫn giữa yêu cầu bắt buộc về xuất xứ hợp pháp của hàng hóa với yêu cầu cụ thể về gỗ nguyên liệu hợp pháp.

Cũng có thể có một lý do khác ít nhiều giải thích cho dữ liệu có vẻ như mâu thuẫn này. Cụ thể, liên quan tới hình thức thể hiện của yêu cầu về gỗ hợp pháp, ngoài các yêu cầu nêu trực tiếp trong hồ sơ mời thầu, 48% doanh nghiệp cho biết đã từng nhận được yêu cầu về gỗ hợp pháp trong quá trình ký kết hợp đồng, 22% nhận được yêu cầu này của đơn vị mua sắm dưới các dạng thức khác. Như vậy, có thể có một số trường hợp bên mời thầu có yêu cầu về gỗ hợp pháp mặc dù không thể hiện trong hồ sơ mời thầu.

Hình 17 - Cách thức yêu cầu về gỗ hợp pháp trong các gói thầu mua sắm gỗ công



20. Theo Điều 15 Nghị định 43/2017/NĐ-CP thì xuất xứ của hàng hóa chỉ liên quan tới nơi sản xuất, chế tạo ra hàng hóa (theo lãnh thổ quốc gia)

(ii) Thông qua yêu cầu về các bằng chứng chứng minh gỗ hợp pháp

Phản hồi của doanh nghiệp trước câu hỏi về các bằng chứng mà doanh nghiệp thực tế phải dùng để chứng minh gỗ hợp pháp cho thấy mức độ quan tâm nhất định của bên mời thầu về các khía cạnh khác nhau trong tính hợp pháp của gỗ nguyên liệu

● **Về khía cạnh khai thác**

Trong tổng số 26 doanh nghiệp phản hồi ở câu hỏi này, có 50% doanh nghiệp cho biết bằng họ phải cung cấp các giấy tờ như giấy phép khai thác, bảng kê làm sản, giấy chứng nhận xuất xứ để chứng minh tính hợp pháp của gỗ nguyên liệu từ góc độ khai thác.

Các giấy tờ này đều là bằng chứng pháp lý quan trọng, chứng minh cho tính hợp pháp của gỗ nguyên liệu, ngoại trừ “giấy chứng nhận xuất xứ” (lý do là giấy chứng nhận này chỉ cho phép xác định xuất xứ về mặt lãnh thổ nơi gỗ được khai thác mà không liên quan trực tiếp tới tính hợp pháp của nguyên liệu gỗ. Nói cách khác, giấy chứng nhận xuất xứ không cho phép khẳng định tính hợp pháp của nguồn gỗ nguyên liệu).

● **Về khía cạnh chủ thể kinh doanh**

Khoảng 54% doanh nghiệp cho biết từng cung cấp bằng chứng bao gồm giấy đăng ký kinh doanh, chứng chỉ quản lý chuỗi cung bền vững...

Tuy nhiên, như trong phần phản hồi của doanh nghiệp về các loại chứng chỉ mà doanh nghiệp có (tại phần chung của Khảo sát), chỉ duy nhất một doanh nghiệp có chứng chỉ quản lý chuỗi cung bền vững (FSC). Điều này có nghĩa rằng hầu hết các doanh nghiệp chỉ có giấy đăng ký kinh doanh và một số giấy phép hoạt động khác chứ không có giấy chứng nhận quản lý chuỗi cung bền vững.

Giấy đăng ký kinh doanh là loại giấy tờ cơ bản mà bất kỳ doanh nghiệp nào cũng phải có khi thành lập doanh nghiệp. Đây cũng là loại giấy tờ bắt buộc theo quy định của pháp luật đấu thầu. Giấy phép hoạt động là một số loại giấy phép con, cấp cho doanh nghiệp hoạt động trong một số lĩnh vực đặc thù, ví dụ trùng tu di tích hay sản xuất một số loại sản phẩm đặc thù. Nhìn chung, các loại giấy tờ này có thể chứng minh tính hợp pháp của gỗ về mặt chủ thể (chủ thể được phép thực hiện hoạt động kinh doanh gỗ). Tuy nhiên, hai loại giấy tờ này chưa cho phép bảo đảm gỗ nguyên liệu là hợp pháp.

● **Về khía cạnh thuế, phí, giao dịch mua bán**

54% doanh nghiệp cho biết họ được yêu cầu cung cấp bằng chứng về việc hoàn thành các nghĩa vụ thuế, phí thông qua các hóa đơn, phiếu thu....

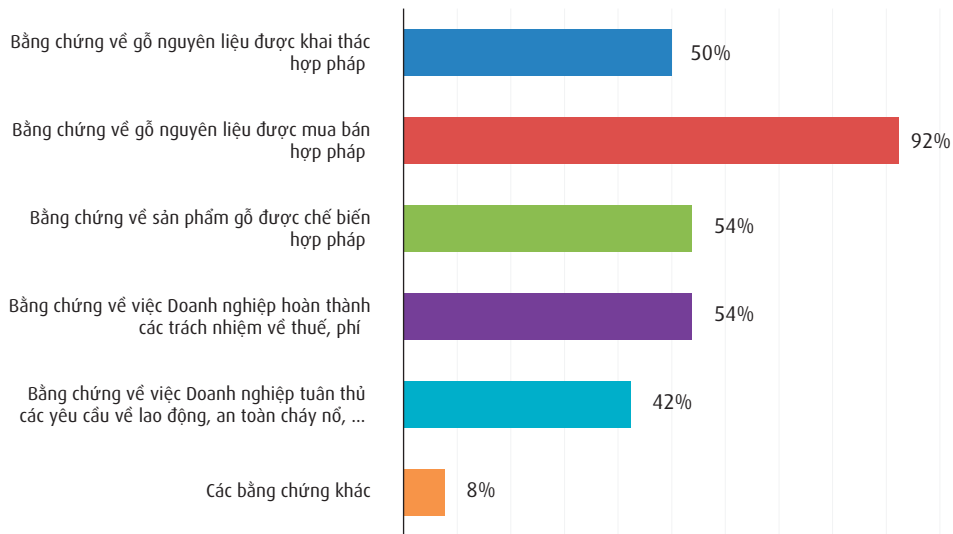
Khoảng 92% trong tổng số doanh nghiệp phản hồi cho biết họ được yêu cầu cung cấp bằng chứng về gỗ nguyên liệu được mua bán hợp pháp. Bằng chứng bao gồm hóa đơn, chứng từ, hợp đồng mua bán. Theo các doanh nghiệp này, các bằng chứng bao gồm hợp đồng mua bán, hóa đơn, chứng từ...Con số 92% cao hơn rất nhiều so với tỉ trọng phản hồi của các doanh nghiệp về các khía cạnh bằng chứng về gỗ khai thác hợp pháp, chế biến và thương mại hợp pháp. Điều này có nghĩa rằng các đơn vị mời thầu quan tâm nhiều về tuân thủ pháp luật về giao dịch thương mại hơn là các khía cạnh pháp lý khác.

● **Về khía cạnh phát triển bền vững**

42% doanh nghiệp cho biết đã xuất trình cho đơn vị mua sắm các giấy tờ để chứng minh gỗ sản xuất hợp pháp phù hợp với các quy định về xã hội, môi trường, lao động (ví dụ về hợp đồng lao động, chứng nhận phương án phòng cháy chữa cháy, giấy tờ chứng nhận, xác nhận về môi trường...).

Tỷ lệ này thấp nhất trong số các loại giấy tờ thường được sử dụng làm bằng chứng chứng minh gỗ có nguồn gốc hợp pháp. Tỷ lệ thấp này một phần bởi một số các doanh nghiệp chuyên làm thương mại mà không trực tiếp sản xuất nên không có các giấy tờ về lao động và môi trường nghề gỗ. Tuy nhiên, con số này cũng có thể phản ánh thực tế là các khía cạnh về xã hội và môi trường chưa nhận được nhiều quan tâm từ các đơn vị mời thầu.

Hình 18 - Các bằng chứng về gỗ hợp pháp mà Doanh nghiệp cung cấp cho Bên mời thầu



Có 27% doanh nghiệp cho biết thường cung cấp tất cả các loại giấy tờ đề cập ở trên. Từ góc độ định nghĩa gỗ hợp pháp theo VPA/FLEGT thì đây chính là các doanh nghiệp đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về gỗ có nguồn gốc hợp pháp. Tỷ lệ này, vì vậy, có thể coi là rất tích cực.

(iii) Thông qua yêu cầu về kiểm soát gỗ hợp pháp khi nghiệm thu, thanh lý hợp đồng

Kiểm soát về việc đáp ứng yêu cầu gỗ hợp pháp khi nghiệm thu, thanh lý hợp đồng là cơ chế quan trọng để đảm bảo doanh nghiệp cung sản phẩm đúng với yêu cầu của hợp đồng.

Kết quả Khảo sát về *cách thức mà các đơn vị mời thầu kiểm soát về gỗ hợp pháp khi nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mua sắm công gỗ* cho thấy một thực tế khá tích cực: Trong số 27 doanh nghiệp phản hồi, có tới 74% cho biết bên mời thầu có kiểm tra vấn đề gỗ hợp pháp khi nghiệm thu sản phẩm.

Cụ thể hơn, theo các doanh nghiệp, việc kiểm soát này của bên mời thầu thể hiện phần lớn thông qua việc yêu cầu doanh nghiệp xuất trình các giấy tờ chứng minh nguồn gốc gỗ sử dụng (85% các trường hợp), yêu cầu doanh nghiệp cam kết về nguồn gốc hợp pháp của gỗ nguyên liệu (60%), yêu cầu doanh nghiệp giải trình cụ thể về nguồn gốc gỗ sử dụng (50%).

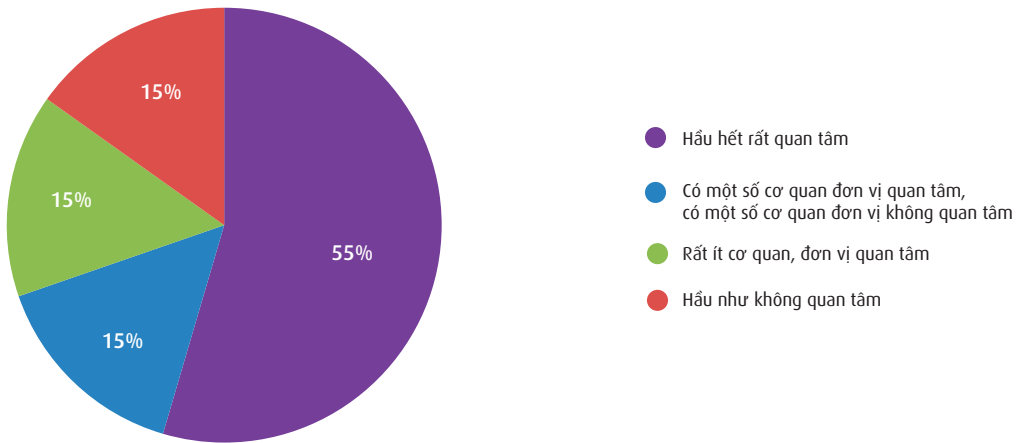
Các con số này cho thấy thực tiễn hoạt động kiểm tra tính hợp pháp gỗ trong khâu nghiệm thu hợp đồng tương đối khác biệt so với quy định pháp luật đấu thầu và thực tế các hồ sơ mời thầu. Cụ thể, theo kết quả rà soát 100 hồ sơ mời thầu tại Hợp phần 2 của Nghiên cứu này, các mẫu hợp đồng đính kèm hồ sơ mời thầu đều không có yêu cầu cụ thể về việc kiểm soát nguồn gốc gỗ hợp pháp khi nghiệm thu. Từ đây có thể thấy mức độ quan tâm về gỗ hợp pháp của các đơn vị mời thầu trên thực tế dường như cao hơn, thể hiện phong phú hơn nhiều so với các yêu cầu cứng trong hồ sơ mời thầu.

(iv) Từ cảm nhận của doanh nghiệp cung cấp gỗ

Với tính chất là nhà thầu trực tiếp tiếp nhận các yêu cầu và chịu sự kiểm soát của bên mời thầu, cảm nhận của doanh nghiệp cung cấp gỗ trong các hợp đồng mua sắm gỗ công sẽ bổ sung cái nhìn đầy đủ hơn về mức độ quan tâm tới gỗ hợp pháp nói chung của bên mời thầu. Vì vậy, Khảo sát đặt câu hỏi cho doanh nghiệp để tìm hiểu về đánh giá của họ về vấn đề này.

Kết quả cho thấy 55% doanh nghiệp trong tổng số 33 doanh nghiệp phản hồi câu hỏi này cho biết họ cảm thấy các đơn vị mua hàng quan tâm tới vấn đề này trong hầu hết các hợp đồng mà doanh nghiệp thực hiện. Còn lại (45%) cho biết có một số đơn vị mua hàng quan tâm, một số đơn vị không (15%); hoặc rất ít đơn vị quan tâm (15%), thậm chí hầu như không đơn vị mời thầu nào không quan tâm (15%). Rõ ràng là vẫn còn không ít các đơn vị sử dụng vốn Nhà nước mua sản phẩm gỗ chưa thực sự quan tâm đến tính hợp pháp của gỗ.

Hình 19 - Đánh giá chung về mức độ quan tâm tới gỗ hợp pháp của bên mời thầu



Từ các kết quả Khảo sát trên, có thể thấy ít nhất đối với các đơn vị sử dụng vốn Nhà nước đã từng mua sắm đồ gỗ từ nhóm doanh nghiệp tham gia Khảo sát, các “khách hàng Nhà nước” này đã có sự quan tâm nhất định với vấn đề gỗ hợp pháp. Sự quan tâm này thể hiện ở cả khía cạnh cốt lõi (gỗ nguyên liệu) lẫn các khía cạnh liên quan (quá trình sản xuất, chế biến, giao dịch sản phẩm gỗ); cả trong yêu cầu đặt hàng lẫn trong quá trình nghiệm thu hợp đồng.

Mặc dù vậy, trong tổng thể, vẫn có một tỷ lệ không nhỏ các đơn vị mua sắm ít quan tâm hoặc hầu như không quan tâm tới vấn đề gỗ hợp pháp. Điều này dẫn tới tỷ lệ rủi ro tương ứng về tính hợp pháp của sản phẩm gỗ mà các đơn vị này mua sắm. Vì vậy, trong bối cảnh mới - VPA/FLEGT chính thức có hiệu lực với Việt Nam, cần thiết phải có biện pháp nâng cao nhận thức, và tiếp đó là hành động của các đơn vị mời thầu mua sắm gỗ về vấn đề gỗ hợp pháp.

2.2.3. Về mức độ quan tâm của nhà thầu đối với vấn đề tính hợp pháp của gỗ

Thực thi gỗ hợp pháp chỉ thành công nếu có sự quan tâm của cả hai phía: nhà cung cấp và khách hàng. Trong khi yêu cầu của khách hàng là sức ép buộc các nhà cung cấp phải thực thi gỗ hợp pháp trong từng giao dịch cụ thể, thì sự tự nguyện của nhà cung cấp lại là yếu tố để bảo đảm tính bền vững của việc thực thi gỗ hợp pháp này.

Vì vậy, bên cạnh việc tìm hiểu mức độ quan tâm của “khách hàng Nhà nước” về gỗ hợp pháp, Khảo sát cũng tìm hiểu mức độ quan tâm thực hiện tự nguyện của các doanh nghiệp cung cấp gỗ trong các hợp đồng mua sắm công về vấn đề này, thông qua việc tìm hiểu về các loại giấy tờ chứng minh gỗ hợp pháp mà doanh nghiệp chủ động tập hợp, lưu giữ (mà không phải vì yêu cầu bắt buộc của bên mời thầu). Từ góc độ của doanh nghiệp, các giấy tờ này là điều kiện tiên quyết giúp doanh nghiệp chứng minh cho các hoạt động hợp pháp của mình, trong đó bao gồm hợp pháp về gỗ nguyên liệu.

(i) Về việc lưu giữ các chứng từ về gỗ nguyên liệu

Trong các thành tố của gỗ hợp pháp, *gỗ nguyên liệu có nguồn gốc hợp pháp* là phần cốt lõi. Khảo sát đã đặt câu hỏi cho doanh nghiệp về thực tiễn lưu giữ các giấy tờ, thông tin liên quan tới nguồn gốc và chủng loại gỗ nguyên liệu của họ.

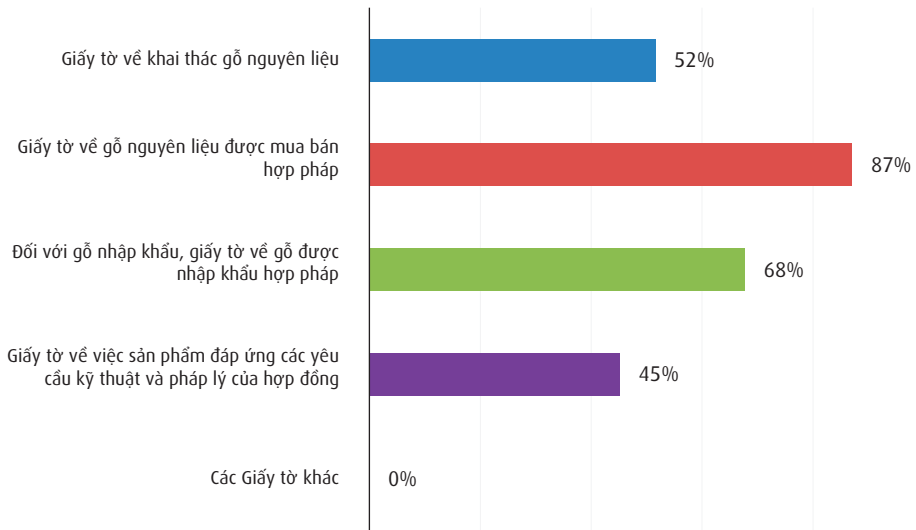
Kết quả cho biết có tới 94% doanh nghiệp có lưu giữ các chứng từ chứng minh nguồn gốc và chủng loại gỗ nguyên liệu đã sử dụng cho các gói thầu mua sắm gỗ công. Số này lớn hơn đáng kể so với con số 81% doanh nghiệp lưu giữ các giấy tờ khác liên quan tới việc kinh doanh sản phẩm gỗ. Điều này cho thấy ít nhất với nhóm doanh nghiệp khảo sát, việc chứng minh gỗ mình sử dụng là hợp pháp thậm chí còn quan trọng hơn việc chứng minh tuân thủ pháp luật về các khía cạnh khác. Đây là một tín hiệu tích cực, đồng thời cũng có thể phản ánh thực tiễn quản lý về gỗ nguyên liệu sát sao hơn so với quản lý về các khía cạnh khác trong ngành sản xuất chế biến gỗ.

Tuy nhiên cũng lưu ý rằng vẫn có 2 doanh nghiệp (6%) không lưu giữ chứng từ về tính hợp pháp của gỗ nguyên liệu. Điều này có nghĩa là doanh nghiệp có thể sẽ không chứng minh được tính hợp pháp của sản phẩm gỗ của mình. Trong bối cảnh VPA/FLEGT có hiệu lực, các doanh nghiệp này và sản phẩm gỗ họ cung cấp cho các đơn vị mua sắm công có nguy cơ cao bị coi là gỗ bất hợp pháp theo Hiệp định.

Trong số 31 doanh nghiệp có lưu giữ chứng từ về nguồn gốc và chủng loại gỗ nguyên liệu, 81% cho biết việc lưu giữ này một phần là do bản thân doanh nghiệp thấy cần thiết. 61% lưu giữ một phần để phục vụ cho các hoạt động thanh quyết toán. Chỉ có 26% cho biết việc lưu giữ các chứng từ này là do đơn vị mua hàng yêu cầu. Các số liệu này cho thấy sự quan tâm của doanh nghiệp với các vấn đề liên quan tới nguồn gốc, chủng loại của gỗ nguyên liệu chủ yếu xuất phát từ chính nhận thức của doanh nghiệp. Việc lưu giữ các chứng từ do yêu cầu từ bên mua sắm, bên thanh toán... chỉ đứng vị trí thứ yếu. Đây là một tín hiệu đáng mừng cho thấy có cơ sở để tin tưởng rằng việc thực thi pháp luật về gỗ nguyên liệu có thể thực hiện tốt từ chính bản thân các doanh nghiệp.

Về loại giấy tờ cụ thể về nguồn gốc và chủng loại gỗ nguyên liệu mà doanh nghiệp lưu giữ, 87% doanh nghiệp có lưu giữ giấy tờ chứng minh gỗ nguyên liệu được mua bán hợp pháp, 68% có lưu giữ giấy tờ chứng minh việc gỗ nhập khẩu hợp pháp, 52% lưu giữ giấy tờ về việc khai thác gỗ nguyên liệu. Việc hỏi rõ về loại giấy tờ mà doanh nghiệp lưu giữ là cách thức để xác minh doanh nghiệp có thực sự hiểu đúng về các giấy tờ chứng minh nguồn gốc hợp pháp của gỗ không. Và với kết quả này, có thể khẳng định doanh nghiệp thực sự quan tâm tới vấn đề gỗ nguyên liệu hợp pháp theo đúng nghĩa của nó.

Hình 20 - Các loại giấy tờ chứng minh nguồn gốc, chủng loại gỗ nguyên liệu mà doanh nghiệp lưu giữ



Mối quan tâm của doanh nghiệp về gỗ nguyên liệu hợp pháp cũng được thể hiện khá rõ qua những chia sẻ của doanh nghiệp. Cụ thể, khi được hỏi chung về khó khăn mà doanh nghiệp gặp phải trong sản xuất kinh doanh nói chung và cung cấp các sản phẩm gỗ cho khách hàng Nhà nước nói riêng, nhiều doanh nghiệp chia sẻ mối bận tâm lớn nhất của họ là nguồn gỗ nguyên liệu hợp pháp cho sản xuất. Theo các doanh nghiệp này, nguồn gỗ nguyên liệu hợp pháp, với đầy đủ giấy tờ chứng minh, là tương đối khan hiếm, khó tiếp cận, giá cả lại cao, khiến chi phí sản xuất tăng đáng kể. Mặc dù vậy, họ vẫn phải chấp nhận thực tiễn này bởi vẫn phải luôn bảo đảm gỗ nguyên liệu là hợp pháp. Một số doanh nghiệp còn cho biết một số đơn vị mời thầu yêu cầu các loại gỗ quý mà doanh nghiệp khó có thể đáp ứng do rủi ro cao về gỗ bất hợp pháp.

(ii) Về việc lưu giữ các chứng từ khác liên quan tới hoạt động sản xuất kinh doanh gỗ

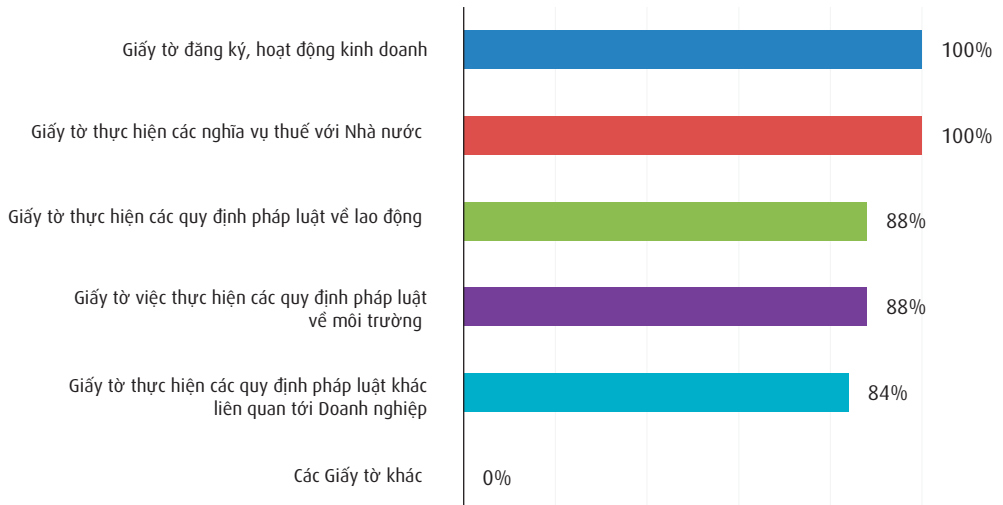
Kết quả khảo sát về mức độ quan tâm và lưu giữ các chứng từ chứng minh hoạt động mua bán, vận chuyển, sản xuất và giao dịch sản phẩm gỗ của doanh nghiệp cũng cho kết quả khá tích cực.

81% doanh nghiệp cho biết họ có lưu giữ các giấy tờ chứng minh việc tuân thủ các quy định pháp luật liên quan tới hoạt động sản xuất kinh doanh gỗ của doanh nghiệp. Điều gây ngạc nhiên nằm ở nhóm 19% doanh nghiệp không lưu giữ loại giấy tờ nào. Với các doanh nghiệp này, không lưu giữ bất kỳ loại giấy tờ nào đồng nghĩa với việc họ rất khó chứng minh hoạt động kinh doanh của mình là hợp pháp, đồng thời cũng khó chứng minh tính hợp pháp của sản phẩm gỗ do mình sản xuất ra.

Đối với nhóm 25 doanh nghiệp phản hồi có lưu giữ các chứng từ khác, khi được hỏi về lý do lưu giữ, 100% doanh nghiệp cho rằng tự bản thân họ thấy cần phải lưu giữ. 56% cho biết việc lưu giữ cũng xuất phát một phần từ yêu cầu của pháp luật. Và chỉ có 24% lưu giữ một phần vì các đơn vị mua sắm công yêu cầu. Như vậy, có thể thấy việc lưu giữ các chứng từ chứng minh tuân thủ pháp luật về hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu là từ nhu cầu tự thân của doanh nghiệp – không phải từ yêu cầu của đơn vị mua sắm công. Kết quả này cũng khá tương đồng với kết quả rà soát 100 hồ sơ mời thầu trong Hợp phần 2 của Nghiên cứu này, theo đó chỉ có 4% hồ sơ trong đó bên mời thầu yêu cầu doanh nghiệp phải tuân thủ các quy định pháp luật khác như thuế, môi trường...

Về loại giấy tờ lưu giữ, 100% lưu giữ giấy tờ liên quan tới việc đăng ký kinh doanh và việc nộp thuế. 88% lưu giữ các giấy tờ chứng minh việc tuân thủ pháp luật lao động và môi trường. 84% lưu giữ cả các giấy tờ khác về việc thực thi các quy định pháp luật khác.

Hình 21 - Các loại giấy tờ về hoạt động sản xuất chế biến gỗ mà doanh nghiệp lưu giữ



Tóm lại, liên quan tới mức độ quan tâm của doanh nghiệp với vấn đề gỗ hợp pháp, Khảo sát cho một bức tranh nhiều mảng sáng mà ở đó phần lớn các doanh nghiệp đã có sự quan tâm tích cực và chủ động tới việc bảo đảm gỗ nguyên liệu có nguồn gốc hợp pháp, bảo đảm tuân thủ các quy định pháp luật khác liên quan tới hoạt động sản xuất, chế biến, kinh doanh đồ gỗ. Đây là cơ sở tốt và khả thi để thực hiện yêu cầu về gỗ hợp pháp của VPA/FLEGT trong khu vực mua sắm công nói riêng và trong thị trường gỗ nói chung. Tuy nhiên, vẫn có một số doanh nghiệp chưa chủ động quan tâm tới vấn đề này, trong khi các đơn vị mời thầu cũng chưa đặt ra các yêu cầu liên quan với doanh nghiệp. Thực tế này cho thấy việc thực hiện đầy đủ các cam kết VPA/FLEGT trong thời gian tới từ góc độ chủ động của doanh nghiệp kinh doanh gỗ sẽ không hoàn toàn dễ dàng.

IV.

Về kết quả Khảo sát doanh nghiệp về nhận thức về VPA/FLEGT và yêu cầu gỗ hợp pháp trong Hiệp định này

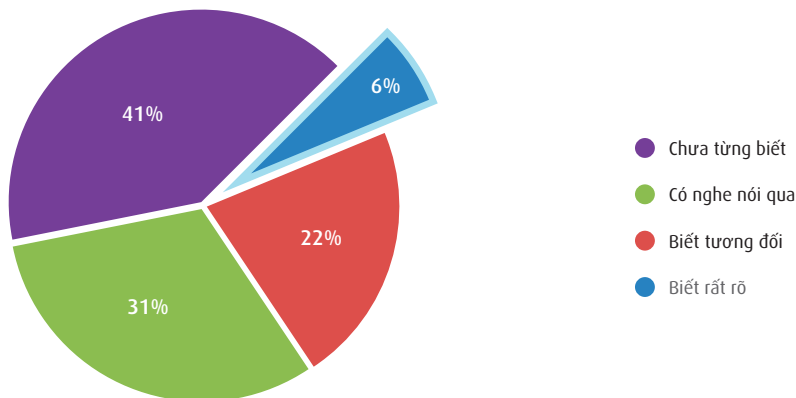
Bên cạnh việc tìm kiếm thông tin về thực trạng thực hiện gỗ hợp pháp trong các gói thầu mua sắm gỗ công, Khảo sát còn đánh giá nhận thức của doanh nghiệp đã và đang cung sản phẩm gỗ cho các dự án sử dụng ngân sách về VPA/FLEGT.

Tuy nhóm doanh nghiệp tham gia Khảo sát tương đối ít về số lượng, và chỉ giới hạn ở những doanh nghiệp đã từng cung cấp gỗ cho các gói thầu công, hiện trạng nhận thức của nhóm này về VPA/FLEGT có giá trị tham khảo nhất định, đặc biệt khi đây là nhóm suy đoán có nhận thức tương đối cao về gỗ hợp pháp so với mặt bằng chung của các doanh nghiệp gỗ tiêu thụ nội địa (suy đoán xuất phát từ kết quả trình bày ở phần trên).

1. Về nhận thức chung của doanh nghiệp với VPA/FLEGT

Trả lời câu hỏi “doanh nghiệp có biết về Hiệp định VPA/FLEGT giữa Việt Nam và EU về Thực thi quản trị rừng và thương mại gỗ hợp pháp không”, 41% trong tổng số 32 doanh nghiệp phản hồi cho biết họ hoàn toàn không biết về Hiệp định này. 31% trong tổng số cho biết họ chỉ mới nghe qua mà chưa biết cụ thể hơn. Nếu kết hợp hai nhóm này thì có tới 72% doanh nghiệp hầu như không biết về các cam kết VPA/FLEGT. Chỉ có 22% doanh nghiệp biết tương đối về VPA/FLEGT và 6% biết rõ về Hiệp định này.

Hình 22 - Nhận thức của Doanh nghiệp về VPA/FLEGT



So với tỷ lệ nhận biết của các doanh nghiệp về các Hiệp định mở cửa thương mại có tác động toàn diện như các Hiệp định Thương mại tự do (FTA) thì tỷ lệ “không biết” 72% này là đặc biệt cao. Mặc dù vậy, với một Hiệp định chuyên biệt, tỷ lệ này có lẽ là bình thường trong nhóm doanh nghiệp mà có tới 61% hoàn toàn chỉ sản xuất, kinh doanh phục vụ thị trường nội địa như nhóm này, và do đó có rất ít lý do để quan tâm tới các Hiệp định quốc tế trong ngành mà suy đoán thông thường là liên quan tới “xuất khẩu”.

Có thể có băn khoăn là tại sao tỷ lệ các doanh nghiệp không biết về VPA/FLEGT cao như vậy trong khi chính các doanh nghiệp này lại có quan tâm và bước đầu thực hiện với mức độ tương đối tốt các yêu cầu về gỗ hợp pháp theo Hiệp định này trong các gói thầu công mà họ tham gia (như kết quả Khảo sát trình bày ở trên). Thực tế, điều tưởng như “bất thường” này hoàn toàn có thể lý giải ở việc: định nghĩa gỗ hợp pháp trong VPA/FLEGT không đặt thêm yêu cầu gì ngoài việc gỗ nguyên liệu và sản xuất phù hợp với pháp luật hiện hành của nước liên quan. Và thực tế thực hiện gỗ hợp pháp trong các gói thầu công của doanh nghiệp thời gian qua có lẽ đơn thuần là để thực hiện các quy định trong nước về gỗ nguyên liệu và sản xuất chế biến gỗ.

Thực tế này cũng cho một gợi ý có ý nghĩa về cách thức và chủ đề tuyên truyền phổ biến về gỗ hợp pháp trong VPA/FLEGT: Các nỗ lực phổ biến tuyên truyền về VPA/FLEGT thay vì nói về nội dung các cam kết trong VPA/FLEGT (như phổ biến các FTA nói chung), có lẽ nên tập trung nhiều hơn vào phổ biến về các thay đổi/đòi hỏi trong pháp luật nội địa (trong nội dung quy định cũng như cơ chế thực hiện) - VPA/FLEGT có thể chỉ cần giới thiệu như là một lý do/căn cứ mà thôi.

2. Hiểu biết của doanh nghiệp về yêu cầu gỗ hợp pháp trong VPA/FLEGT

Để nhận diện rõ hơn về hiểu biết của doanh nghiệp liên quan tới nội dung cam kết cốt lõi trong VPA/FLEGT – gỗ hợp pháp, Khảo sát đã hỏi doanh nghiệp về hiểu biết của họ đối với 03 khía cạnh nội dung quan trọng của cam kết này, bao gồm:

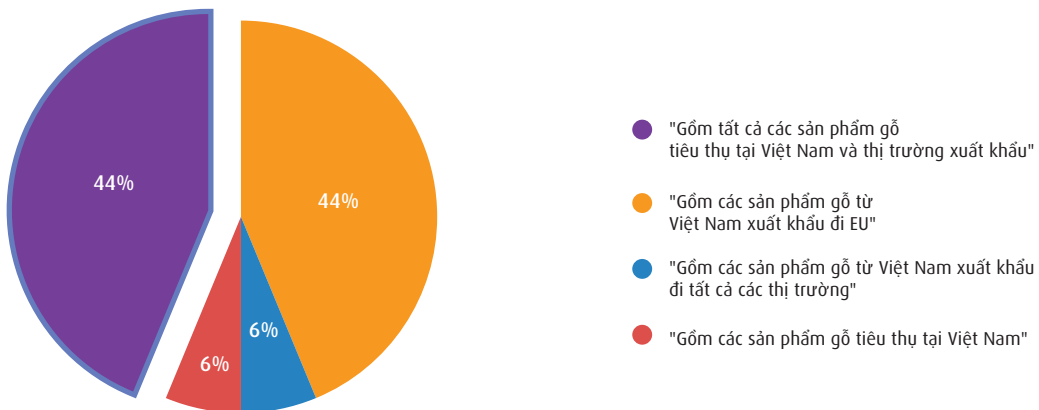
1. Đối tượng áp dụng: Gỗ và sản phẩm gỗ tiêu thụ ở thị trường nào
2. Hệ thống pháp luật: Cần tuân thủ về hệ thống pháp luật của nước nào
3. Các lĩnh vực pháp luật: Cần tuân thủ các quy định pháp luật nào trong hệ thống pháp luật liên quan

Liên quan tới hiểu biết về đối tượng áp dụng của VPA/FLEGT, trong số 16 doanh nghiệp phản hồi, 44% đã hiểu đúng, theo đó yêu cầu gỗ hợp pháp trong VPA/FLEGT áp dụng cho tất cả gỗ và các sản phẩm gỗ tiêu thụ tại Việt Nam cũng như xuất khẩu đi bất kỳ thị trường nào. Đây có thể xem như một dấu hiệu cho thấy các doanh nghiệp dù chưa biết rõ về VPA/FLEGT nhưng đã bước đầu có hiểu đúng về xu hướng của gỗ hợp pháp.

Tuy nhiên, một tỷ lệ tương tự (44%) lại lựa chọn “VPA/FLEGT áp dụng cho gỗ và các sản phẩm gỗ xuất khẩu đi EU”. Điều này cho thấy cách hiểu nhầm lẫn này là khá phổ biến, nhất là với các doanh nghiệp chỉ nghe nói về VPA/FLEGT – một Hiệp định về gỗ giữa Việt Nam với EU, thậm chí là với các doanh nghiệp biết nhiều hơn một chút, về giấy phép FLEGT cho gỗ xuất khẩu đi EU chẳng hạn. Từ góc độ tuyên truyền phổ biến VPA/FLEGT, thực tế này cho thấy việc làm rõ ngay từ đầu phạm vi đối tượng áp dụng của yêu cầu về gỗ hợp pháp trong VPA/FLEGT – tất cả gỗ và sản phẩm gỗ sản xuất kinh doanh ở Việt Nam, không phụ thuộc vào thị trường tiêu thụ.

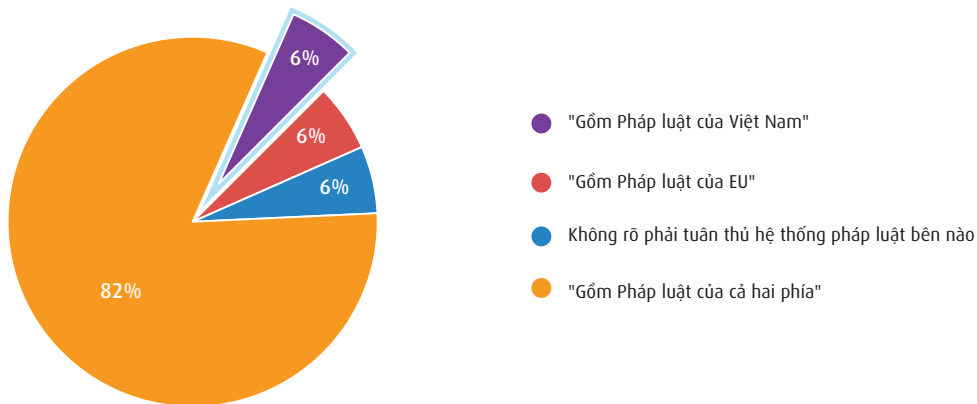
Tính chung tất cả các trường hợp hiểu sai về phạm vi áp dụng của VPA/FLEGT (lựa chọn VPA/FLEGT chỉ áp dụng cho “sản phẩm gỗ xuất khẩu đi EU”, hoặc “sản phẩm gỗ xuất khẩu đi tất cả các thị trường” hoặc “sản phẩm gỗ tiêu thụ tại Việt Nam”) thì tỷ lệ hiểu sai lên tới 56%. Con số này phần nào cho thấy thách thức trong thực thi VPA/FLEGT ở Việt Nam sẽ là rất lớn, và có rất nhiều việc phải làm, đặc biệt trong tuyên truyền phổ biến về VPA/FLEGT trong thời gian tới cho các doanh nghiệp và chủ thể hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực gỗ.

Hình 23 - Hiểu biết của Doanh nghiệp về phạm vi các sản phẩm gỗ phải đáp ứng yêu cầu gỗ hợp pháp theo VPA/FLEGT



Liên quan tới hiểu biết về hệ thống pháp luật cần tuân thủ về gỗ hợp pháp, chỉ có 6% doanh nghiệp lựa chọn chuẩn xác – hệ thống pháp luật cần tuân thủ để đáp ứng gỗ hợp pháp trong trường hợp của họ là hệ thống pháp luật Việt Nam. Tuy nhiên, nếu tính cả các trường hợp lựa chọn “thừa” – hệ thống pháp luật của cả EU và Việt Nam thì tỷ lệ này lên tới 88%. Như vậy phần lớn các doanh nghiệp ít nhất đã có ý thức về việc phải tuân thủ pháp luật Việt Nam về gỗ hợp pháp. Đây là tín hiệu khá tích cực, cho thấy việc tuyên truyền phổ biến về gỗ hợp pháp có lẽ là hoàn toàn khả thi.

Hình 24 - Hiểu biết của Doanh nghiệp về hệ thống pháp luật tuân thủ để bảo đảm gỗ hợp pháp theo VPA/FLEGT



Về các chế định pháp luật phải tuân thủ để bảo đảm gỗ hợp pháp, chế định pháp luật được nhắc tới nhiều nhất là pháp luật về gỗ nguyên liệu (gồm các quy định pháp luật liên quan tới việc trồng, khai thác, vận chuyển, mua bán gỗ nguyên liệu) – với 82% doanh nghiệp trong tổng số 17 doanh nghiệp phản hồi đề cập tới hệ thống pháp luật này. Trên thực tế gỗ nguyên liệu hợp pháp cũng là khía cạnh cốt lõi nhất của gỗ hợp pháp. Kết quả này cho thấy phần lớn doanh nghiệp đã biết về chế định quan trọng nhất mà mình phải tuân thủ để bảo đảm gỗ hợp pháp.

Lạc quan hơn, các chế định pháp luật khác nằm trong phạm vi phải tuân thủ theo yêu cầu về gỗ hợp pháp nhưng không liên quan tới gỗ nguyên liệu và vì vậy ít phổ biến hơn cũng được một tỷ lệ nhất định doanh nghiệp biết đến. Có 71% lựa chọn phải tuân thủ pháp luật về mua bán, giao dịch sản phẩm gỗ, 65% chọn pháp luật môi trường, 59% chọn các pháp luật về chủ thể như đăng ký kinh doanh, thuế. Đáng chú ý pháp luật về lao động lại nhận được tỷ lệ lựa chọn thấp nhất (47%) – trong khi đây là khía cạnh pháp luật mà ngành sản xuất chế biến gỗ có nhiều đặc thù (ví dụ lao động thời vụ, lao động trẻ em, điều kiện lao động, an toàn lao động đặc thù...). Những kết quả này có thể là gợi ý để lựa chọn các chủ đề trọng tâm khi phổ biến tuyên truyền về gỗ hợp pháp cho doanh nghiệp.

Đặc biệt, có tới 38% doanh nghiệp đã có cách hiểu đúng và lựa chọn tất cả các chế định pháp luật liên quan tới toàn bộ quy trình từ trồng, khai thác đến chế biến, giao dịch mua bán gỗ và các sản phẩm gỗ. Đây là tỷ lệ rất đáng kể, cho thấy có lý do để tin rằng việc tuyên truyền phổ biến và sau đó là thực hiện gỗ hợp pháp trong VPA/FLEGT có cơ sở để triển khai thành công nếu lựa chọn đúng hướng.

V.

Tiểu kết

1. Kết quả Khảo sát

Kết quả Khảo sát với phản hồi từ 33 doanh nghiệp dân doanh, phần lớn là quy mô nhỏ, đa số có nhiều kinh nghiệm cung cấp các sản phẩm gỗ cho các đơn vị sử dụng vốn Nhà nước, về các khía cạnh gỗ hợp pháp trong thực tiễn thực hiện các gói thầu mua sắm gỗ công cho thấy một số thực tế đáng nổi bật sau:

Về hiện trạng mua sắm đồ gỗ

- Về phương thức tiếp cận các gói thầu mua sắm gỗ công, đa số (61%) các doanh nghiệp có hợp đồng giành được qua chào hàng cạnh tranh, 58 % qua đấu thầu rộng rãi, các hình thức khác như chỉ định thầu, mua sắm trực tiếp... nhỏ hơn. Đáng chú ý, hai phương thức gián tiếp là tiếp cận qua nhà thầu chính (ký hợp đồng thầu phụ) và thông qua các đại lý bán hàng hoặc các doanh nghiệp thương mại thuần túy cũng là những hình thức khá phổ biến;
- Trong lựa chọn nhà thầu, tính hợp pháp của gỗ là “tiêu chí” ít được quan tâm nhất bởi bên mời thầu (trong so sánh với các tiêu chí khác như năng lực tài chính, kinh nghiệm, khả năng đáp ứng các tiêu chí kỹ thuật hay năng lực công nghệ của doanh nghiệp)
- Nhóm “khách hàng công” mua sắm đồ gỗ phổ biến nhất là các đơn vị sự nghiệp công (78%) – nhóm sử dụng chủ yếu các sản phẩm đồ gỗ thông dụng, có giá trị trung bình và yêu cầu về chất lượng không quá cao. Nhóm phổ biến thứ hai là các cơ quan Nhà nước ở trung ương và địa phương (69%) với nhu cầu chủ yếu về đồ gỗ văn phòng có giá trị và chất lượng của các sản phẩm gỗ cao hơn tương đối so với nhóm đơn vị sự nghiệp công. Tiếp theo là nhóm doanh nghiệp Nhà nước (56%) và các tổ chức Đoàn thể (44%)
- Sản phẩm được mua sắm phổ biến trong các gói thầu mua sắm gỗ là đồ gỗ văn phòng (91% hợp đồng có sản phẩm này). Tiếp theo là đồ gỗ trường học (66%); gỗ sử dụng trong các công trình xây dựng là nhóm phổ biến thứ ba (59%), các sản phẩm khác như đồ gỗ mỹ nghệ, đồ gỗ ngoài trời... có tần suất mua sắm ít hơn đáng kể
- Giá trị trung bình của các hợp đồng mua sắm đồ gỗ nằm trong dải từ 500 triệu đồng tới 1 tỷ và từ 3 tỷ trở lên là chủ yếu (chiếm 50% các hợp đồng) – đây là nhóm có giá trị tương đối nhỏ, nằm trong hạn mức có thể mua sắm qua hình thức chào hàng cạnh tranh, mua sắm trực tiếp, chỉ định thầu.

Về vấn đề gỗ hợp pháp trong thực tiễn các gói thầu mua sắm công đồ gỗ

- Về nguồn gỗ nguyên liệu sử dụng trong các gói thầu mua sắm gỗ công, gỗ tự nhiên nhập khẩu là nguồn phổ biến nhất (mà đặc biệt là gỗ rừng tự nhiên), tiếp theo là gỗ tự nhiên trong nước (mà chủ yếu là gỗ rừng trồng), các nguồn gỗ khác (gỗ công nghiệp, gỗ tạp...) chỉ chiếm tỷ lệ rất ít. Tuy nhiên, về khối lượng sử dụng thì gỗ rừng trồng trong nước lại được sử dụng nhiều nhất (33% doanh nghiệp sử dụng chủ yếu loại gỗ này cho các hợp đồng cung cấp gỗ cho các gói thầu), tiếp đến là gỗ rừng trồng nhập khẩu (27%). Đáng ngạc nhiên vẫn có trường hợp sử dụng chủ yếu là gỗ rừng tự nhiên trong nước – một thực tế gây quan ngại từ góc độ tính hợp pháp của gỗ trong bối cảnh từ lâu Chính phủ đã “đóng cửa rừng” – nghiêm cấm việc khai thác rừng tự nhiên trên diện rộng
- Liên quan tới nguồn gỗ rừng tự nhiên nhập khẩu, phần lớn doanh nghiệp (72%) mua lại gỗ này từ các đơn vị chuyên nhập khẩu gỗ mà không trực tiếp nhập khẩu. Đa số (80%) doanh nghiệp biết rõ loại gỗ cụ thể mà họ mua. Về loại gỗ, đáng chú ý là gỗ quý nhóm I, II lại là loại được các doanh nghiệp sử dụng cho các hợp đồng mua sắm gỗ công nhiều nhất, chủ yếu là gỗ hương, cẩm lai, gỗ đỏ, căm xe, chò, lim, mun, dổi, trắc, đinh, sến, táu, gụ...
- Liên quan tới nguồn gỗ rừng tự nhiên trong nước, chỉ có 67% doanh nghiệp luôn biết rõ về loại gỗ cụ thể từ nguồn rất rườm rà về tính hợp pháp này. Có tới 50% doanh nghiệp từng sử dụng gỗ quý nhóm I-II nguồn này cho các gói thầu mua sắm công, chủ yếu là gỗ trắc, hương, gụ, gỗ, căm xe...
- Đa số các ý tưởng về gỗ nguyên liệu trong các gói thầu mua sắm gỗ công xuất phát ngay từ bên mời thầu (có thể nêu ngay trong hồ sơ mời thầu, trong quá trình thương thảo, ký kết hợp đồng hay hình thức khác). Tuy nhiên, cũng có 1/3 các doanh nghiệp từng đưa ra gợi ý cho bên mời thầu về loại gỗ nguyên liệu. Với riêng gỗ quý nhóm I-II, tỷ lệ các trường hợp ý tưởng sử dụng gỗ quý nhóm I-II xuất phát từ yêu cầu chủ động của bên mời thầu cao gần gấp đôi tỷ lệ từ Khảo sát đã hỏi các doanh nghiệp cụ thể hơn về ý tưởng sử dụng nhóm gỗ này.
- Về mức độ quan tâm của bên mời thầu đối với vấn đề tính hợp pháp của gỗ, 74% doanh nghiệp cho biết trong phần lớn hoặc tất cả các gói thầu mà mình tham gia bên mời thầu đặt yêu cầu cụ thể về nguồn gốc hợp pháp của gỗ nguyên liệu.
 - Bằng chứng chứng minh “gỗ có nguồn gốc hợp pháp” cho bên mời thầu, mà doanh nghiệp cung cấp khá đa dạng, trong đó có các giấy tờ như giấy phép khai thác, bảng kê lâm sản, giấy chứng nhận xuất xứ để chứng minh gỗ nguyên liệu được khai thác hợp pháp. Loại bằng chứng phổ biến nhất mà doanh nghiệp thường sử dụng lại là các giấy tờ cho thấy việc mua bán gỗ là hợp pháp (hợp đồng mua bán, hóa đơn, chứng từ mua bán/nhập khẩu...) – tức là chứng minh gỗ tuân thủ pháp luật về thương mại là chủ yếu.
 - Sự quan tâm của bên mời thầu về gỗ hợp pháp còn thể hiện qua việc kiểm tra vấn đề gỗ hợp pháp khi nghiệm thu sản phẩm, theo đó 85% doanh nghiệp cho biết họ phải xuất trình các giấy tờ chứng minh nguồn gốc gỗ sử dụng, 60% phải cam kết về nguồn gốc hợp pháp của gỗ nguyên liệu.
- Về mức độ quan tâm của nhà thầu đối với vấn đề tính hợp pháp của gỗ, Khảo sát cho thấy các doanh nghiệp đã có sự chủ động nhất định trong việc thực hiện và chứng minh gỗ hợp pháp.
 - 94% doanh nghiệp có lưu giữ các chứng từ chứng minh nguồn gốc và chủng loại gỗ nguyên liệu đã sử dụng cho các gói thầu mua sắm gỗ công, 81% doanh nghiệp lưu giữ các giấy tờ khác liên quan tới việc kinh doanh sản phẩm gỗ. Phần lớn là do tự bản thân doanh nghiệp thấy cần thiết (81%) hoặc để thanh quyết toán hợp đồng (61%) chứ không phải vì đơn vị mua sắm yêu cầu;
 - 81% doanh nghiệp lưu giữ tất cả các giấy tờ chứng minh việc tuân thủ các quy định pháp luật khác liên quan tới hoạt động sản xuất kinh doanh, 100% là vì tự bản thân họ thấy cần phải lưu giữ, lý do do pháp luật hay bên mời thầu yêu cầu chỉ là thứ yếu

Tóm lại, từ góc độ thực hiện gỗ hợp pháp, Khảo sát cho một bức tranh với nhiều mảng màu sáng về các gói thầu mua sắm gỗ công thực tế mà nhóm doanh nghiệp tham gia Khảo sát thực hiện. Cả các đơn vị mua sắm và nhà thầu đều có sự quan tâm nhất định với vấn đề gỗ hợp pháp, đặc biệt là gỗ nguyên liệu hợp pháp. Đây là cơ sở tích cực để triển khai các hoạt động phổ biến tuyên truyền về yêu cầu gỗ hợp pháp trong VPA/FLEGT cũng như hướng dẫn thực hiện gỗ hợp pháp ở Việt Nam, đặc biệt trong thị trường mua sắm công đồ gỗ.

Về mức độ hiểu biết của doanh nghiệp về VPA/FLEGT

- Khảo sát cho thấy phần lớn (72%) doanh nghiệp hầu như không biết về các cam kết VPA/FLEGT; chỉ có 22% doanh nghiệp biết tương đối và 6% biết rõ về Hiệp định này. Rõ ràng VPA/FLEGT vẫn còn là chủ đề xa lạ với đa phần các doanh nghiệp trong ngành gỗ, những đối tượng chịu tác động trực tiếp cũng như là chủ thể có vai trò quyết định trong thực hiện yêu cầu gỗ hợp pháp và các cam kết khác của VPA/FLEGT;
- Mức độ hiểu biết của doanh nghiệp về phạm vi áp dụng, nội dung cam kết cốt lõi của VPA/FLEGT là rất khác nhau, đa số còn hiểu chưa chính xác, không đầy đủ:
 - Chỉ có 44% doanh nghiệp hiểu đúng về phạm vi áp dụng của VPA/FLEGT (tất cả gỗ và các sản phẩm gỗ tiêu thụ tại Việt Nam cũng như xuất khẩu đi bất kỳ thị trường nào); Trong số 56% hiểu nhầm về các trường hợp phải tuân thủ VPA/FLEGT, phần lớn nhầm lẫn rằng VPA/FLEGT chỉ áp dụng cho đồ gỗ xuất khẩu đi EU.
 - Chỉ có 6% hiểu chuẩn xác về hệ thống pháp luật cần tuân thủ để đáp ứng yêu cầu gỗ hợp pháp trong VPA (pháp luật Việt Nam). Tuy nhiên, nếu tính cả các trường hợp lựa chọn “thừa” (hệ thống pháp luật của cả EU và Việt Nam) thì tỷ lệ này lên tới 88%. Như vậy phần lớn các doanh nghiệp ít nhất đã có ý thức về việc phải tuân thủ pháp luật Việt Nam về gỗ hợp pháp.
 - Về các chế định pháp luật Việt Nam cụ thể mà doanh nghiệp phải tuân thủ để bảo đảm gỗ hợp pháp, 82% doanh nghiệp đề cập đến pháp luật về gỗ nguyên liệu (gồm các quy định pháp luật liên quan tới việc trồng, khai thác, vận chuyển, mua bán gỗ nguyên liệu). Kết quả này cho thấy phần lớn doanh nghiệp đã biết về chế định quan trọng nhất mà mình phải tuân thủ để bảo đảm gỗ hợp pháp. Doanh nghiệp cũng đề cập tới các hệ thống pháp luật khác, như pháp luật về mua bán, giao dịch sản phẩm gỗ (71%), pháp luật môi trường (65%), pháp luật về chủ thể như đăng ký kinh doanh, thuế (59%), pháp luật về lao động (47%).
 - Có 38% doanh nghiệp đã có cách hiểu bao trùm và chính xác nhất về các hệ thống pháp luật phải tuân thủ theo VPA/FLEGT, bao gồm tất cả các chế định pháp luật liên quan tới toàn bộ quy trình từ trồng, khai thác đến chế biến, giao dịch mua bán gỗ và các sản phẩm gỗ.

2. Các gợi ý chính sách cho thực thi VPA/FLEGT từ kết quả Khảo sát các doanh nghiệp

(i) Về pháp luật

Kết quả Khảo sát một lần nữa nhấn mạnh sự cần thiết phải có quy định cứng trong pháp luật đấu thầu về yêu cầu tính hợp pháp của hàng hóa mua sắm công nói chung và yêu cầu về gỗ hợp pháp đối với hàng hóa mua sắm là gỗ và các sản phẩm gỗ nói riêng. Đây là cách thức hiệu quả nhất để vấn đề về tính hợp pháp của gỗ và của hàng hóa, dịch vụ mua sắm công được bên mời thầu quan tâm, kiểm soát.

Đề xuất cụ thể xem trong Phần thứ nhất và thứ hai của Báo cáo này.

(ii) Về chính sách

Đề xuất các trọng tâm chú ý trong hoạt động phổ biến tuyên truyền về VPA/FLEGT cho doanh nghiệp:

- Các nhóm đối tượng ưu tiên: doanh nghiệp sản xuất chế biến gỗ, doanh nghiệp thương mại chuyên nhập khẩu gỗ nguyên liệu;
- Các chủ đề ưu tiên: Phạm vi sản phẩm gỗ phải tuân thủ cam kết VPA/FLEGT; Hệ thống pháp luật phải tuân thủ theo yêu cầu VPA/FLEGT
- Các vấn đề ưu tiên: Yêu cầu về gỗ nguyên liệu hợp pháp; Các loại chứng từ chứng minh gỗ hợp pháp cần có; Các rủi ro/thiệt hại pháp lý và thị trường mà doanh nghiệp phải đối mặt nếu không bảo đảm thực hiện gỗ hợp pháp.

Kết luận

Từ 1/6/2019, các cam kết trong VPA/FLEGT chính thức có hiệu lực, mở ra những kỳ vọng về quản lý bền vững rừng, phát triển bền vững ngành chế biến gỗ ở Việt Nam. Tuy nhiên, đây cũng là điểm khởi đầu của những thách thức thực thi cam kết gỗ hợp pháp ở Việt Nam.

Trong thực thi Hiệp định này, ở vai trò “khách hàng” tiêu dùng một lượng lớn các sản phẩm gỗ trên thị trường nội địa, Nhà nước có trách nhiệm bảo đảm rằng các sản phẩm gỗ mua sắm công (sử dụng vốn Nhà nước để mua sắm, thông qua thủ tục đấu thầu) phải là gỗ hợp pháp.

Tuy nhiên, các rà soát, điều tra sơ bộ từ các góc độ pháp luật và thực tiễn (cả từ phía các đơn vị mua sắm công và doanh nghiệp cung cấp đồ gỗ) trong khuôn khổ Nghiên cứu này bước đầu cho thấy Nhà nước sẽ còn rất nhiều việc phải làm để có thể bảo đảm thực hiện trách nhiệm nói trên.

Về pháp luật, rà soát pháp luật đấu thầu – khung khổ cốt lõi cho mọi hoạt động mua sắm công ở Việt Nam – cho thấy mặc dù đã có yêu cầu chung (về việc hoạt động đấu thầu phải tuân thủ tất cả các hệ thống pháp luật liên quan), pháp luật đấu thầu hiện chưa có yêu cầu cụ thể và có tính hệ thống về tính hợp pháp của hàng hóa, dịch vụ mua sắm công (trong đó có các sản phẩm gỗ). Pháp luật đấu thầu cũng không có cơ chế kiểm soát thường xuyên về khía cạnh này. Nói cách khác, pháp luật đấu thầu hiện chưa thể xem là có cơ chế hữu hiệu nhằm kiểm soát tính hợp pháp của gỗ cung cấp trong các hợp đồng mua sắm công ở Việt Nam.

Về thực tiễn, kết quả khảo sát 100 bộ hồ sơ mời thầu mua sắm gỗ trong Nghiên cứu cho thấy mặc dù rất quan tâm tới loại gỗ sử dụng nhưng đó thuần túy là mối quan tâm từ góc độ kỹ thuật (gắn với chất lượng và giá trị gỗ), các đơn vị mời thầu rất hiếm khi có yêu cầu riêng về tính hợp pháp của gỗ. Và nếu có quan tâm, mối quan tâm đó cũng là ở các khía cạnh pháp luật liên quan tới chất lượng, sở hữu trí tuệ... mà ít khi là các yếu tố cốt lõi như pháp luật về khai thác gỗ nguyên liệu.

Từ góc độ của các nhà thầu cung cấp gỗ cho các đơn vị sử dụng vốn Nhà nước, khảo sát 33 doanh nghiệp có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực này cho một số kết quả lạc quan hơn. Theo đó, mặc dù ít được quan tâm hơn so với các khía cạnh khác, vấn đề gỗ hợp pháp vẫn là một trong số các yêu cầu mà nhiều đơn vị mời thầu chú trọng. Vẫn có một tỷ lệ đáng kể các trường hợp bên mời thầu có yêu cầu cụ thể về nguồn gốc hợp pháp của gỗ nguyên liệu hoặc yêu cầu cung cấp các bằng chứng chứng minh gỗ hợp pháp. Ở góc độ khác, bản thân các doanh nghiệp hiện đã có ý thức về việc bảo đảm gỗ hợp pháp, thông qua việc chủ động lưu giữ các chứng từ chứng minh nguồn gốc và chủng loại gỗ nguyên liệu đã sử dụng cho các gói thầu mua sắm gỗ công cũng như các giấy tờ khác liên quan tới việc kinh doanh sản phẩm gỗ.

Từ các kết quả nghiên cứu này, Nghiên cứu đã đưa ra các đề xuất ban đầu về giải pháp tăng cường hiệu quả kiểm soát gỗ hợp pháp trong mua sắm công cả từ góc độ pháp luật và thực tiễn đấu thầu của bên mời thầu cũng như nhà thầu.

Về mặt pháp luật, Nghiên cứu đề xuất bổ sung vào pháp luật đấu thầu quy định điều kiện bắt buộc về tính hợp pháp của hàng hóa, dịch vụ (trong đó có gỗ và các sản phẩm gỗ).

Về mặt thực tế, Nghiên cứu gợi ý các giải pháp cụ thể và đối tượng tập trung ưu tiên trong phổ biến tuyên truyền, đào tạo về đấu thầu mua sắm gỗ. Ví dụ, *đối với nhóm các đơn vị mời thầu*, cần bổ sung các hướng dẫn riêng liên quan tới mua sắm đồ gỗ trong các giáo trình đào tạo, các Sổ tay hướng dẫn về đấu thầu, Hướng dẫn ứng xử tự nguyện về mua sắm công đồ gỗ, hay các hoạt động tuyên truyền phổ biến về chủ đề mua sắm công đồ gỗ cho các nhóm có “nguy cơ cao” (ví dụ các cơ quan Nhà nước cấp tỉnh). *Đối với các doanh nghiệp – nhà thầu*, cần tập trung cho các hoạt động phổ biến, tuyên truyền về gỗ hợp pháp cho nhóm sản xuất chế biến gỗ, và nhóm thương mại chuyên nhập khẩu gỗ nguyên liệu, xoay quanh các chủ đề dễ gây hiểu nhầm như phạm vi sản phẩm gỗ phải tuân thủ cam kết VPA/FLEGT; Hệ thống pháp luật phải tuân thủ theo yêu cầu VPA/FLEGT; Nội dung yêu cầu và cách thức bảo đảm tuân thủ gỗ hợp pháp....

Hy vọng rằng sau Nghiên cứu ban đầu này, Nhà nước, các doanh nghiệp và toàn xã hội sẽ có sự quan tâm hơn, nhận thức đầy đủ hơn về vấn đề gỗ hợp pháp trong pháp luật và thực tiễn đấu thầu mua sắm công ở Việt Nam. Đồng thời, cũng hy vọng các đề xuất, gợi ý chính sách từ Nghiên cứu được lắng nghe, tiếp nhận và hiện thực hóa. Qua đó, chúng ta cùng hy vọng vào những chuyển biến tích cực và hiệu quả nhằm giảm thiểu và loại bỏ gỗ bất hợp pháp trong khu vực mua sắm công đồ gỗ ở Việt Nam, góp phần bảo đảm gỗ hợp pháp ở Việt Nam nhằm thực thi VPA/FLEGT cũng như vì lợi ích và sự phát triển bền vững của chính môi trường, rừng và ngành chế biến gỗ Việt Nam.

Phụ lục 1

Danh mục văn bản pháp luật đấu thầu được rà soát

I. Luật Đấu thầu 2013

II. Nghị định

- Nghị định 63/2014/NĐ-CP hướng dẫn Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu
- Nghị định 151/2017/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước

III. Thông tư

- Thông tư 01/2015/TT-BKHĐT quy định chi tiết lập Hồ sơ mời quan tâm, Hồ sơ mời thầu, Hồ sơ yêu cầu dịch vụ tư vấn
- Thông tư 03/2015/TT-BKHĐT Quy định chi tiết lập hồ sơ mời thầu xây lắp
- Thông tư 05/2015/TT-BKHĐT Quy định chi tiết lập hồ sơ mời thầu mua sắm hàng hóa
- Thông tư liên tịch 07/2015/TTLT-BKHĐT-BTC hướng dẫn cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và lựa chọn nhà thầu qua mạng
- Thông tư 10/2015/TT-BKHĐT quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu
- Thông tư 11/2015/TT-BKHĐT quy định chi tiết việc lập hồ sơ yêu cầu đối với chỉ định thầu, chào hàng cạnh tranh
- Thông tư 19/2015/TT-BKHĐT quy định chi tiết lập báo cáo thẩm định trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu
- Thông tư 23/2015/TT-BKHĐT quy định chi tiết lập báo cáo đánh giá hồ sơ dự thầu
- Thông tư 190/2015/TT-BTC quy định về quản lý, sử dụng chi phí trong quá trình lựa chọn nhà thầu các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước và vốn trái phiếu
- Thông tư 10/2016/TT-BKHĐT Quy định chi tiết việc giám sát, theo dõi và kiểm tra hoạt động đấu thầu
- Thông tư 11/2016/TT-BKHĐT hướng dẫn lập hồ sơ mời thầu thiết kế, cung cấp hàng hoá và xây lắp (EPC)
- Thông tư 14/2016/TT-BKHĐT quy định chi tiết lập hồ sơ mời thầu dịch vụ phi tư vấn
- Thông tư 16/2016/TT-BKHĐT hướng dẫn lập hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu lựa chọn nhà thầu thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất
- Thông tư 55/2016/TT-BTC quy định về quản lý tài chính đối với dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư và chi phí lựa chọn nhà thầu
- Thông tư 58/2016/TT-BTC quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp
- Thông tư 04/2017/TT-BKHĐT quy định chi tiết về lựa chọn nhà thầu qua Hệ thống mạng đấu thầu Quốc gia

- Thông tư 06/2017/TT-BKHĐT quy định chi tiết việc cung cấp thông tin về đấu thầu, báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu về lựa chọn nhà thầu
- Thông tư 75/2017/TT-BTC sửa đổi Thông tư 55/2016/TT-BTC quy định nội dung về quản lý tài chính đối với dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư và chi phí lựa chọn nhà thầu
- Thông tư 30/2018/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 75/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 55/2016/TT-BTC quy định một số nội dung về quản lý tài chính đối với dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư và chi phí lựa chọn nhà thầu

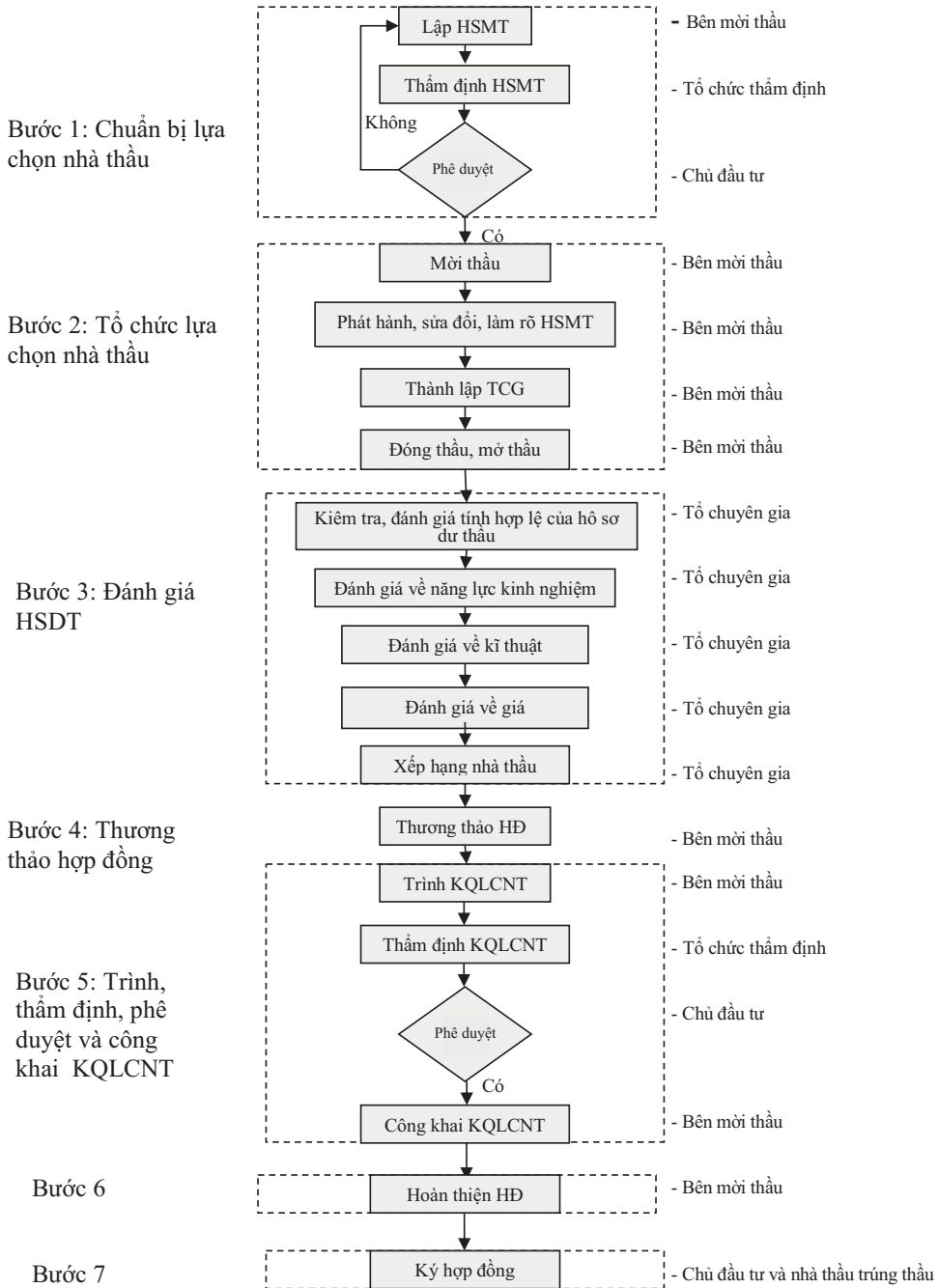
Phụ lục 2

Các Quy trình đấu thầu cơ bản

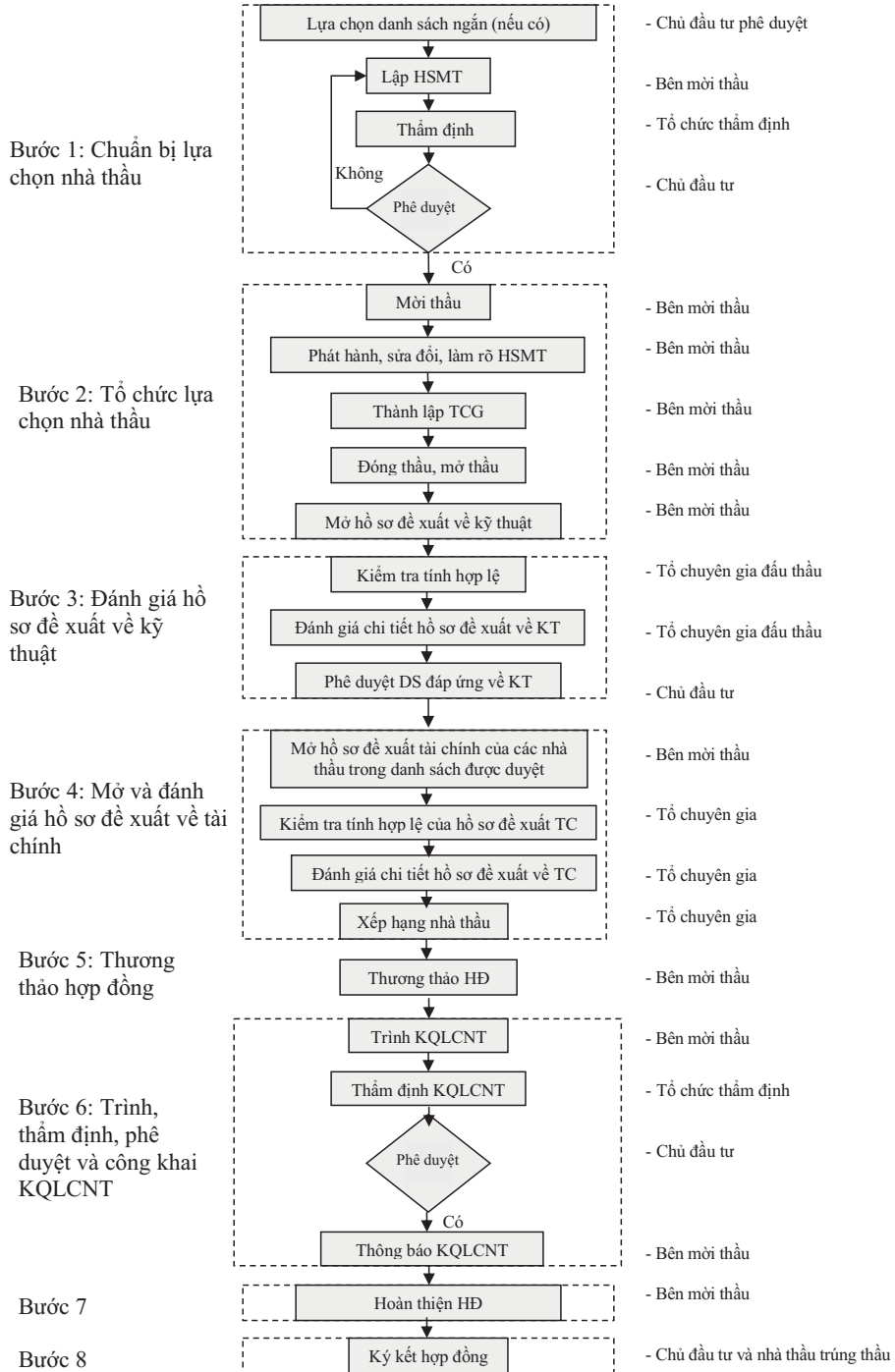
TỪ NGỮ VIẾT TẮT

Luật đấu thầu	Luật đấu thầu số 43/2013/QH13
Nghị định số 63/2014/NĐ-CP	Nghị định số 63/2014/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu
CĐT	Chủ đầu tư
BMT	Bên mời thầu
TCG	Tổ chuyên gia
TTĐ	Tổ chức thẩm định
HSMT	Hồ sơ mời thầu
HSDT	Hồ sơ dự thầu
HSYC	Hồ sơ yêu cầu
HSĐX	Hồ sơ đề xuất
KHLCNT	Kế hoạch lựa chọn nhà thầu
KQLCNT	Kết quả lựa chọn nhà thầu
HSĐXKT	Hồ sơ đề xuất kỹ thuật
HSĐXTC	Hồ sơ đề xuất tài chính

QUY TRÌNH ĐẤU THẦU RỘNG RÃI, ĐẤU THẦU HẠN CHẾ THEO PHƯƠNG THỨC MỘT GIAI ĐOẠN MỘT TÚI HỒ SƠ

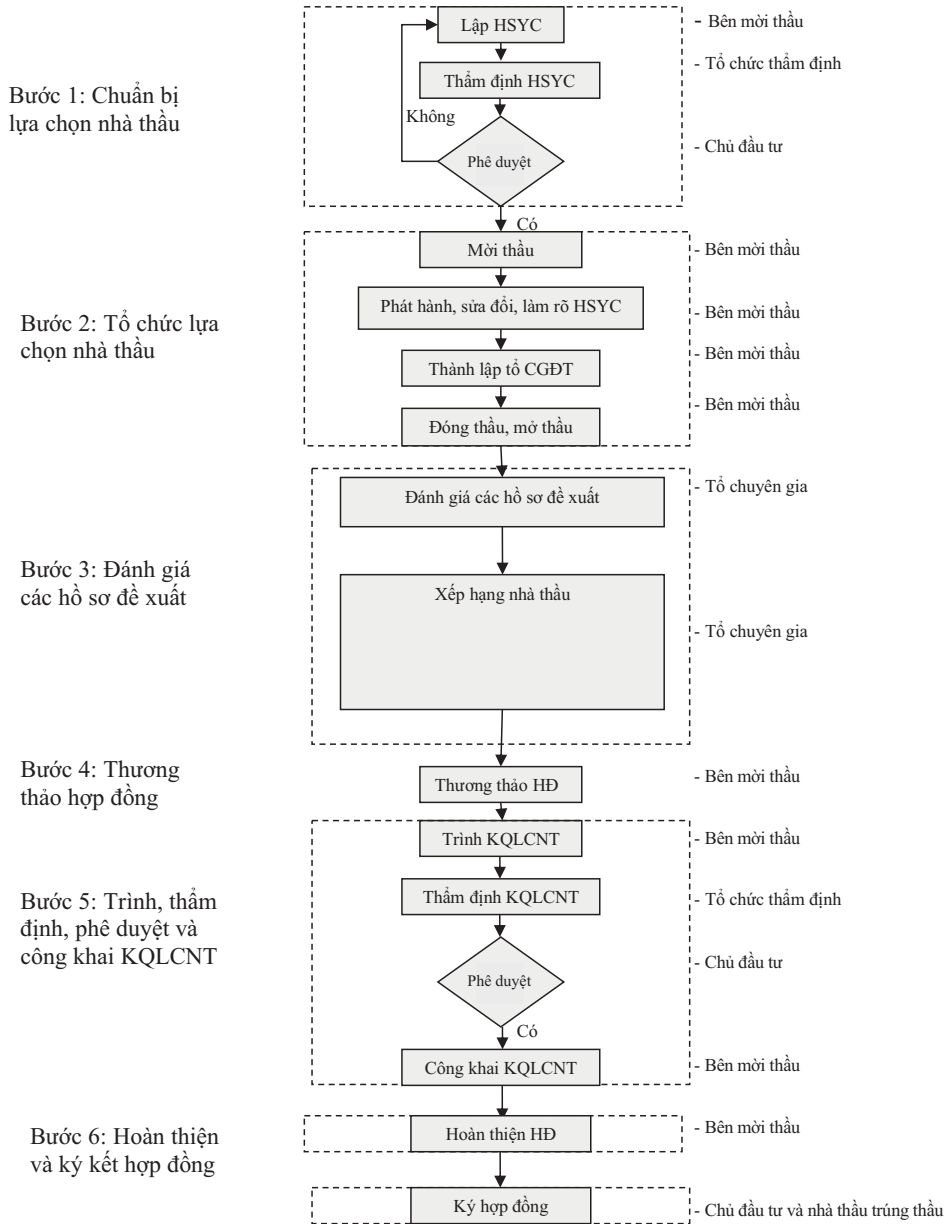


QUY TRÌNH ĐẤU THẦU RỘNG RÃI, ĐẤU THẦU HẠN CHẾ THEO PHƯƠNG THỨC MỘT GIAI ĐOẠN HAI TÚI HỒ SƠ



QUY TRÌNH TỔNG QUÁT LỰA CHỌN NHÀ THẦU THEO HÌNH THỨC CHÀO HÀNG CẠNH TRANH

A- Quy trình chào hàng cạnh tranh thông thường



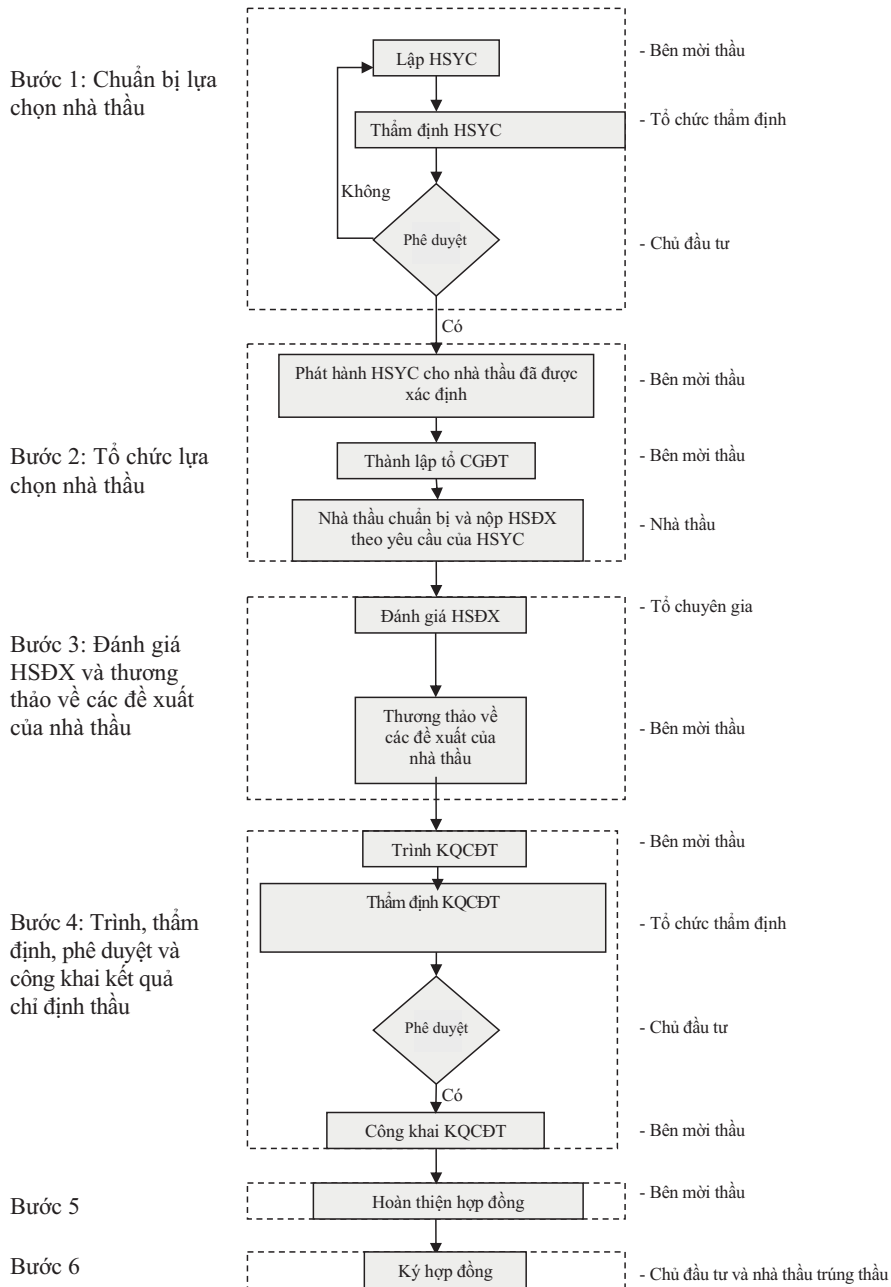
B- Quy trình chào hàng cạnh tranh rút gọn

Quy trình chào hàng cạnh tranh rút gọn được thực hiện như sau:

1. Chuẩn bị Bản yêu cầu báo giá: BMT
2. Thẩm định Bản yêu cầu báo giá: BMT
3. Phê duyệt Bản yêu cầu báo giá: CĐT
4. Đăng tải thông báo mời chào hàng: BMT
5. Tiếp nhận báo giá và lập biên bản mở thầu: BMT
6. Đánh giá các báo giá: TCG
7. Trình kết quả lựa chọn nhà thầu: BMT
8. Thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu: TTĐ
9. Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu: CĐT
10. Công khai kết quả lựa chọn nhà thầu: BMT
10. Hoàn thiện và ký kết hợp đồng: CĐT và nhà thầu trúng thầu

QUY TRÌNH TỔNG QUÁT LỰA CHỌN NHÀ THẦU THEO HÌNH THỨC CHỈ ĐỊNH THẦU THÔNG THƯỜNG

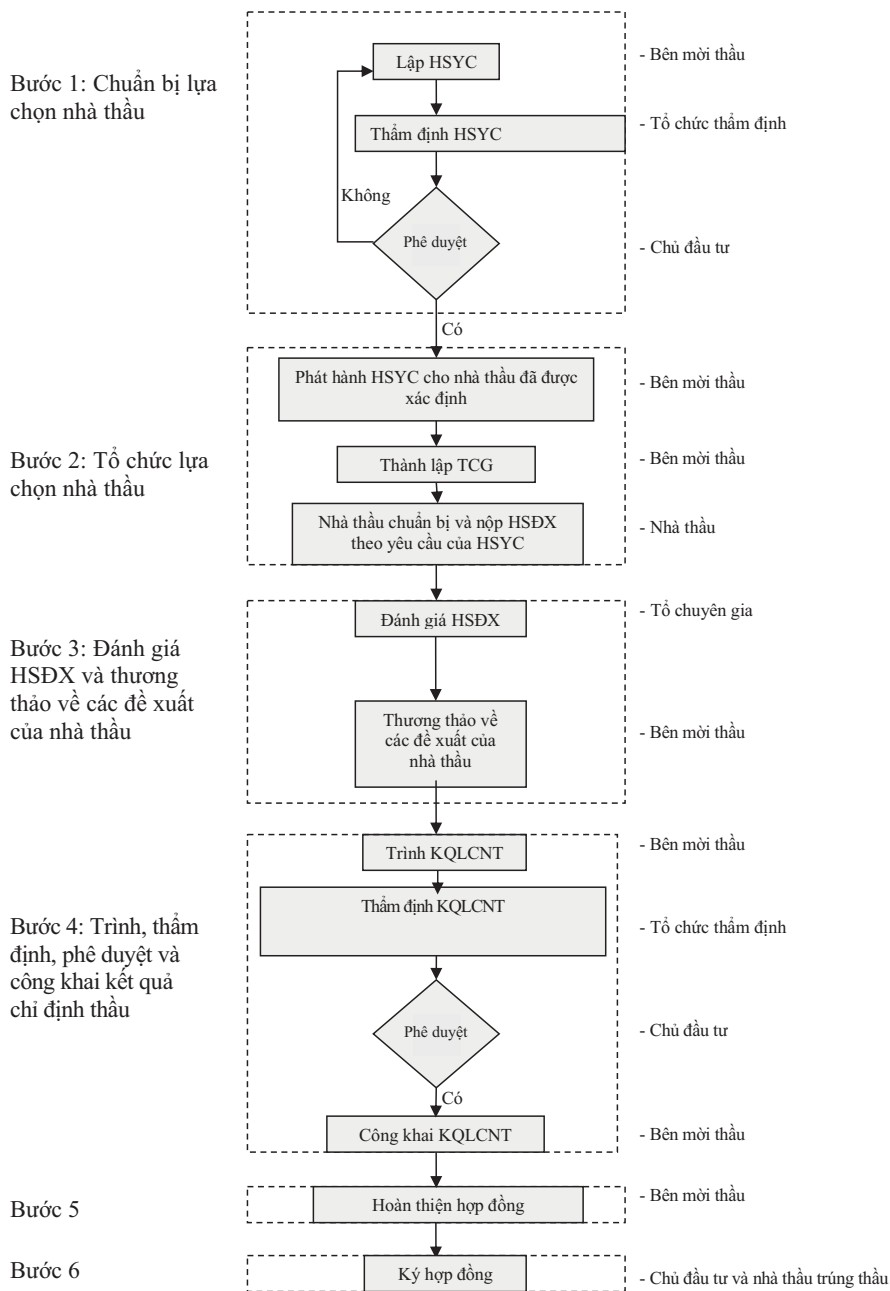
A- Quy trình chỉ định thầu thông thường



B- Quy trình chỉ định thầu rút gọn đối với gói thầu trong hạn mức chỉ định thầu theo quy định tại Điều 54 của Nghị định số 63/2014/NĐ-CP

1. Chuẩn bị và gửi dự thảo hợp đồng: BMT
2. Xác định nhà thầu có đủ năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu của gói thầu: CĐT
3. Thương thảo, hoàn thiện hợp đồng: Bên mời thầu và nhà thầu
4. Thẩm định kết quả chỉ định thầu (tùy theo quy mô, tính chất gói thầu để thực hiện thẩm định hay không): TTĐ
5. Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu: CĐT
6. Công khai kết quả lựa chọn nhà thầu: BMT
7. Ký kết hợp đồng: CĐT và nhà thầu trúng thầu

QUY TRÌNH TỔNG QUÁT LỰA CHỌN NHÀ THẦU THEO HÌNH THỨC MUA SẮM TRỰC TIẾP



TRUNG TÂM WTO VÀ HỘI NHẬP
PHÒNG THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 09 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: +84 24 35771458; Fax: +84 24 35771459
Email: banthuky@trungtamwto.vn
Website: www.trungtamwto.vn/www.chongbanphagia.vn
Facebook.com/[trungtamwto vahoinhap](https://www.facebook.com/trungtamwto vahoinhap)

